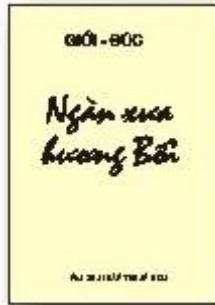


Ngàn Xưa Hương Bối



Minh Đức Triều Tâm Ảnh

---o0o---

Nguồn

<http://www.budsas.org/>

Chuyển sang ebook 11-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihei.org](http://www.phapthihei.org)

Mục Lục

NGƯỜI NGU VÀ KẺ TRÍ
VÌ ĐỘNG LÒNG TRẦN
NGƯỜI HIỀN TRÍ
CON NGỔNG TRỜI VÀNG
CHÀNG SA-MÔN HỌA SĨ
THÀ SỐNG HÔI HƠN CHẾT SẠCH
CỒI TRỜI BA MƯƠI BA
VÒNG TAY KIỀU NỮ
TÒA BẢO THÁP
KHỔ HẠNH LIM DIM MẮT
CÓ KHI GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH HƠN XƯA
NGƯỜI NGU
GIẾT NGƯỜI ĐỀ TẾ THẦN
QUẢ BÁO KHỦNG KHIẾP

---o0o---

NGƯỜI NGU VÀ KẺ TRÍ

Thuở xưa, tại kinh thành của một tiểu quốc xứ Ấn Độ có một nhà triệu phú. Y không tin Trời, Thần và số mệnh. Y thường nói:

- Hễ có chí, có tài là làm nên sự nghiệp. Chẳng có số mệnh, nhân quả, thiện ác gì hết.

Nhà triệu phú có hai người con trai. Hôm kia, y cho mời một thầy Bà-la-môn lổi lạc đến nói rằng:

- Ta không tiếc thù lao trăm vạn, miễn là con ta thành kẻ tài cao, có bản lĩnh vang danh thiên hạ. Đừng dạy những cái thứ vớ vẩn là triết lý, văn chương, kinh thư,... Thầy có làm được như thế không?

Thầy Bà-la-môn gật đầu, làm giấy tờ văn bản theo như lời thỏa thuận của hai bên, có triện son của Đức Vua rồi dẫn hai người con trai của nhà triệu phú lên đường.

Đúng ngày hẹn, mười năm sau họ trở lại.

Thầy Bà-la-môn nói:

- Những thanh niên quý tử con ngài giờ đã có tài cao và bản lĩnh. Họ sẽ thành công ở mỗi địa hạt khác nhau. Bây giờ ngài hãy cho thù lao.

Nhà triệu phú mặt mày hớn hở:

- Tốt lắm! Vậy thầy đòi bao nhiêu?

Thầy Bà-la-môn cất giọng trịnh trọng:

- Các quý tử con ngài chỉ được cái mã bên ngoài, còn căn cốt thì chậm lụt, ngu đần. Chắc chúng là cốt tinh của Thần Vịt Đục, Thần Lừa hai đầu ho?c Thần Bò Cái. Tôi đã gian lao vất vả mười năm...

Nhà triệu phú tối sầm mặt, quát khê:

- Thôi đi. Hãy kể nhanh lên!

Thầy Bà-la-môn mỉm cười:

- Trước tiên muốn cho các quý tử theo đuổi được sở học, tôi phải hội lộ với Thần Trí Khôn, nhờ ngài giải phẫu cho cái đầu óc mít đặc đầy những kiêu căng, ngu si, thịt mỡ và vật thực. Để chi phí cho khoảng cúng tế này, tôi đã phải mất hết mười vạn đồng tiền vàng.

Nhà triệu phú giật thót mình.

Thầy Bà-la-môn đều đều tính số:

- Thế chât các quý tử con ngài ẻo lả mềm yếu như lau cói; lại lười biếng, nhút nhát như cốt tinh của Thần Heo, Thần Thỏ Đục. Tôi phải xõa tóc, đốt trầm, ăn chay nằm đất hai năm ròng rã để cầu khẩn Thần Sức Khỏe, Thần Ý Chí, Thần Sự Tử ba mắt uy mãnh. Khoản chi phí này vì phải hội lộ nhiều nơi, nên đã mất đi khoảng hai mươi vạn đồng tiền vàng.

Nhà triệu phú như bị kiến đốt, trán đã rơm rớm mồ hôi.

Thầy Bà-la-môn lảm nhảm tính một hồi nữa rồi than khê:

- Ôi! Hỡi Thần Nhật Nguyệt, Thần Núi Sông, Thần Ban Ngày, Thần Ban Đêm, Thần Thời Gian, Thần Đất Đai, Thần Cây Cỏ, Thần Hư Không, Thần Gió và Thần Mây! Các khoản thù lao kia tôi chưa tính đến quý ngài, nhưng vốn tính tình nhân hậu, quý ngài cũng hỷ xả cho thôi!

Lại nói:

- Thêm công lao dạy dỗ mười năm, cơm áo, vật thực, sách đèn,... tính đồ đồng mỗi quý tử cũng mất hết mười lăm vạn, hai vị quý tử là chẵn ba mươi vạn! Như thế, cộng cả hai khoản chi phí trên nữa là đúng sáu mươi vạn đồng tiền vàng. Nhưng lạ Thần Thiện Tâm, Thần Bác Ái và Thần Hoan Hỷ có cái tai to và nụ cười đôn hậu, tôi xin hiến cúng lại gia chủ mười vạn, chỉ xin nhận năm mươi vạn đồng tiền vàng mà thôi. Ngài hãy thanh toán cho!

Thầy Bà-la-môn nói xong, lấy văn kiện có triện son của Đức Vua, nói rằng:

- Ở khoản này có ghi: "Gia chủ chẳng tiếc thù lao trăm vạn, miễn là hai con có tài cao và bản lĩnh".

Thầy Bà-la-môn xá nhà triệu phú thật sâu rồi khép nép đứng một bên rất lễ độ, trên môi thoáng nụ cười khiêm tốn.

Nhà triệu phú đầu tóc rụng đã một nửa, ông ta bóp trán suy nghĩ một lát rồi chột cười ha hả:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Các khoản thù lao như vậy là xứng đáng. Nhưng cái tài của hai con ta thì lấy gì làm bằng? Các ngài Bà-la-môn vốn là giòng dõi học thức, đa ngôn, lớn lối,... Nhưng làm sao ta tin các ngài được?

Nhà triệu phú thấy mình thắng lý, thích chí nhìn thầy Bà-la-môn cười to lên.

Thầy Bà-la-môn cau mày tự nghĩ:

"- Ai bảo bậc minh triết có trí khôn vẹn toàn, ta bảo kẻ ấy là người ngu."

Bèn nhường lui một bước:

- Vậy chúng tôi chờ đợi. Nếu trong vòng một năm trở lại, hai quý tử quá có tài cao riêng biệt theo như lời cam kết, tôi đến lấy tiền cũng không muộn gì.

Họ lại làm bản giao kèo lần thứ hai, có triện son của Đức Vua.

Sau đó, nhà triệu phú chu cấp tiền bạc cho hai con lên đường, tự nghĩ:

"- Nếu một năm sau, con ta chứng tỏ không có tài thì ta chẳng tốn một xu. Và quả nó có tài và bản lĩnh thật sự thì trăm vạn đồng tiền vàng nào có nghĩa gì? Trích từ phần lời này ta trả cho bên kia. Thế là cả hai đảng ta đều có lợi."

Rồi nhà triệu phú lầm bầm một câu triết lý:

"- Ngoài đầu óc của tên triệu phú, thế gian không có trí khôn."

Đúng như dự đoán của thầy Bà-la-môn, một năm sau hai chàng quý tử trở về. Nhà triệu phú nhìn hai con, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược.

Đứa thứ nhất lịch kịch với chiếc nạng gỗ, áo vá trăm mảnh. Rõ là một tên ăn xin tàn tật. Đứa thứ hai da xanh như tàu lá, đôi mắt lác liêng thất thần. Rõ là một con quỷ thân tàn ma dại.

Thầy Bà-la-môn xuất hiện đòi trả tiền thù lao như lời cam kết.

Nhà triệu phú vỗ bàn, dậm ngực, bứt râu, hét:

- Người không thấy sao mà dám vác mặt đến đây? Ta sẽ kiện Đức Vua cho người đi ở tù.

Thầy Bà-la-môn cứng cỏi đáp:

- Hãy đi ngay! Nếu ta không lấy được năm mươi vạn đồng tiền vàng, sao thế gian gọi ta là bậc thầy lỗi lạc?

Đức Vua sau khi xem mấy bản văn, nhìn hai người thanh niên rồi quay sang nhìn thầy Bà-la-môn từ đầu cho đến chân, nghiêm giọng nói:

- Thầy hãy trả lời cho mình bạch trước công lý.

Thầy Bà-la-môn nghiêng mình tâu:

- Xin đáng Thượng hoàng anh minh! Trước bệ rồng xin cho hạ thần tự sự trình bày đầu đuôi gốc ngọn.

- Cứ nói!

- Tâu Đại Vương! Hạ thần chỉ làm theo văn bản đã cam kết giữa hai bên mà thôi. Trong bản giao kèo ấy, ghi là đào tạo cho hai cậu quý tử con ngài triệu phú đây có "tài cao và bản lãnh", mà không xác định là tài cao và bản lãnh gì! Và hạ thần đã làm đúng như thế. Suốt cả năm qua khắp cả kinh thành, chẳng ai là không nghe danh hai kẻ tài cao vô địch ấy!

Đức Vua và triều thần nghi ngờ đưa mắt nhìn nhau. Chợt một tiếng nói:

- Muôn tâu bệ hạ! Năm qua ở đất Thần châu xuất hiện hai nhân vật tài cao và bản lãnh lạ lùng. Một người có tài "chim gái". Ít nhất là có một ngàn công nương, tiểu thư, mệnh phụ đều mê mệt vì những lời đường mật dụ dỗ ngon ngọt của y. Người ấy có ngoại hiệu mà không ai không biết là "Thần Châu Đệ Nhất Sở Khanh". Ôi! Cái tài và cái danh đến độ như vậy là cùng rồi. Chẳng hay thầy Bà-la-môn muốn nói đến người này?

- Chính thị! Thầy Bà-la-môn gật đầu.

Tiếng kia lại đều đều tiếp:

- Bản lãnh người thứ hai dường như thâm diệu hơn. Tâu bệ hạ! Với hai bàn tay trắng đến kinh đô, y đi lượm những đồ phế thải hoặc mua với giá rẻ những vật người ta không dùng, đem về tự mình chế biến thành những vật dùng được. Đối với y, cái gì cũng có thể biến thành tiền cả. Tiền và tiền! Mới nửa năm mà gia tài của y đã có đến vài chục vạn. Nhưng y tham lam quá độ, chỉ thấy lợi, nghĩ đến lợi của mình chứ không thấy ai khác. Y có ngoại danh "Kiên Lợi Bất Kiến Nhân". Trong vài cuộc hùn hạp làm ăn bậm trợn, sinh tử, không kể đến tìn, nghĩa, y vợ vét sạch tiền bạc của người ta rồi trở mặt, phản trắc. Do vậy, ở đất Thần châu, khi nhắc đến "Kiên Lợi Bất

Kiến Nhân" hoặc "Thần Châu Đệ Nhất Tham Tài" thì không ai khỏi lắc đầu lè lưỡi! Than ôi, cái tài và cái danh đến như thế là cùng độ rồi! Thưa thầy Bà-la-môn khả kính! Chẳng hay người ấy cũng là quý tử của nhà triệu phú cao trọng đây? Là cao đệ của ngài?

Thầy Bà-la-môn khi nghe đến hai chữ "cao đệ" chột đỏ mặt lên nhưng cũng gật đầu.

Đức Vua đưa mắt nhìn hai người thanh niên một hồi rồi nói:

- Tên thứ nhất, đệ nhất hào hoa phong nhã, mà bây giờ như con quỷ tanh nhờn, da xanh, nanh vàng thế? Ai biết tại sao?

Giọng nói kia tiếp tục:

- Tâu bệ hạ! Nghe đâu thần thoại bên cõi Tây Man có vị thần vì yêu thương hết mình, hết xương tủy mà ra thế! Lại nữa, các đấng mây râu bị mọc sừng, phục kích đánh đập y một trận trăm chết một sống rồi quăng y vào một đồng rác ở ngoại ô!

Đức Vua gật đầu:

- À, ra thế! Còn vị thứ hai này, tại sao lại trở thành tên khất cái tàn tật? Y giàu có lắm mà!

- Cửa thiên trả địa, tâu bệ hạ! Những kẻ bị lòng gạt hòa nhau trả thù. Họ đeo mặt nạ, giả tướng cướp kéo đến phá tan gia sản của y, cướp hết ngọc ngà châu báu của y, bẻ gãy chân tay y rồi quăng y cũng cùng trên đồng rác ấy! Thế rồi hai anh em y chột tao ngộ tương phùng nơi cảnh giới đòi nợ, lẫn xanh, chuột chết,... cùng băng bó vết thương cho nhau, rồi cùng "vinh quy bái tổ" về làng!

Đức Vua cười híp mắt rồi gục gặc nói:

- Nếu bảo tài thì cũng là đại tài! Nếu bảo danh thì cũng là trứ danh! Nhưng nếu tài danh mà không có đạo đức và lương tri hướng dẫn thì đến lúc phải thân tàn ma dại, khuynh gia bại sản, bị mọi người khinh rẻ và chuốc hiểm họa vào thân mà thôi!

Chợt Đức Vua ngẩng đầu lên:

- Này thầy Bà-la-môn! Ai cho phép thầy dạy người không theo khuôn phép của minh triết, thánh thư?

Thầy Bà-la-môn đáp rỏ ràng:

- Muôn tâu! Lỗi không phải ở hạ thần! Ngài triệu phú đây vốn là kẻ ngoại đạo. Ngài ấy không tin trí khôn của thánh hiền. Ngài ấy bảo minh triết, văn chương, thánh thư là vớ vẩn. Ngài ấy chỉ tin vào đầu óc của mình thôi!

Đức Vua mặt rùng cau lại, vỗ long ngài:

- Quốc độ này không có những loại thầy như ngươi! Ta tuyên phạt ngươi "hai trăm năm" lưu đày ngoài hoang đảo vì giáo dục phi đạo đức!

Đức Vua lại hăm hăm quay qua nhà triệu phú:

- Còn tên trọc phú xấu xa dê hèn kia! Ngươi là kẻ thua cuộc! Hãy trả cho lão Bà-la-môn năm mươi vạn đồng tiền vàng rồi xéo đi khỏi nước này cùng với tài sản của ngươi! Lập tức đi ngay! Ta không muốn nhìn mặt ngươi nữa!

Tuyên án xong, Đức Vua lẩm bầm:

"- Kinh khiếp! Người ngu, kẻ trí, người trí, kẻ ngu!"

Rồi tất tả lui vào hậu cung như không còn dám nhìn mặt "người ngu, kẻ trí" trên đời này nữa!

---o0o---

VÌ ĐỘNG LÒNG TRẦN

Xứ Ăng-ca lúc này có nạn trộm cướp nổi lên. Chúng bắt trâu, bò, heo, gà, vịt, chó,... lên núi ăn thịt, lấy máu tế thần rồi nhảy múa ca hát xung quanh đám lửa rừng.

Hết gia súc, chúng lại cướp của, giết người, làm cho xứ Ăng-ca náo loạn cả lên. Triều đình họp lại bàn phương kế đối phó.

- Bọn chúng là nhóm cuồng tín Bái Hỏa Giáo, một loại tà đạo từ xứ Ba Tư truyền sang - một người râu - Chúng có học chú thuật, xuất hiện như quỷ, biến đi như ma! Nhiều hiệp sĩ võ nghệ trùm đời mà chẳng làm gì chúng được!

- Không thể nhìn ra chân tướng chúng - người khác lại râu - Chúng lẫn lộn khắp nơi. Biết đâu tại nơi này cũng có thuộc hạ tay chân của chúng?

Đức Vua xứ Ăng-ca run lẩy bẩy, ngồi không yên trên ngai rồng. Quân thần lúm lét đưa mắt nhìn nhau.

- Cả bá quan đại thần như thế này mà thầy đều bất lực rồi sao? Đức Vua trấn tĩnh nói - Ai có biện pháp đối phó hữu hiệu, trăm sẽ chia cho nửa giang san!

Chợt một đạo sĩ xuất hiện đột ngột trước cung đường, cất giọng nói như chuông ngân:

- Có! Tâu Đại Vương! Tại hồ Gay Cán, núi Kinh Hoàng, cách quốc độ Thiết Xoa mười lăm do tuần về hướng tây, có nhà tiên tri vô danh sống ở đây. Dùng lễ trọng hậu thỉnh ngài về là chắc chắn cứu nguy cho nạn nước.

Đạo sĩ nói xong lùi ra cửa rồi biến mất.

Đức Vua xứ Ăng-ca sau giây khắc kinh dị, bèn vui mừng cấp 500 ngựa xe chở đầy đồ lễ, 500 tùy tùng và quân hộ vệ, sai quan Thượng thư đi suốt ngày đêm.

Đến nơi, quan Thượng thư thấy giữa hồ trong xanh như mắt mèo, có một đạo sĩ gầy khô như que củi đang ngồi nhập định trên một lá sen! Một tiểu đồng đang nấu nước pha trà trên một lá sen khác.

Chẳng dám kinh động đạo sĩ, quan Thượng thư lân la trình bày câu chuyện với chú tiểu đồng.

Lặng lẽ nghe xong, chú tiểu đồng tròn mắt:

- 500 xe lẻ? Để làm gì? Chúng tôi có sống với những thứ đó đâu? Ngài không thấy là nhà cửa, mùng mền, chiếu gối của chúng tôi đều đầy đủ ở trên một lá sen hay sao? Rồi, với củ sen, nước hồ và trái cây rừng, chúng tôi đã sống một cuộc đời hoan lạc.

- Cả một nửa giang san cho sau này - quan Thượng thư năn nỉ - thì tha hồ sống một đời nhung lụa, đế vương.

Chú tiểu đồng cười ha hả, má lúm đồng tiền:

- Thôi đi, là cái nửa giang san của ngài! Cái nửa giang san gồm người không ra người, ngọc không ra ngọc! Cái nửa giang san mà... nào là con cò dối trá, con beo lang độc, con ong đường mật, con heo tạp ăn, con mèo chung điện, con sêu kiêu căng,...Ồi! Đây là một nửa giang san của ngài, quý hóa gì đâu!

Vị đạo sĩ già chột mở mắt ra:

- Đừng con! Người ta đã có lòng thành. Thầy đã tiên tri mọi việc. Phải cứu Đức Vua nhân hậu và bá tánh hiền lương ấy. Quốc độ xứ Ăng- ca kia sẽ được thái bình một thời gian.

Quan Thượng thư mát lòng mát dạ, cùng đám tùy tùng quý xuống trên bờ hồ phục lạy đấng Thần-nhân.

Vị đạo sĩ khẽ nói:

- Hồn Nhiên con - tên chú tiểu đồng - lên đem con hạc núi Kinh Hoàng xuống đây. Để thầy pha trà cho!

Khi vị đạo sĩ châm trà uống thì chú tiểu đồng đã nhảy lên rừng, lát sau mang xuống một lồng chim được kết bằng những sợi tơ mỏng. Trong lồng có một con hạc đã già, trần trụi lông.

Đạo sĩ nhìn hạc nói:

- Này con, lòng con đã xúc động tràn tục từ bao giờ?

Chột nhiên hạc nói tiếng người:

- Xin Chân nhân tha tội!

Nói xong hạc cúi đầu xuống.

Đạo sĩ giọng trầm âm, hiền hòa:

- Một ngàn năm tu hành, thế là nước chảy về sông rồi, con ơi! Con đã xô lồng, đã xuống kinh đô giả trang làm đạo sĩ để mưu cầu công danh, có phải thế không?

Hạc cũng chỉ nói một câu:

- Xin Chân nhân tha tội.

Đạo sĩ thở dài:

- Con có tội đâu, chỉ do nghiệp con còn nặng, phải năm trăm kiếp nữa con mới trở lại thân người. Thầy thương con, nhưng thầy cũng không cưỡng được các định luật. Thôi, con hãy đi đi. Con hãy về kinh đô xứ Ăng- ca mà hưởng phú quý vài mươi năm.

Hạc bước ra khỏi lồng, hóa hiện thành một vị đạo sĩ quắc thước, đầu hói, phủ phục bên chân đạo sĩ già:

- Con sẽ trở lại!

Tin một cao đệ của nhà tiên tri vô danh hồ Gay Cán, núi Kinh Hoàng về thành đô ra tay diệt cướp rì rào như gió qua cửa tai mọi người.

Ngày hôm sau, tất cả bọn cướp đều đã nghe tin.

Ngày hôm sau nữa, bọn cướp lục tục kéo nhau trốn lên rừng.

Triều đình cho người đi dò la khắp chốn, quả là nơi nơi dân chúng đang mở hội ăn mừng. Nhà vua chuẩn hứa chia cho đạo sĩ nửa giang san để thỏa mộng trần. Đạo sĩ cưới vợ, sinh con, sống trong tòa lâu đài bằng vàng bạc, dưới sự sủng ái của Đức Vua, lòng tri ân của bá tánh.

Vài chục năm sau, đạo sĩ chợt nhớ thầy, bèn giao công việc cho con trai, hóa thân thành hạc, vỗ cánh bay về núi Kinh Hoàng. Bọn cướp hay tin kéo nhau về kinh đô cướp phá dữ dội.

Vua triệu con trai đạo sĩ đến phán:

- Khanh hãy mau trở tài giúp trẫm, bọn cướp lại hoành hành khắp mọi nơi.

Con trai đạo sĩ mỉm cười:

- Xin bệ hạ an tâm. Ngay ít hôm thôi, bọn cướp sẽ không còn một mống.

Quả thật không phải "hữu danh vô thực", con ông không những giống lông, giống cánh, mà còn "hậu sinh khả úy" nữa! Con trai đạo sĩ xuống Thủy Bồng mượn chiếc Cung tuyết, lên núi Hỏa Diệm mượn con Ngựa lửa, đeo vào "con mắt thứ ba", hét lên một tiếng lao đi vùn vụt giữa không gian quốc độ, hào quang sáng chói, chỉ trong vài đêm giết hết ba vạn tên cướp và phá tan sào huyệt của Bái Hỏa Giáo.

Đức Vua vuốt râu cười đẹp dạ. Mọi người nhảy nhót vui mừng mở hội liên hoan.

Đạo sĩ trở về nghe được mọi chuyện, dấm chân than:

- Thôi hỏng, thằng con ngu si đã gieo họa xuống rồi!

Con trai đạo sĩ bị mắng như tát nước vào mặt mà không hiểu lý do.

Đạo sĩ phải nói:

- Còn chúng là ta còn! Mất chúng là ta mất! Này đưa con ngu si kia! Nếu quốc độ này hết giặc cướp thì nhà vua sủng ái ta làm gì nữa?

Rồi đạo sĩ khóc nức nở:

- Tu hành ngàn năm mà chỉ hưởng được bấy nhiêu công danh phú quý! Ôi hạnh phúc đời người sao quá mỏng manh! Ôi, duyên nghiệt! Lạy Chân nhân tiên tri cao cả!

Thời gian sau, Đức Vua xứ Ăng-ca cảm thấy không cần dùng đạo sĩ nữa vì quốc độ đã hoàn toàn an ổn thanh bình. Khi ra lệnh truất phế đạo sĩ thì đạo sĩ đã không còn ở đó nữa. Ông ta đã vịn cổ con trai quăng ra bể đông rồi vỗ cánh bay về hồ Gay Cấn tìm thầy.

Nhưng đạo sĩ già đã tựa như mây ngàn gió núi. Và từ đó, hạc cũng lang thang sống kiếp gió núi mây ngàn!

---o0o---

NGƯỜI HIỀN TRÍ

Trong một kiếp quá khứ, tiền thân Phật Thích-ca làm thái tử con vua xứ Ba-la-nại, vừa thông minh, vừa nhân hậu nên người ta quen gọi là thái tử Hiền Trí.

Thái tử sinh ra, chư thiên rải hoa. Đức Vua nằm mộng thấy ngai vàng bay lên giữa hư không. Sáng ngày, Đức Vua cho gọi bốn vị trưởng lão Bà-la-môn hỏi thăm điềm triệu.

Một vị đáp:

- Muôn tâu bệ hạ, thái tử vốn từ cõi trời mà giáng sanh. Ngai vàng bay lên giữa hư không là cho biết sau này ngài dạy muôn dân sống theo thiên pháp.

Đức Vua đẹp dạ, giảm thuế má cho dân.

Khi thái tử Hiền Trí vừa biết chạy, biết đi, hoàng hậu lại cho nhà vua thêm một đứa trẻ nữa, khuôn mặt tròn, mát mẻ và hiền dịu như mặt trăng nên nhà vua đặt tên là Nguyệt Diện.

Đức Vua hoan hỷ mở tiệc ăn mừng. Khắp nơi lê dân mở hội hoan ca chung vui niềm vui quốc độ.

Ba năm sau, hoàng hậu chẳng bệnh mà qua đời. Đức Vua thương tiếc khôn nguôi, lại càng yêu hai trẻ hết mực.

Hiền Trí không vì tình thương của vua cha mà đăm ra hư hỏng, bao giờ cũng chăm chú dùi mài kinh sử, luôn chứng tỏ tư cách của bậc long tượng. Thấy Nguyệt Diện ham chơi, Hiền Trí thường gọi em đến răn dạy:

- Em tên là gì nhỉ?

- Là Mặt Trăng, thưa anh.

- Bốn phận của nó là làm công việc gì?

- Thừa, nó là chúa của ban đêm, chiếu dọi ánh sáng dịu hiền cho muôn loài, muôn vật.

- Đúng thế! Nhưng mặt trăng ấy gặp lúc bị mây che hoặc gặp mùa đông tuyết giá thì sao?

Nguyệt Diện không thông minh bằng anh nên không hiểu được ẩn ý trong câu chuyện. Thái tử Hiền Trí bèn giải thích:

- Em yêu dấu! Mẹ chúng ta mất, có lẽ chúng ta sẽ sống trong những ngày tháng đông dài lạnh lẽo. Vậy em đừng nên bỏ phí thời gian trôi qua vô ích, phải chịu khó học hành, chịu khó luyện võ, thức khuya dậy sớm để chuẩn bị hành trang cho mai sau.

Đúng như thái tử Hiền Trí tiên đoán, mấy năm sau, nhà vua phong một thứ phi lên làm hoàng hậu và mọi sự sung ái đều dành hết cho bà. Kết quả cuộc tình mặn nồng này lại cho Đức Vua thêm một hoàng nam, khuôn mặt sáng rỡ như mặt trời, nên nhà vua đặt tên là Nhật Diện.

Đức Vua gọi hoàng hậu lại phán rằng:

- Nay ái khanh, trăm hài lòng vô cùng về cái "Mặt Trời" đẹp đẽ, rực rỡ của chúng ta. Vậy thì trăm sẽ ban cho ái khanh một đặc ân, trăm sẽ thực hiện cho ái khanh một lời yêu cầu.

Hoàng hậu tự nghĩ: "Chẳng có đặc ân nào thỏa mãn được nguyện vọng ta bằng chiếc ngai vàng cho đứa con trai yêu quý." Nhưng bà chưa nói ra điều này vội, và đã bắt đầu đem tâm ghét bỏ hai người con lớn của Đức Vua.

Nhật Diện lớn lên, kính trọng hai anh và hiếu thảo với cha mẹ. Mặc dầu còn nhỏ tuổi nhưng trẻ đã sớm biết tình thương phân biệt của mẹ mình, lại càng nhũn nhặn yêu quý hai anh hơn.

Hiền Trí hiểu tất cả mọi chuyện, chàng thương cả hai em bằng tình thương rộng lớn của mình, cặn kẽ chỉ dạy cho hai em về nhiều môn học khác nhau, còn tận tình và tài giỏi hơn các thầy Bà-la-môn phụ đạo. Đức Vua mỉm cười sung sướng về ba vị hoàng tử anh tuấn và tài cao.

Hôm kia, nhân tiện ghé thăm Hiền Trí, Nhật Diện vô tình khám phá trong chăn anh có con rắn nhỏ cực độc. Chàng định tri hô lên. Hiền Trí xua tay ra dấu im lặng, tìm cách đuổi rắn đi và bảo em nên kín miệng cứ xem như không có việc gì. Sau đó, khuyên Nguyệt Diện qua ở chung để anh em sớm hôm bầu bạn: Hiền Trí muốn âm thầm bảo vệ em cho chu đáo vì sợ ác tâm của người mẹ kế.

Thấy mưu rắn độc không thành, hoàng hậu thưa với Đức Vua:

- Tâu Hoàng thượng, thuở Nhật Diện vừa mới ra đời, Hoàng thượng có hứa khả ban cho thần thiếp một đặc ân.

- Phải rồi, ái khanh cứ nói, ái khanh muốn gì nào?

Người đàn bà chớp chớp đôi mắt kiêu mị cất giọng thỏ thẻ, quyến rũ như uyên ương:

- Muôn tâu, phận cát đằng hèn mọn từ lâu được núp bóng tùng quân cao cả, đội ơn mưa móc, thần thiếp thật không thiếu thứ gì. Chỉ xin Hoàng thượng phong cho Nhật Diện được làm Đông cung thái tử.

Đức Vua bàng hoàng cả người. Vùng trán đáng cửu trùng hốt nhiên se lại. Lâu lắm, Đức Vua cất giọng ôn tồn:

- Nay ái khanh, ái khanh chẳng thể có lời yêu cầu khác sao? Vật báu của thiên hạ còn chất đầy cung kho, chẳng lẽ ban cho ái khanh một phần của giang sơn cho ái khanh thỏa vọng vương quyền?

Người đàn bà run rẩy, búi tóc màu ngọc tía tung rối bời, hàng lệ tươm mọng rỉ giọt, tiếng khóc rung rức rung động cả tầng mây. Đức Vua Ba-la-nại lòng loạn lên như mớ bông bong, bước tới bước lui tê điếng như bị cái đốt của chúa loài ong. Lại phân trần:

- Hỡi ái khanh ngàn vàng của trăm! Ngôi chí tôn mệnh trời đã sắp đặt, trăm đã phong cho Hiền Trí làm thái tử từ lúc mới tuổi tôi. Hiền Trí cốt tượng, dáng long, trí đức văn võ toàn tài, đúng là chân mạng của bậc thánh vương. Nó còn là con trưởng, lại chưa hề tạo ra một lỗi lầm dù nhỏ như hạt bụi, chẳng lẽ trăm lại phế bỏ đi sao? Rồi còn Nguyệt Diện? Nó cũng tài cao, anh tuấn, nhân hậu, thập toàn, thập mỹ, có thua ai ở quốc độ này? Ái khanh phải thấy rõ tình lý của vấn đề chứ? Thứ bậc đã chia phân thì dẫu trời này có sụp đi nữa, trăm cũng chẳng thể hoán cải được nào!

Hoàng hậu tức tưởi trở lại loan phòng, chất chứa nỗi hờn căm và lòng tàn nhẫn của loài beo chúa.

Vùng biên thùy tây bắc quốc độ, khắp mười ba trấn, dân chúng nổi lên làm loạn. Cấp mã báo tin về triều nội nườm nượp như én lượn ngày xuân.

Kinh thành nghe tin hỗn loạn lên. Mấy ngày sau phố phường chột lạng ngắt, đường sá thưa thớt người qua lại. Triều đình họp kín mấy tuần. Lửa sắp cháy đến kinh đô. Bá quan bó gối tìm không ra phương kế. Khí thế giặc dữ như sóng tràn, như địa lôi, như bão động. Đứng đầu cuộc nổi loạn là một lão phù thủy biết hô phong hoán vũ, chỉ huy âm binh lần lượt đánh chiếm đã hết hai phần ba vành đai quốc độ. Giặc đang như cơn lốc sắp cuộn vào trung tâm.

Quốc vương xứ Ba-la-nại không chớp mắt, mấy ngày không nuốt trôi chén cháo trên châu, trên đầu tóc đã bạc trắng tự bao giờ.

Một buổi sáng, thái tử Hiền Trí nai nịt gọn gàng và đẹp đẽ như một viên dĩnh tướng nhà trời, xuất hiện giữa trăm quan:

- Muôn tâu Hoàng thượng! Đây đúng là lúc thần nhi xin đem tấm thân hèn mọn để đáp đền trọng ân sơn hà xã tắc.

Giọng nói, dáng đứng, đôi mắt sáng quắc như điện của thái tử có sức lôi cuốn cực mạnh. Đức Vua ngạc nhiên một hồi, nhưng sau đó tự nghĩ: "Con ta

chưa hề nói dối, cũng chưa bao giờ làm một việc gì mà không tự lượng sức mình", bèn thận trọng nói:

- Con nên nhớ là "Pháp bất vị thân", một lời nói ra giữa triều đình như dao chém đá. Con hỡi! Thế giặc mạnh vô cùng. Con liệu có đương nổi với lão phù thủy ấy không?

Thái tử Hiên Trí nghiêm cung đáp:

- Thần nhi xin đem hết sức mình.

Đức Vua chẳngặng đặng dừng, từ chín bệ, thân hành trao chiếc gương lệnh cho thái tử, phong làm Tây chinh Đại nguyên soái, điều động ba muôn binh mã.

Nhận gương vàng, thái tử phủ phục tâu:

- Xin Hoàng thượng anh minh! Không điều động binh mã thì triều đình bất an, điều động binh mã thì lòng người lo sợ. Thần nhi thấy chẳng có kế sách vẹn toàn.

Như một tảng băng lạnh rơi xuống cung phòng, Đức Vua và bá quan cả kinh thất sắc, chẳng hiểu thái tử muốn gì.

Hiên Trí chậm rãi nói:

- Mây thành, sao chổi xuất hiện là điềm triệu trong nước có loạn biến. Đây là mệnh trời, sức người không cưỡng được. Suốt một tuần nay, thần nhi xem thiên văn thì thấy đế tinh của phụ hoàng quả có đám vân thạch từ tây bắc uy hiếp. Tuy thế, đến ngày thứ sáu, đám vân thạch kia lu mờ và chìm mất dần dần. Chân tinh của phụ hoàng vẫn sáng rõ rõ, tối thiểu cũng còn được mười hai năm nữa.

Đức Vua thở phào nhẹ nhõm.

Thái tử tiếp lời:

- Do vậy, muôn tâu, thần nhi ra đi trong bước viễn chinh, lấy đức "nhân" làm đầu, tránh nghiệp sát cho lê thứ, nên chỉ xin mang theo vài mươi tráng sĩ tùy tùng huynh đệ.

Đức Vua cau mày, thận trọng khẽ nhắc lại:

- Thế giặc quá mạnh.

Thái tử mỉm cười:

- Muôn tâu, xin phụ hoàng an tâm, thần nhi đã chuẩn bị đầu vào đầy cả rồi.

Lời nói vừa dứt, hai mươi tuần mã xuất hiện trước vương cung. Đức Vua và bá quan đồng bước ra xem. Hai mươi tráng sĩ binh giáp, khí giới sáng lòa đồng phi xuống một lượt, gương tuốt trần, khí vũ hiên ngang, thần oai lẫm lẫm đồng nghiêng mình hô lớn:

- Thánh thượng vạn tuế!

Âm thanh rần rật bốc cao như chấn động cả chín tầng mây.

Đức Vua xứ Ba-la-nại thấy dáng dấp hai mươi tráng sĩ oai hùng quá cũng bốt lo ngại phần nào, nhưng với chừng ấy chiến sĩ thì làm sao đương nổi với giặc dữ ở biên thù?

Thái tử Hiền Trí dường như đoán được điều ấy nên nói:

- Phụ hoàng hãy chờ nghe tin chiến thắng.

Đức Vua ân cần nắm tay thái tử từ giã.

Đoàn kỵ mã lao đi như gió cuốn. Một lúc, phía chân trời xa chỉ còn thấy một đám bụi mờ.

Hai mươi một chiến mã phi suốt ngày đêm, vượt qua năm con sông, mười hai dãy núi thì đến trấn thành gần nhất.

Thái tử đứng trên một ngọn đồi cao nhìn xuống một biên thành đang bị giặc chiếm. Nhà cửa cây cối còn nghi ngút cháy trong đám lửa tàn. Từng toán người chạy loạn bồng bềnh về hướng đông, tiếng gào khóc kêu la vọng lại.

Thái tử chột se mình, đau xót cho đám sinh linh vô tội. Hồi lâu, như đã quyết định, thái tử quay qua đám tùy tùng tráng sĩ, cất giọng nghiêm hòa:

- Hỡi chư tráng sĩ huynh đệ! Thầy ta vốn là một đạo sĩ ẩn danh ở núi Nguyệt Đàn, nơi tịnh cư của những tiên ông đắc đạo. Bấy nay ta chỉ được học về thiên pháp nên chưa hề móng tâm khởi ác niệm. Hôm nay, vì sự an nguy của xã tắc, sự hạnh phúc sống còn của bá tánh, ta đành gánh chịu hậu quả mai sau để sử dụng "sát đao"!

Hai mươi tráng sĩ đồng thanh hô:

- Thái tử nhân đức vạn tuế!

Thái tử Hiền Trí lại thở dài:

- Huy động binh mã, sử dụng đao kiếm, cung thương là chuyện bất đắc dĩ. Con đường của các đấng Chuyển Luân Vương thuở trước bao giờ cũng lấy trí, đức, nhân mà cảm hóa lòng người. Nay chư tráng sĩ mến yêu! Chúng ta đã cùng nhau tập tành kiếm cung võ nghệ, tất cũng có lúc hữu dụng. Dầu là hữu dụng, nhưng anh em luôn luôn nhớ rằng, nếu có thành công, ấy cũng chỉ là phương cách hạ thừa đày thôi! Thật là đáng hổ thẹn nếu chúng ta đắc chí về điều ấy.

Hai mươi tráng sĩ lại hô lớn:

- Chúng tôi hiểu, hoan hô thái tử nhân đức!

Thái tử mỉm cười, lấy từ sau vai ra hai mươi mũi tên vàng, lần lượt trao cho từng người rồi nói:

- Tuyệt đối không đụng đến lê dân. Tuyệt đối không đi theo con đường cường bạo. Phải tốc chiến, tốc thắng. Hai mươi mũi tên vàng "hoàn tiễn" kia cùng bắn ra một lượt ngay trái tim của lão phù thủy. Chuyện còn lại cứ để phần ta.

Hai mươi một chiến mã lại tức tốc xuống đồi. Ngựa phi vun vút, dường như chỉ dính trên đầu cỏ. Đến canh hai, đoàn phi mã đã đến cổng thành. Ngựa thái tử chọt bay về phía trước như mũi tên. Thái tử rút thanh đại đao khua mấy đường, cánh cửa sắt dày rã ra như củi mục. Đoàn phi mã phía sau không dừng vó, bay thẳng đến một tòa lầu đài đang còn sáng ánh đèn.

Quân canh mặt thành hốt hoảng báo động. Khắp nơi nhốn nháo, hỗn loạn, đàn ca im bật. Một lúc chọt có đám lửa to bay lên đài cao, hiện thành hình người xoa tóc, tung một nắm cát lên trời.

Thái tử vỗ tay. Hai mươi mũi tên vàng lướt đi xé gió ghim trúng tim của lão phù thủy. Nhưng từ đó, một cánh đại bàng vỗ cánh bay mất.

Thế là lão phù thủy thoát được thân nhưng thái tử lại thu được thành. Quân giặc cởi giáp quy hàng. Thái tử bình định lòng người và vỗ về, an ủi dân chúng.

Thế rồi, thái tử và hai mươi tráng sĩ không nghỉ ngơi, đạp suối băng sông, lần lượt chiếm lại mười thành chỉ trong tháng thứ nhất. Lưỡi đao thiên pháp của thái tử và hai mươi mũi tên vàng "hoàn tiễn" của tiên ông núi Nguyệt Đàn vốn là khắc tinh của yêu ma hạ giới. Lão phù thủy bó tay chạy về cứ địa cuối cùng.

Hôm kia, thái tử chọt dừng vó ngựa vô định, ngẩng đầu nhìn trời rồi buột miệng nói:

- Ta sắp bị lâm nạn rồi!

Khi quay lại, từ các phía chân trời, cờ xí pháp phới như sao sa.

Hai mươi tráng sĩ chết sững trên mình ngựa. Họ hoàn toàn bị vây chặt ở giữa lòng chảo. Mọi người cả kinh đưa mắt nhìn nhau.

Nhưng không, đó là mười vị quan biên trấn cảm kích thái tử đã giải vây nạn binh đao nên họ đồng lòng triệu tập quân dân mấy vạn người đến suy tôn thái tử lên làm Phó Vương.

Hai mươi tráng sĩ nhảy xuống ngựa, hợp cùng đoàn người tung hô:

- Đức Phó Vương vạn tuế!

Nổi vui mừng của vạn người như một. Âm thanh vang động tưởng làm cho núi đổ, thành xiêu. Thái tử đứng cao trên một tảng đá, đồng dạc nói:

- Hỡi chư quan, binh sĩ và muôn dân! Ta rất cảm kích trước tình cảm mến mộ mà mọi người đã dành cho ta. Từ chối chức vụ Phó Vương là ta phụ lòng mọi người. Mà phụ lòng mọi người tức là "bất nhân" vậy.

Cả muôn người lại hô:

- Phải rồi! Đức Phó Vương vạn tuế!

Thái tử phát cánh chiến bào cho đám đông im lặng rồi cao giọng tiếp tục:

- Nhưng mà ta ra đi là theo lệnh phụ hoàng. Khi chưa được chiếu chỉ của phụ hoàng mà nhận chức thì ta sẽ thành người "bất hiếu". Nhận thì bất hiếu, không nhận thì bất nhân, thử hỏi bây giờ ta phải xử lý sao cho ổn thỏa?

Mọi người ngơ ngác. Họ không biết làm thế nào để cho tròn đạo lý.

Thái tử mỉm cười:

- Vậy để khỏi phải bị mang tiếng bất nhân thì hãy cho ta hẹn lại một thời gian. Muốn khỏi mang tiếng làm người bất hiếu thì hãy để ta đợi lệnh của Vương phụ.

Trong lúc mọi người vỗ tay rầm rập tán thưởng lối xử trí khéo léo của thái tử thì một trang kỵ mã phi ngựa đến. Ngựa chưa tới, mà tiếng nói đã tới:

- Hoàng thượng có chiếu chỉ! Hoàng thượng có chiếu chỉ!

Trang kỵ mã người nhuốm đầy bụi, nhảy xuống ngựa, thò tay lấy cuộn giấy ra, hét lớn:

- Quan dân biên trấn phụng chiếu mệnh!

Không ai hiểu chuyện gì nhưng cũng quỳ xuống, thái tử quỳ theo.

Trang kỵ mã hùng hồn đọc:

"- Không có lệnh của trăm mà hoàng nam Hiền Trí tự động kéo theo hai mươi thuộc hạ đến miền tây bắc liên lạc với giặc để mưu chuyện phản nghịch. Truyền cho quan và dân biên trấn hãy trăm đầu tên tặc tử. Ai lập được công này sẽ được thưởng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Ai bất tuân hoặc cưỡng lệnh sẽ bị tru di chín họ. Khâm thủ."

Không ai tin ở tai mình.

Hai mươi tráng sĩ thân tín biết lời tiên tri của thái tử đã hiệu nghiệm, khuôn mặt tái ngắt. Mọi người bàng hoàng kinh sợ. Thái tử trầm tĩnh đứng dậy. Trang kỵ mã phụng chiếu nhà vua đứng chống nạnh quát tháo om sòm nhưng chẳng ai nhúc nhích vì cái chiếu chỉ phi lý kia. Nhưng một trăm ngàn đồng tiền vàng là số tiền quá lớn, có thể sống giàu sang nhiều đời nên cũng làm tối mắt một số người.

Lâu lắm, có một người bước ra giữa tiếng la ó, thóa mạ của đám đông. Y huơ đao.

- Hãy xem lại - tiếng một người hét to - biết đâu là chiếu giả!

Thái tử lắc đầu:

- Không phải chiếu giả đâu. Ta biết. Đúng là ngọc ẩn của phụ vương ta.

Mọi người lại im lặng, ngột ngạt.

Thái tử cất giọng ôn nhu:

- Hỡi chư quan, binh sĩ và muôn dân! Các ngươi hãy thi hành chiếu chỉ của phụ vương ta. Đừng vì yêu mến ta mà trái phép nước. Các ngươi mà trái phép nước thì thảm họa sẽ rơi xuống đầu chín họ. Một mình ta mất đi mà đổi lại các ngươi được an lành thì thân ta cũng còn đáng giá lắm vậy.

Các quan đồng quỳ xuống:

- Không thể được, hỡi thái tử nhân đức! Thái tử không thể chết được!

Thái tử mỉm cười trấn an:

- Sống, ta chưa nghĩ rằng vinh. Chết, ta chưa nghĩ rằng nhục. Bao giờ tâm lòng ta cũng tròn đầy vành vạnh như nhật nguyệt giữa trời cao. Các ngươi không lấy đầu ta thì làm sao tránh khỏi họa lớn vào thân?

Thái tử tháo chuỗi ngọc ra:

- Ngoài tiền thưởng hậu hỷ, ta biếu thêm râu chuỗi ngọc vô giá này cho ai vâng lệnh chiếu chỉ.

Một người nữa bước ra, nhìn râu chuỗi ngọc, khoa đao lên. Một hồi, y quăng đao, nước mắt khóc:

- Thái tử kính mến ơi! Làm sao có thể vì đồng tiền mà xâm phạm đến ngọc thể của người!

Một kẻ nữa bước ra, nhưng rồi y cũng quăng đao:

- Thái tử nhân đức ơi! Mặt trời kia sẽ tắt mất và quả đất này sẽ tối tăm vĩnh viễn!

Thái tử lại tháo thêm chiếc vòng tai:

- Thêm vòng kim cương vô giá cho kẻ chu toàn chiếu mệnh.

Thế là cuối cùng có tên đồ tể tự bịt hai mắt mình bằng một vuông vải đen, bước ra, đưa thanh đại đao lên...

Hoàng tử Nguyệt Diện, tức là em kế của thái tử Hiền Trí, bốn, năm hôm sau mới nhận được tin anh đã ra đi, tức tốc vào cung rút thanh đao báu, ngựa chẳng kịp thắng yên, phi luôn ra hướng tây, nhưng cửa thành đã đóng chặt. Quan thủ thành nói:

- Lệnh của Thượng hoàng là từ giờ phút này "nội bất xuất, ngoại bất nhập", xin hoàng tử lượng thứ cho hạ quan.

Nguyệt Diện bản chất hiền lành, tuy hậm hực trong lòng nhưng không nổi nóng, phi ngựa đến gặp vua cha, quỳ xuống tâu:

- Xin phụ vương cho phép hoàng nhi được theo anh con ra quan ải.

Đức Vua không chuẩn lời, nhưng hoàng tử năn nỉ quá buộc phải ưng thuận.

Hoàng tử Nguyệt Diện mừng rỡ nói:

- Vậy thì Vương phụ xuống chiếu cho quan thủ thành phía tây mở cổng gấp cho hoàng nhi lên đường.

Đức Vua trợn mắt hỏi:

- Sao lại phải xuống chiếu?

Nguyệt Diện trình bày tự sự.

Vua ngạc nhiên quày quả bước vào triều nội, triệu tập các quan hỏi nguyên do. Mọi người ngờ ngác chẳng rõ nguồn cơn. Không kịp mặc long bào, Đức Vua cho đánh xe ra cửa thành tây.

Quan thủ thành sững sốt:

- Hạ thần nào dám không tuân, khi chiếu chỉ chính là ngọc ấn của Hoàng thượng?

Hoàng tử Nguyệt Diện trực giác mách bảo, khóc òa lên:

- Thôi rồi, tâu phụ vương! Thế chắc hoàng hậu đánh cắp ngọc ấn, giả chiếu chỉ, thực hành thủ đoạn mờ ám với thái tử đang ở ngoài biên trấn.

Đức Vua sực nhớ lại đôi mắt long lên căm hờn của hoàng hậu độ nọ sau khi thất vọng trong việc xin phong Đông cung thái tử cho Nhật Diện. Nhà vua hồi hải đến hậu cung, nhưng hoàng hậu ngọc thể bất an đang thềm thiếp trên giường bệnh không tiện hỏi han.

Trên đường trở về triều, Đức Vua rối trí chưa biết tính sao thì thấy một chàng kỵ mã thương tích đầy người vệt vào từ cửa thành tây - khi ấy đã mở - rồi té xuống, máu tuôn xối xả. Nhận ra kẻ tùy tùng của mình, Nguyệt Diện chạy lại. Chàng kỵ mã gượng đưa cánh tay lên chỉ về phía tây, lấp bắp, phều phào:

- Chiếu chỉ... chiếu chỉ giả... trăm đầu thái tử... đã ra đi... mấy ngày trước...!

Nói xong, y thở hắt ra, ngoẹo đầu tắt thở.

Thế là đã rõ mọi chuyện. Hoàng tử Nguyệt Diện hét to lên, búng người bật cao, con long câu cất tiếng hí vang, dậm chân, dựng bờm lên, thót mình lao đi loang loáng. Đức Vua xúr Ba-la-nại bản thân nhìn theo cái chấm đỏ đã khuất xa ngoài hoàng thành mà ruột đau đòi đoạn.

Mặc dầu ngựa phi như gió cuốn với sức thần mã vô địch, Nguyệt Diện vẫn thấy chậm. Chàng ôm siết đầu ngựa vỗ về:

- Này con yêu quý! Gắng lên nữa, gắng lên nữa để kịp cứu người anh kính trọng của chúng ta!

Thần câu như hiểu tiếng người, hí một tràng giữa hư không, mồ hôi máu rịn ướt chùm lông đỏ rực, bên tai hoàng tử chỉ còn nghe gió thổi vù vù. Núi đồi, sông suối, cây cối,... chạy giật lùi... chạy giật lùi...

Đói không ăn, khát không uống, sáng hôm sau thần câu đã ngốn hết quãng đường hai ngày ngựa. Hoàng tử rẽ cương theo sườn đồi dẫn đến biên thành thứ nhất thì thấy một toán quân bịt mặt hùng hổ với khí giới nhẩy ra chặn đường. Hoàng tử rút thanh bảo đao hét lớn:

- Ta biết chúng bây là ai rồi, bịt mặt vô ích. Mưu kế của hoàng hậu bị lộ rồi! Hãy dạt ra, ta sẽ tha cho mạng sống.

Đây là toán quân theo mật lệnh của hoàng hậu cốt ý ngăn trở thông tin ra chiến trường. Chính họ đã đụng độ với trang kỵ mã thân tín của hoàng tử Nguyệt Diện khi y tình cờ khám phá ra âm mưu của hoàng hậu. Thấy hoàng tử, họ sợ hãi đứng im. Họ lại biết rằng, với vài chục tên lính quen thì không thể chống nổi võ nghệ siêu phàm và thanh bảo đao vô địch của hoàng tử.

- Hãy trốn đi - Hoàng tử thương hại nói - trở về làng mạc xa xôi mà sống, sau này khi tình hình lắng dịu rồi, hãy trở lại trình diện ta, ta sẽ xóa cho cái tội này.

Cả toán quân đồng buông khí giới, phủ phục dưới chân ngựa của hoàng tử:

- Chúng con xin tri ân hoàng tử nhân đức.

Hoàng tử phát tay, nói lời phủ dụ, rồi ngựa lại lao đi đến chỗ biên thành. Dấu tích chiến trường còn âm ỉ trong đám tro tàn. Muôn dân bá tánh lần lượt bồng bế nhau trở về. Tin từ các ngã đường vang lên rộn rã:

- Thái tử nhân đức của chúng ta đã lấy lại trấn thành thứ ba.

- Vài hôm trước đây, lão phù thủy đã biến thành con rắn bảy đầu về trấn thủ tòa thành thứ năm rồi.

Hoàng tử cảm thấy yên trí. Người và ngựa được nghỉ ngơi, ăn uống dưỡng sức rồi tiếp tục con đường thiên lý.

Tin tức từ cực tây bay về tập nập:

- Thái tử đã thu hồi trấn thành thứ sáu rồi!

Lòng hoàng tử vui lên rộn rã. Ngựa lại phi, lại nghỉ ngơi, lại lên đường. Mấy hôm sau, hoàng tử lại nghe tin:

- Dân chúng đã mở hội liên hoan ở trấn thành thứ chín rồi!

Ồi! Tin tức chiến thắng còn đi nhanh hơn thần mã. Hoàng tử vui mừng khôn xiết, nhưng chợt nhớ là vẫn chưa bắt kịp bóng người mang chiếu chỉ giả, lòng lại nôn nóng, ngựa lại bay đi.

Mấy hôm sau, đến biên thành thứ mười. Thái tử cũng vừa chiến thắng, lão phù thủy mang vết thương trí mạng hóa thành con mãng xà ba đầu, máu tuôn kéo dài mấy quả đồi tranh. Sức thần câu giờ đã lên đến độ chót, hí vang khi bay qua những chiếc cầu bị sập cheo leo trên vực thẳm.

Các ngã đường, dân chúng rầm rộ kéo đi, cờ xí tung bay như bướm bướm. Đây là toán người cuối cùng đi tán phong thái tử lên làm Phó Vương.

Đám đông vây quanh một thung lũng. Cả rừng người yên lặng như tờ. Chợt trước mắt chàng, một bóng kỵ mã từ ven đồi lướt nhanh xuống như dây khói. Con thần câu hiểu ý chủ, hí lên một tràng lòng lộng giữa hư không. Nó đã bỏ mặt đất và bay qua đầu rừng người cho kịp bóng kỵ mã phía trước...

Khi gã đồ tể bịt mắt nghiêng răng khua đao bổ xuống đầu thái tử thì một con thiên mã đỏ rực như lửa tự trời cao sa xuống. Một thanh đao như làn ánh sáng bay đến xẻ gã đồ tể ra làm hai. Đũa đao đi nhanh xuyên luôn bụng chàng kỵ mã mang chiếu chỉ rồi găm sâu vào thân cây. Chuôi đao rung rinh không vấy một tí máu nào.

Biến cố xảy ra quá nhanh, quá đột ngột, như giấc mộng kinh hoàng của Thần Áo Hóa.

Con long câu rực lửa dựng bờm hí một tràng dài chiến thắng.

Hoàng tử Nguyệt Diện lao xuống, chạy đến ôm thái tử Hiền Trí, khóc nức nở. Hồi lâu, thái tử khẽ nói:

- Hỡi em yêu quý! Ta cùng hai mươi tráng sĩ đánh chiếm mười thành, đuổi lão phù thủy gian ác mà chẳng làm đổ một giọt máu của lê dân. Em vì thương ta mà trong một lúc giết cả hai mạng người. Việc này ta biết ăn nói làm sao đây, hỡi em!

Hoàng tử Nguyệt Diện quỳ lạy như tể sao.

Một vạn người đồng quỳ xuống xin hộ.

Thái tử khuôn mặt lạnh như tiền, đến thân cây rút đao ra, nhìn mọi người rồi nói:

- Hỡi chư quan, binh sĩ và bá tánh! Gã đồ tể vì được sự khích lệ của ta, y không phải tội chết. Người mang chiếu chỉ giả vì tuân lệnh hoàng hậu nên cũng chưa đáng tội chết. Em ta vì tình vì nghĩa trung trinh mà cứu ta thì đâu có đáng tội chết. Do đó, bởi ta, vì ta mang nghiệp nặng nên phải lụy đến bao người.

Thái tử lại quay qua Nguyệt Diện:

- Đây là một bài học mà em nên ghi nhớ nằm lòng, tuyệt đối không được giết người. Nếu khi giết người vì lý do chính đáng thì coi như là ta đã đoạn lìa cánh tay trong cùng một thân thể vậy.

Nói xong, thái tử hươ đao chém lìa cánh tay trái của mình. Máu tuôn có vòi! Mọi người thấy đều run sợ, khắc cốt ghi tâm bài học của người Hiền Trí.

Thái tử buộc lấy vết thương cùng ngồi chung với Nguyệt Diện nhận cuộc mừng vui chúc tụng của trăm họ, rồi khuyên họ trở về. Hai thái tử cùng hai mươi tráng sĩ lại lên đường đến trấn thành thứ mười một. Lão phù thủy đã trốn khỏi nơi này nên quan trấn thành và dân chúng thỉnh mời họ vào thành nghỉ ngơi. Đêm ấy Hiền Trí dẫn Nguyệt Diện lên vọng lâu xem thiên văn.

Thái tử nói:

- Em hỡi! Lão phù thủy kia mang vết thương nặng, trọn đời này y không thể làm gì được nữa. Hãy tha cho y mạng sống, chẳng nên đuổi cùng, giết tận. Đó là đức hiếu sinh của trời đất. Còn hai thành nữa dầu chưa phục hồi nhưng giặc cũng tự động tiêu tan. Như vậy, quốc độ sẽ thái bình, muôn dân sẽ không còn ách nạn nữa.

Vỗ vai Nguyệt Diện, thái tử tiếp lời:

- Từ nhỏ chí lớn sống trên nhung lụa, em đã quen nếp sống ấy rồi chẳng? Dầu em có theo ta học hỏi được ít nhiều, nhưng ít nhiều ấy có giúp em vượt qua những khó khăn và gian khổ của chặng đường trước mặt không?

Nguyệt Diện dường như hiểu một vài phần, dè dặt hỏi:

- Hoàng huynh định đi đâu?

Hiền Trí chỉ ngón tay lên trời:

- Anh đã xem khí tượng thiên văn thì có thể chúng ta sẽ trải qua mười hai năm gian truân cơ khổ. Em còn nhỏ tuổi quá, biết có đủ sức chịu đựng với nghị lực dài lâu để cùng anh ra đi sống đời nổi trôi vô định chăng?

Nguyệt Diện gật đầu mạnh mẽ:

- Có thể được. Ở bên anh, ở với anh, em có thể quẳng chiếc hoàng bào đôi manh áo vải, có thể ném đôi hài vương giả lấy đôi dép cỏ của kẻ bần dân. Như vậy thì có sá gì đói rét lắm than nếu cuộc ra đi kia là chính đáng?

Hiền Trí cười ha hả:

- Đúng vậy, em nói hay lắm! Câu hỏi xác đáng lắm! Nhưng nếu nó có lý do chính đáng thì sao?

- Anh cứ nói đi - Nguyệt Diện nghiêm trang thúc dục - Chính đáng sao được khi Vương phụ đã già và lúc trăm họ chưa được thái bình, an lạc?

Hiền Trí gật đầu:

- Phải rồi! Nhưng mẫu hậu không dung được hai ta thì làm thế nào? Còn ta, Vương phụ sẽ không giữ được lời hứa xưa mà thành ra người bất tín! Còn ta, mẫu hậu sẽ còn tìm cách giết hai ta để bà thành người thất đức, bất nhân. Cứu cái tín, cái đức, cái nhân cho hai vị, phải chăng là việc làm không đúng với đạo làm người?

Nguyệt Diện đuối lý nhưng khuôn mặt đã rạng rỡ hẳn lên. Hiền Trí tiếp:

- Hai ta cởi áo từ bỏ điện vàng chắc người đàn bà kia sẽ không còn đi sâu vào con đường tội lỗi nữa. Nhật Diện sẽ lên ngôi thái tử và sau này trị vì thiên hạ cũng trở thành vị minh quân. Vậy chúng ta đi đi thôi! Phụ hoàng và Nhật Diện có nhớ thương hai ta thì thời gian vẫn là phương thuốc nhiệm màu nhất, phải thế không em?

Sáng ngày, khi sao mai vừa mọc, hai chàng trai đã lên đường để lại hai bức tâm thư và hai chiếc hoàng bào cùng tất cả ngọc vàng trang sức, bảo đao quý báu trên người. Một bức thư gửi hai mươi chàng tráng sĩ đem về cho Đức Vua để nhận trọng thưởng, một bức gửi Vua cha, khuyên Vua cha lấy thiên pháp trị dân, vỗ an bá tánh, giảm thuế má và tha tội tù. Tuy nhiên, hai mươi chàng tráng sĩ vì tình nghĩa trọng hậu với thái tử, trao lại tín thư, tín vật nhờ quan biên trấn cử người mang về triều, còn họ từ bỏ chức vụ, sống đời mai danh ẩn tích.

Ra đi chỉ vì một nghĩa cử cao cả, một tấm lòng cao cả, hai chàng trai không bạc tiền, không sự nghiệp, tứ cố vô thân, nhưng không vì thế mà họ cau mày. Từ chỗ cực đỉnh giàu sang, nhung lụa, bây giờ với manh áo vải, đôi dép cỏ, họ cũng sinh sống được qua ngày với niềm thanh thản ở trong lòng.

Hai anh em vốn là người học vấn uyên thâm, tự tin cao độ, nhưng khi ra đụng chạm với đời thì than ôi, vốn liếng kia không thể đổi lấy một bát cơm! Khắp nơi dường như người ta cần cái gì khác. Đâu cũng đầy dẫy lọc lừa, trí

xảo, man trá, độc ác và chẳng có tình thương! Và đạo đức lương tri là một món xa xỉ phẩm mà người ta đã chẳng còn mang ra buôn bán trao đổi giữa chợ đời! Họ cần cái thiết thực hơn: cơm áo và tiền bạc. Chỉ có tiền bạc và áo cơm thôi, còn kinh thư và minh triết người ta phế thải lâu rồi. Ở trong cung vàng điện ngọc, hai chàng tưởng rằng muôn dân đang sống trong cảnh hạnh phúc, thái bình. Té ra đây chỉ thuần là từ ngữ, chữ nghĩa ở trên lời tấu trình, ở trong các văn kiện có dấu triện son. Nó chỉ có giá trị như một lớp son tô vẽ bên ngoài cho óng chuốt, còn bên trong, chính Thần hoan hỷ và Thần tự tại cũng phải cau mày!

Chỉ mới hai năm mà họ học được nhiều quá. Những hiểu biết của họ bị đảo lộn hoàn toàn. Có một số thánh thư, cổ thư của các đấng hiền triết bị thế gian chế biến thành bùa chú, ngải nghệ để thỏa mãn tham vọng trần tục. Tâm hồn hai chàng trai trẻ chột chùn lại trước sự thật phũ phàng của đời sống.

Hôm kia, chán nản quá, họ rủ nhau đi lên một ngọn núi cao. Hiền Trí đưa tay chỉ ra bốn phương trời:

- Đây là quê hương nhưng gấm, ngà ngọc của tổ tiên, bây giờ chỉ còn sót lại mơ hồ trong trí tưởng chúng ta mà thôi. Sự thật ấy nó khác, phải không em?

Nguyệt Diện buồn bã gật đầu.

- Em hỡi! Hiền Trí tiếp lời - Ta, trước đây từ thiên pháp mà về thì bây giờ ta cũng sẽ từ thiên pháp mà đi. Vậy bắt đầu từ đây, anh muốn chúng ta sống đời đạo sĩ ẩn dật, em nghĩ sao?

Nguyệt Diện thần thờ nhìn ra xa xăm, không đáp vội. Cũng như anh, chàng đã thấm thía cuộc đời. Hơn hai mươi nghề chân tay mà hai người đã lặn thân vào để kiếm sống. Khó khăn gian truân vậy, nhưng đâu phải vì thế mà họ chán nản, đau lòng? Vấn đề là, họ thấy cuộc đời này chẳng còn tim óc, ở đâu cũng thấy bản năng và thân xác giành giật, cấu xé nhau! Mọi giá trị, mọi ý nghĩa thiêng liêng tôn quý trên thế gian này đã bị đánh mất thật sự rồi!

Nguyệt Diện nói to:

- Có lẽ chúng ta chỉ an lạc được khi sống đời ẩn dật mà thôi!

Hùng đông hôm sau họ xuống chợ mua ít dầu và muối để chuẩn bị cho cuộc lên non thì tình cờ gặp lại Nhật Diện trong hình dáng một gã ăn xin. Phải khó khăn lắm cả ba mới nhận ra được nhau vì họ đã không còn dấu tích vương giả nào sót lại trên người. Ôi! Sung sướng đến lịm người, mà ngỡ ngàng tê tái cũng làm cho họ ngất đi!

Sau một hồi khóc lóc, họ tìm chỗ khuất vắng để hàn huyên. Nhật Diện kể:

- Vương phụ nhận được thư và tín vật của hai anh gửi về thì ngã bệnh. Mẫu hậu một lần nữa đánh cắp ngọc ấn, giả chiếu chỉ phong em lên ngôi Vương để bà cầm quyền nhiếp chính. Giết anh không được, sợ hậu hoạn mai sau, bà thưởng tiền cho năm trăm hiệp sĩ lên đường tìm kiếm hai anh để thủ tiêu. Em buồn quá, nghĩ cảnh máu huyết tương tàn mà đứt ruột! Chỉ tại em, cũng vì em có mặt trên đời này mà xảy ra có sự. Em định treo cổ chết cho xong thì may thay gặp được một trang tráng sĩ từ xa về, khẩn thiết bảo em tìm cách cứu hai anh. Em hỏi: "Ngài là ai?" Người ấy đáp: "Hạ thần là một trong hai mươi tráng sĩ thuở trước cùng đi viễn chinh với thái tử". Em tin ngay, lại hỏi: "Làm sao ta cứu hai anh trai của ta được?" Tráng sĩ bảo: "Mười chín anh em của chúng tôi đang tìm cách cầm chân họ lại bằng kế dương đông kích tây. Họ đều là kẻ tham tiền, vậy hoàng tử phải tung tiền bạc ra cho thật nhiều, mua chuộc họ, thay vì đi giết hai anh thì họ phải bằng mọi cách tìm ra tung tích hai anh."

Y kế ấy, họ cùng hai mươi tráng sĩ đã lần ra được các anh đi về phương này. Nóng lòng quá, em từ bỏ tất cả, lặn lội ra đi. Gần hai năm, tư trang tiền bạc tiêu pha hết sạch, đành phải làm nghề ăn xin. May thay! Lạy chư thần cao cả! Trời cao đã không phụ lòng người!

Nhật Diện kể xong, lại khóc, lại cười. Nguyệt Diện nắm chặt tay em nói:

- Em đã trải qua biết bao cơ cực! Mà sao em không ở lại làm vua? Em làm vua cũng đúng theo sở nguyện của hai anh mà?

Nhật Diện lắc đầu:

- Em không biết. Mà sung sướng gì cái ngôi vua ấy. Thiếu vắng hai anh, em không chịu được, phải đi tìm thôi.

Hiền Trí ân cần nói:

- Việc xảy ra như thế là dấu hiệu tốt. Cơ trời huyền nhiệm lắm, các em chưa rõ đâu. Bây giờ chúng ta nên làm đạo sĩ hết, các em có đồng ý không?

Nhật Diện bằng lòng. Thế rồi họ cùng cắt tóc, khoác áo đạo sĩ, lên đường.

--*--

Nơi này không yên tĩnh, ba thanh niên đạo sĩ sống một năm thì ra đi. Nơi này không tốt về khí hậu, một năm sau, ba chàng lại ra đi nữa. Chưa đầy năm năm, họ đã đạp qua suốt mấy cánh rừng miền tây nam quốc độ. Hôm kia, tìm được một khu rừng yên tĩnh, mát mẻ, nhiều cây trái, họ định dừng chân vĩnh viễn ở đây để tu tập mà không sợ bị "loài người quấy nhiễu".

Hiền Trí nói với hai em:

- Đây là nơi tốt nhất cho việc tịnh cư của chúng ta. Vậy hai em hãy đi tìm một ít trái cây và nước uống để chuẩn bị cho nhiều ngày tham thiền nhập định.

Nhật Diện chạy nhảy tung tăng giữa rừng hoa thơm ngào ngạt, chim hót rộn ràng mà lòng nhẹ lâng, yên ả. Đến một hồ nước, đẹp quá, hoa súng ngũ sắc khoe nở khắp nơi, Nhật Diện lội xuống định tắm rửa và đùa chơi, nhưng liền bị một con Dạ Xoa nước bắt giữ và giam vào thủy cung. Nguyệt Diện vừa hái được một giỏ trái cây, qua hương này tìm em, lội xuống hồ nước cũng bị Dạ Xoa bắt giữ luôn.

Thấy lâu quá, linh tính về chuyện chẳng lành cho hai em, Hiền Trí rút dao chặt cây cầm tay ra đi. Xuống lưng chừng núi, thấy có chòm cây cối xanh rì, hương lạ xông ngào ngạt, một hồ nước trong xanh như mắt mèo, sen súng đua nhau nở thắm, lóng lánh sương.

Thái tử tự nghĩ:

"- Cảnh đẹp này thật khác thường! Có lẽ đây là cung điện của một loài phi nhon nào đó."

Chẳng dám kinh động, thái tử đứng yên quan sát một hồi, thấy một trái cây rụng mà chẳng hề có ai ở chung quanh, lại thấy thêm một dấu chân lờ mờ đi xuống hồ nước. Thái tử lại đoán chắc rằng: "Hai em ta quả bị nạn ở nơi này".

Đúng như thái tử nghĩ. Nguyên đây là chiếc hồ mà Tỳ-sa môn Thiên Vương (Vessavana) cho một quý nước Dạ Xoa ở với lời dặn: "Trừ những người biết về thiên pháp (Devadhamma), còn tất cả những ai xuống hồ nước này, người có quyền bắt ăn thịt. Những ai không xuống nước thì người không có quyền."

Dạ Xoa thấy thái tử cứ đứng yên trên hồ có vẻ thận trọng, bèn hiện hình thành người thợ rừng nói:

- Này thiện hữu! Cầm thanh đao chặt cây và đứng làm gì vậy? Hồ trong xanh mát mẻ thế kia! Hãy cùng tôi xuống uống nước, tắm và bơi lội cho thỏa thích, ăn củ sen, củ súng rồi trang điểm bằng những đóa hoa ngũ sắc không thú vị sao?

Thấy người hiện bất ngờ, thái tử biết đây là loài phi nhân, bèn quắc mắt nói:

- Đừng nên hại nhau, xâm phạm nhau, không tốt đâu. Bạn đã làm hại hai em ta rồi có phải không?

Biết đã lộ tẩy, Dạ Xoa nói:

- Ta chưa hại đâu, mới bắt giữ thôi.

- Tại sao người dám bắt người? Người có quyền gì? Hãy thả hai em ta, bằng không, sẽ không toàn mạng đâu!

- Sao lại không có quyền? Dạ Xoa cứng cỏi đáp - Tỳ sa môn Thiên Vương cho ta cái quyền ấy. Ai xuống hồ nước là quyền sinh sát thuộc về ta.

Nói xong, Dạ Xoa cười đắc chí. Thái tử biết Dạ Xoa nói thật nên hỏi:

- Có ai xuống nước mà thoát khỏi luật ấy không?

Dạ Xoa chỉ cây đại thụ vòng ôm mấy trượng nói:

- Có một con đại bàng bay qua đây, ủa xuống một đám phân, một cái hạt nảy mầm, mọc lên thành cây đại thụ này. Từ bấy đến nay, chẳng có ai biết về thiên pháp. Con người thời nay đã quên hẳn con đường đi về cõi trời, chúng chỉ thích học con đường đi về địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh mà thôi!

Thái tử nghiêm giọng nói:

- Nếu ta biết rõ thiên pháp, biết rõ con đường đi về cõi trời thì sao?

Dạ Xoa nói:

- Đừng đại ngôn, ông bạn! Nếu ông bạn biết rõ thiên pháp thì ta sẽ đổi xử như với một bậc Thầy Tối Thượng. Ta sẽ tắm cho nhà người, cho ăn ngon, cho uống bổ, trang sức bằng vòng hoa mỹ lệ, thoa người bằng hương thơm của Cõi Trời, trải một đệm nằm bằng nệm lót chân của vua trời Đế Thích trong một tòa lầu đài rực rỡ như chiếc kiệu của tỳ nữ Dạ Ma phu nhân!

- Vậy hãy làm như điều người nói. Ta sẽ thuyết về thiên pháp, nói về con đường đến cõi trời.

Dạ Xoa y lời.

Thái tử Hiền Trí từ đài cao, sau khi thuyết giảng thiên pháp rồi, tóm tắt bằng kệ ngôn:

"Chuyên cần làm thiện hạnh

Tàm, quý đủ trong tâm

Bậc Chân nhân an tịnh

Thiên pháp độ thế nhân."

Nghe xong, Dạ Xoa nước lầy làm hoan hỷ, kính cẩn quỳ xuống:

- Thưa bậc Hiền Trí! Tôi cảm thấy tịnh tín đối với ngài. Hai đứa em của ngài tệ quá. Khi được hỏi về thiên pháp, một người nói, thiên pháp là Mặt Trăng, là đức diệu hiền của Mặt Trăng! Một người thì trả lời, thiên pháp là bốn phương, trải rộng ra khắp bốn phương! Ai cũng nói quá mơ hồ, chẳng xác đáng và cụ thể như ngài đã thuyết. Như vậy, nếu tôi mà ăn thịt họ thì cũng đúng với lợi quyền mà Tỳ sa môn Thiên Vương đã cho phép. Bây giờ ngài cần gì nơi tôi, ngài cứ sai bảo!

Thái tử ân cần nói:

- Hãy cho ta xin lại hai người em.

- Ngài chỉ cứu được một. Dạ Xoa đáp.

Biết chẳng có cách gì hơn, thái tử gật đầu:

- Thế thì trả lại cho ta đứa em út, người trẻ nhất.

Dạ Xoa chợt cười kỳ dị:

- Thưa ngài, không biết tại tôi nghe có lầm lẫn chẳng! Ngài thuyết về thiên pháp rất hay, rất đúng, rất hoàn toàn. Nhưng tiếc thay, ngài không sử dụng đúng thiên pháp chút nào!

Thái tử ngạc nhiên:

- Không có chuyện đó đâu, nhưng người cứ thử nói lên điều lầm lỗi của ta.

Dạ Xoa giận dữ:

- Sao ngài lại chọn người em mà bỏ người anh? Sao ngài không kính trọng tuổi lớn hơn của một người? Thiên pháp có bao giờ vì trí thiên vị mà không nhìn ra gốc ngọn? Vì tình thiên vị mà không thấy thứ tự trước sau?

Thái tử bình tĩnh kể lại câu chuyện cho Dạ Xoa nghe sự hy sinh của hai anh em cho người em cuối được lên làm vua như thế nào, rồi mỉm cười kết luận:

- Thế đó, này Dạ Xoa! Đừng vội vàng buộc tội ta quá sớm. Ta biết rõ thiên pháp và bao giờ cũng xử sự đúng thiên pháp. Ta lại còn khuyên hóa người khác sống theo thiên pháp nữa. Này nhé, chính vì người em ấy mà chúng ta sống ở rừng này. Chính vì hạnh phúc của đứa em ấy mà chúng ta cố gắng tránh chuyện nổi da xáo thịt. Bây giờ đứa em ấy lại vì chúng ta, bỏ tiền bạc ra cứu giúp chúng ta, lại còn khẳng khái phát tay từ bỏ ngài vàng sống đời ăn xin cơ khổ. Người phải hiểu thêm một điều nữa rằng, thiên pháp ấy không phải chỉ cạn cợt ở nơi "lẽ" mà còn ở nơi "nhân" và "nghĩa" nữa chứ!

Dạ Xoa cảm phục quá, quỳ lạy thái tử rồi sau đó đem trả cả hai người. Thái tử cảm ơn Dạ Xoa, sau đó tìm cách khuyên lơn:

- Này bạn Dạ Xoa thân mến! Do kết quả việc ác mà bạn đã làm trong quá khứ nên nay mang thân Dạ Xoa, giết người để uống máu, ăn thịt. Do nhân ác từ kiếp này, trong tương lai, bạn phải bị nhiều quả báo đau khổ trong bốn đường dữ. Thiên pháp bạn đã hỏi ta, ta đã trả lời và bạn đã hiểu. Vậy sao bạn không mau mau cải ác tùng thiện để noi gương các bậc an tịnh Chân nhân đã dạy bảo?

Thế là thái tử nhiếp phục được Dạ Xoa, rồi sống ở rừng này với sự hộ trì của nó.

Một ngày kia, xem thiên văn, thái tử biết thời hạn mười hai năm đã qua bèn kêu hai em lại nói:

- Mẫu hậu đã mệnh chung, không bao lâu phụ vương cũng sẽ hết tuổi thọ. Vậy thì đã đến lúc hai em phải từ bỏ khu rừng để cùng nhau trở về gánh vác sơn hà xã tắc.

Cả hai hoàng tử ngạc nhiên hỏi:

- Vậy anh yêu quý, anh không cùng về sao?

- Mấy lúc sau này, tâm ta đã quá đi sâu về thiên pháp, đã an trú vững chắc ở thiên pháp, không còn mảy may một móng khởi nào về các ước vọng trần gian kia nữa. Nói khác đi, tâm ta giờ đã tương ứng với các cảnh giới trong lành, an tịnh, không còn thích hợp với chỗ kinh thành vàng son huyên náo nữa. Hai em hãy về đi thôi, cho kịp giờ phụ vương lâm chung. Quốc độ này không thể thiếu vắng hai em, thiếu vắng hai em thì giống như quả đất mà thiếu mặt trời, mặt trăng vậy.

Hai hoàng đệ khóc nức nở, quỳ sụp bên chân xin thái tử cùng về.

Thái tử hết mực giải bày:

- Không phải không nguyên nhân mà hai em có tên là Nguyệt Diện và Nhật Diện. Dường như nhân duyên sắp đặt cả rồi. Anh phải đi theo con đường của các bậc hiền trí nên có tên là Hiền Trí. Hai em là Mặt Trăng, Mặt Trời nên phải thay phiên nhau ngày đêm soi sáng sơn hà.

Thái tử còn nói lên ẩn nghĩa thâm sâu khác:

- Về quốc độ, Nguyệt Diện là anh nên phải làm vua, Nhật Diện là em nên làm Phó Vương. Thứ tự anh em đã phân chia như thế không thể đảo lộn được. Cũng thế, hai em nên nhớ rằng, luôn luôn cai trị muôn dân bằng tình, bằng lý. Tình trước, lý sau, nghĩa là đầy đủ con tim và khối óc, con tim đi trước, khối óc đi sau, nhu đi trước, cương theo sau. Nếu hai em làm được như thế, quốc độ này sẽ được hòa bình, an lạc trong vòng sáu mươi năm dài.

Khi tiễn hai em ra đến chân núi, thái tử còn dặn dò lần cuối:

- Hai mươi tráng sĩ theo ta đánh chiếm mười thành, dày công hãn mã, thế nhưng không chịu lãnh thưởng mà sống đời mai danh ẩn tích khi ta gặp nạn. Họ đều là người vừa có tâm, vừa có trí. Hai em nhớ mời họ về triều, cho trấn giữ các phương là hai em vững vàng như ngòai trên bàn thạch. Hãy nhớ vừa dùng "vương pháp", vừa dùng "thiên pháp" là con đường của các vị Chuyển Luân Thánh Vương!

Hai hoàng đệ cúi đầu tuân mạng. Dạ Xoa nai nịt như vị thiên tướng hộ tống hai hoàng tử về kinh đô Ba-la-nại sau bao năm xa cách.

Thái tử Hiền Trí leo lên đồi cao, nhìn theo hình bóng hai em nhỏ dần rồi khuất dần ở cuối chân trời xa, chàng mỉm cười...

---o0o---

CON NGÕNG TRỜI VÀNG

Thuở xưa, tại khu rừng Daliko bên bờ sông Đại Hằng, có cây bồ đề đại thọ, ngàn năm tuổi, vươn lên cao, xòe tán rộng, che phủ cả một vùng. Đây là ngôi làng, là cố hương, là tổ ấm cho muôn chim đủ loại, đủ sắc màu làm nơi tụ hội, hát ca, reo vui, hoặc ái ân tình tự,...Chủ nhân của cây đại thọ là vị

thần có râu trắng, hỷ xả, nhiều từ tâm. Ngài đón nhận muôn chim như cháu ngoại, như con cưng hoặc như bằng hữu.

Lâu lâu, vị Thọ thần lại xuất hiện, như tiên ông trong truyện cổ tích, cầm chiếc gậy mây và nở nụ cười, nói chuyện vui với chúng hoặc vài lời dạy bảo khôn ngoan của bậc già cả.

Lâu lâu, vị Thọ thần râu trắng lại rướm nước mắt vì buồn thương tiếc: con chim hoàng oanh kia bị sa lưới mất rồi; con sáo sậu nọ bị lú bùa mê nên chúng bắt. Chúng kiến sự chết chóc do tai nạn, do bị ăn thịt, do bị nhốt trong chôn ngục tù vàng son thường đau xót hơn là chết do bệnh tật hay già yếu. Sau mỗi lần như thế, vị Thọ thần lại khuyên muôn chim nên sống đời yếm ly đô thị, làng mạc, nơi có loài người. Ôi! Cái loài người kia tâm địa thật khó lường! Sự độc ác, gian xảo và quỷ quyệt của chúng còn ngàn lần ghê gớm hơn cạp beo hay chồn cáo.

Tuy thế, chỉ chừng mực nào thôi. Đã nhiều lần, vị Thọ thần đành phải xuôi tay bất lực, trơ mắt nhìn định luật nhân quả nghiệp báo lạnh lùng!

Đã ngàn năm rồi, vị Thọ thần cùng cây đại thọ chúng kiến sự thịnh suy, còn mất, thời gian, sự tàn lụi, tử vong, đến rồi đi, đi rồi đến,... Cảm thán, vị Thọ thần bước lên đầu cây, thốt lên một bài ca chưa từng được nghe:

"Ôi! Vĩ đại thay là sự vô thường của người!

Ôi! Kinh khiếp thay là sự rộng không của người!

Ôi! Khó kham nhẫn thay là trò ảo hóa, ma mị, lá vàng, lá xanh cùng tử vong bên trong màn sự sống!

Ta đưa cao ngọn cờ munja! Ta sẽ chiến thắng người với trò chơi yếm ly trần thế.

Đời sống của ta: không thỏa hiệp

Vinh quang của ta: trắng gió giữa bầu khuya!

Niềm vui của ta là sự tĩnh an, nơi nghỉ của linh hồn!

Niềm yêu thương của ta là sự sống đang trôi chảy đến muôn cùng!

Ta không biết nhận về, chỉ biết cho đi!

Thịnh suy, còn mất ta chưa hề sợ hãi!

Chỉ xót xa sinh chúng nhỏ nòi này!

Chỉ xót xa mật ngọt thấm đầy môi!"

Hôm kia, vào mùa xuân, một con ngỗng trời vàng xuất hiện. Chưa bao giờ vị Thọ thần thấy được một con chim đẹp đến thế! Những chiếc lông vàng óng ả như được dát bằng một loại vàng ròng tinh chất, lại lóng lánh phản chiếu những giọt sương mai, tủa ra những tia tía hồng rực rỡ.

Vị Thọ thần chiêm ngưỡng một hồi rồi bước ra với chiếc gậy mây, nụ cười hỷ xả làm rung rinh hàm râu tuyết bạch:

- Chào bạn ngỗng trời thân mến! Ta là Thọ thần tại vương quốc này. Bạn xuất hiện như phép lạ. Chiếc y vàng nơi thân bạn thật là rực rỡ và tuyệt diệu xiết bao! Chẳng hay bạn từ quê hương nào mà đến đây?

Con ngỗng trời vàng vươn cao chiếc cổ tua vàng vương giả, thò cái mỏ dát son lấp lăm những hạt ngọc nâu tươi, cất giọng như pha lê reo giữa trời mưa:

- Kính chào vị tiên ông Thọ thần khả kính! Tôi từ dãy tuyết sơn hùng vĩ giáng lâm, sau ngôi rừng của những ẩn giả bện tóc hiền thiện. Chẳng hay ngài có điều gì cần dạy bảo tôi chăng?

- Không dám! Ta chỉ hiếu kỳ, ngạc nhiên và thích thú thôi. Thấy được bộ lông vàng óng trên thân bạn, ta hoan hỷ vô cùng. Bộ lông vàng óng hy hữu kia, không phải không có nhân duyên, chắc hẳn nó phải được sinh ra từ lòng phước báu nào trong quá khứ? Bạn có nhớ là do nhân gì, duyên gì mà bạn được hưởng phước tướng mỹ miều, sang cả như vậy không?

Ngỗng trời vàng hốt nhiên như trầm tư, như nhập định, như cúi nhìn vào vùng mịt mù, dày sâu của ký ức tiền kiếp:

- Thưa ngài, thưa tiên sinh! Ngỗng trời vàng mở choàng mắt ra - May mắn làm sao là tôi còn nhớ, còn biết! Ngỗng trời vàng sửa sang lại dáng đứng để bắt đầu cuộc nói chuyện lâu - Trước đây, một kiếp tức thì thôi, như mới ngày hôm qua, như vừa một cái chớp mắt, tôi sinh ra trong một gia đình tiện dân nghèo khổ. Đến tuổi trưởng thành, tôi lấy vợ rồi sinh được ba con. Chúng đều là gái. Khi có vợ, có con, tôi tần tảo làm ăn, mong cho chúng có được manh áo lành, bữa cơm no bụng. Nhưng mà khổ thay! Suốt đời chúng tôi cứ mãi ăn gạo có trấu, ăn tấm có mùi chua. Và áo quần thì vá đùm, vá chụp, chẳng có cái nào lành lặn. Vì sự đòi hỏi cấp thiết của đời sống nên đôi khi tôi phải bán rẻ một chút linh hồn. Tôi sinh ra nhỏ mọn, giặt giảnh. Bị chi phối bởi sân nhuế và xan tham, tôi đã làm một vài việc bất thiện. Tuy vậy, tự sâu xa tâm hồn, tôi vẫn là con người hiền lương, vô hại. Cái đó lên án tôi, và bắt tôi quay về với lẽ phải, với đạo đức chung chung giữa người đời với nhau...

Ngỗng trời vàng ngược nhìn vị Thọ thần với tia mắt như thoáng có bóng tối:

- Thưa ngài, đời tôi như vậy đó, chẳng có công đức nào, chẳng có phước sự gì. Tâm trí ù lì, đần độn mãi bởi cái ăn, cái mặc, ít khi mà cõi lòng được nhẹ nhàng, khoáng khoáng như mây trắng, như không rộng trời cao! Tâm trí tôi cho đến lúc lâm chung là cái trì trệ, nặng nề, tối đen, hôn ám,... ngỗng trời vàng lại lắc đầu - có sáng sủa nào đâu, có an lạc nào đâu? Thế là si mê kéo tôi đi, sinh ra cái thân súc vật chẳng tốt đẹp gì!

Ngõng trời vàng nói xong, thở ra, đôi mắt lơ mờ như sương ướt. Vị Thọ thần thông cảm hoàn cảnh của ngõng trời vàng, yên lặng, một lát sau mới gật đầu:

- Nhân quả là vậy, bạn ạ! Ta không thể trách ai được. Phải thấy rõ nhân quả để sống được an lạc, hạnh phúc hơn. Nhân quả là ngọn đèn soi sáng, là chỗ nương tựa cho đời mình. Nhưng trong cái nghiệp chung vẫn có cái nghiệp riêng. Cũng là thân chim, nhưng thân chim như bạn cũng thành thoi và an lạc như kiếp thọ thần, như tôi, chẳng khác mấy. Cái quả ấy là do nhờ bạn đã chu toàn nghĩa vụ gia đình, lo cho vợ, cho con, hy sinh bản thân mình vì ấm no của kẻ khác. Bạn có thấy cái riêng đó không? Ngoài ra, bạn lại có cái riêng khác nữa, cái riêng trời vượt. Cái riêng này chắc hẳn phải do một việc làm hy hữu, một công đức hy hữu tạo thành. Chiếc y vàng vương giả, điểm lệ nơi thân bạn không phải là không có nhân duyên vậy.

Ngõng trời vàng sực nhớ lại:

- Cái đó thì có, tôi nhớ rồi. Ngày kia, tôi lên rừng kiếm củi độ nhật. Trên đường về, qua suối, tôi gặp một người. Ôi, sao trên đời lại có kẻ khổ sở đến thế? Tôi đã khổ, đã ốm o gầy mòn, da trơ xương mà kẻ kia còn khổ hơn! Tôi còn được chiếc áo rách, vị kia lại mặc bằng lá, bằng vỏ cây. Tôi bèn dừng lại và hỏi: "Này người ơi! Sao người khổ đến thế? Đừng nói đến cơm trâu và tấm chua, ngay đến nước vo gạo để uống cầm hơi, có lẽ người cũng chẳng có? Đừng nói đến chuyện áo rách, áo lành, cái lá cây, vỏ cây kia cũng đã toi tả! Người chẳng có họ hàng, bà con quyến thuộc gì cả hay sao?" Khi nghe tôi nói thế, vị kia ngược lên nhìn tôi với đôi mắt hiền từ và đ?y thương hại. Vị ấy nói: "Này người tiều phu tốt bụng! Nghèo đói cơ hàn là bạn của bậc ẩn sĩ. Chiếc áo vỏ cây là áo giáp thiện hạnh ngăn che sự xâm phạm độc hại của ác uế ngũ trần. Bà con quyến thuộc của ta là vô tham, vô sân, tầm, quý và từ bi hỷ xả. Như vậy, đời sống của ta đã quá đủ đầy, đã quá an lạc. Sao người với gánh củi trên vai, với gánh vợ con trên lưng, lại thương xót ta là người đã buông hết mọi gánh nặng, là người đang sống đời hạnh phúc của các bậc đại tiên?"

Ngõng trời vàng nghĩ lấy hơi rồi tiếp:

- Lời nói của vị kia chắc hẳn là hay lắm, nhưng tôi không hiểu hết ý nghĩa. Trên đường về nhà, nghe có gió lạnh, biết rằng mùa đông đã đến, nếu không có tấm vải nào, vị kia làm sao chống nổi với rét buốt giữa rừng già? Nghĩ vậy, động mỗi từ tâm, dấu vợ, dấu con, tôi mở rương lấy một tấm vải vàng. Đây là tấm vải bó tử thi mà tôi lượm được nơi nghĩa địa, đã giặt giũ sạch sẽ. Tấm vải không quý với ai, nhưng quý với tôi. Thế là tôi chạy lên rừng, tìm kiếm người đói rách, thân tặng tấm vải đến con người đó với tất cả lòng thương xót của mình. Sau này, nghe người ta nói, vị ấy là một nhà tu khổ hạnh, một sa môn hay một vị Độc giác Phật gì đó!

Vị Thọ thần gật đầu:

- Đúng vậy, chính đó là nhân, là duyên cho bộ lông hoàng kim nơi thân bạn. Cái quả trở sanh của nó còn vạn lần vi diệu hơn nữa kia. Rồi bạn sẽ được nương tựa dài lâu. Ta thành thật chúc mừng cho bạn vậy.

Vị Thọ thần chột nhìn ngỗng trời vàng rồi với giọng thiết tha:

- Như là bồn phận của một lão niên, như là kinh nghiệm của người đã sống quá nhiều, quá lâu, đã chứng kiến không biết cơ man nào là chuyện trong đời sống bất trắc và bấp bênh này, ta có một vài lời khuyên, hồi bạn ngỗng trời vàng thân mến!

- Ngài cứ nói - ngỗng trời vàng cúi đầu tỏ vẻ trân trọng, tín nhận - chắc hẳn đây là những lời dạy bảo đầy khôn ngoan và sáng suốt.

- Không dám đâu! Ta chỉ muốn nói lên sự thực thôi. Là bộ lông hoàng kim của bạn, nó đẹp quá, nó quý quá nên dễ đưa đến tai họa. Vậy thì bắt đầu từ ngày hôm nay, bạn chớ có khinh suất mà đi đến đô thị, làng mạc, ruộng đồng, nghĩa là nơi có loài người. Thấy được bộ lông hoàng kim của bạn, họ sẽ phát tâm tham muốn. Họ sẽ bắt, sẽ bán, sẽ đặt bẫy. Dầu bạn có biết trước, có khôn ngoan cách mấy cũng không qua được sự ma mãnh, quỷ quyệt của loài người. Và như thế, tính mạng của bạn sẽ bị đe dọa thường xuyên, nguy cơ bị rình rập ở mọi nơi, mọi chỗ. Bạn hãy suy nghiệm kỹ về điều đó.

Ngỗng trời vàng thở dài:

- Chí lý và chân tình thay là những lời khuyên tốt. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Ở chốn loài người, tôi còn vợ và ba con. Có tôi, chúng sẽ đỡ khổ một phần. Không có tôi, từ lâu chắc chúng phải đi ở thuê, ở mướn, làm việc cực nhọc với nước mắt và đòn vọt. Biết là hiểm họa sẽ đến, nhưng tôi không thể từ bỏ ý định về thăm chúng được.

Vị Thọ thần thương hại nói:

- Thương vợ, thương con là những tình cảm tốt đẹp. Nhưng ái niệm thái quá lại sinh thêm phiền não, đau khổ cho mình. Bạn đã trút bỏ hết bồn phận nơi cõi người cùng với thân xác và hơi thở của bạn rồi. Bây giờ là nghiệp khác, đời sống khác, bồn phận khác. Hãy nghe lời khuyên của ta mà ở đây hoặc trở lại rừng sâu, nơi chỗ của những ẩn sĩ bện tóc hiền thiện tại tuyết sơn. Như thế, bạn sẽ được an lành như trong ngôi nhà của mẹ.

Ngỗng trời vàng vẫn lắc đầu:

- Biết là lời khuyên chí tình, chí thiết nhưng tôi vẫn không thể nghe theo. Tôi an tâm mà sống đời ẩn sĩ sao được, khi vợ con tôi đang nai lưng làm trâu ngựa cho người, sống đời tối tăm, cơ cực. Tôi phải về làng để tìm cách giúp đỡ họ thôi.

Vị Thọ thần với tâm của mình biết tâm của chúng sanh, biết nghiệp sẽ đến như thế nào cho con ngỗng trời vàng này. Nhưng mọi lời khuyên đã như

sương trượt đầu lông. Ngài chột đứng cao mười tám thốt nốt giữa hư không, cất lời ca hòa lẫn với mây ngàn cùng với gió núi:

"- *Hỡi đàn chim bay về phương nam! Người đã biết phương kia trời nắng ấm!*

Hỡi đàn chim bay về phương bắc! Người biết rằng nơi ấy tuyết lạnh đã tan đi!

Thế nhưng vẫn có kẻ ra đi trong tăm tối, chẳng biết hướng đến là đâu, chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra!

Trái chín phải đợi tiết, hoa nở phải đợi thời.

Vậy này bạn vàng yêu quý! Hãy thôi đi sự cứu độ vô vọng! Cát bụi quá nhiều làm sao thấy được tấm lòng tốt đẹp của nhau? Đêm đen quá sâu, làm sao chỉ lối dò đường bằng ngọn đèn quá mỏng? Đôi tay của chút ít phước báu chẳng thể ngăn nổi dòng sông nghiệp lực? Cõi loài người gian ác và phản trắc kia sẽ vật trụi lông cánh của bạn mất thôi!"

Ngỗng trời vàng cúi đầu lắng tai nghe với nước mắt, nhưng tâm ái luyến vợ con quá nặng, đành phải lắc đầu từ chối.

Vị Thọ thần bù nhìn nói lời cuối cùng:

- Nơi khu rừng Daliko bên bờ sông Đại Hằng yên tĩnh, nơi vương quốc hòa bình này, có ta, luôn mong ngóng sự trở về của bạn. Không những bạn trở về với lông cánh trần trụi, cho chí những vết thương đau cả thể xác lẫn tâm hồn, gốc đại thọ bồ đề này muôn đời vẫn là tổ ấm của chúng ta.

Ngỗng trời vàng cúi đầu như tri ân vị Thọ thần rồi từ giã. Vị Thọ thần nhìn theo bóng chim mất hút cuối phương trời xa, nhòa lệ...

Ngỗng trời vàng sau khi chia tay với vị Thọ thần, đêm đi, ngày nghỉ. Với đôi cánh vàng rực rỡ lướt qua hư không, sợ sự dòm ngó của loài người, nên chim bay rất chậm vào ban đêm, ngày thì ẩn trong những lùm cây rậm rạp. Lâu ngày chầy tháng cũng về đến ngoại ô thành Ba-la-nại.

Đúng như dự đoán của ngỗng trời vàng, sau khi nó mất, vợ và ba con phải đi ở thuê cho một hào phú cay nghiệt, ăn cơm với gạo tấm chua, mặc áo quần thô ráp như da vỏ cây, lại còn phải chịu sự chửi mắng, đánh đập thường xuyên. Dầu có thương vợ, thương con cũng chỉ còn biết sa nước mắt. Chim ăn mình kín đáo trong lùm cây đại thọ đầu làng, tìm cơ hội để giúp đỡ họ.

Trong sương mờ đầu xuân, trên quan lộ dưới tầm mắt của chim chột xuất hiện những chiếc xe ngựa sang trọng. Con trai, con gái trang sức những chiếc lông ngỗng trên áo, trên mũ, điểm xuyết là những đóa hoa thắm tươi.

Ngỗng trời vàng nghĩ thầm:

"- Ôi! Những vật trang sức xấu xí kia thì có gì đáng để hãnh diện? Nếu như chúng mà có được những chiếc lông hoàng kim của ta thì chúng sẽ còn đẹp hơn, trẻ trung hơn, sang trọng hơn. Sao ta không giúp vợ con ta mỗi

ngày một chiếc lông để chúng bán cho người ta làm vật trang sức tối thượng?"

Trời cũng dễ chiều lòng người, chỉ lát sau là vợ con nó xuất hiện với cày, với cuốc trên vai. Đợi họ đến gần, ngỗng trời vàng bèn nói vào tai họ bằng âm thanh của một vị thần khuất mặt:

- Hỡi những kẻ cùng khổ đáng thương! Ta không nỡ thấy các ngươi sống đời nô lệ bần hàn. Vậy mỗi buổi sáng, hãy đến đây, đứng xa dưới cội cây, ta sẽ ban cho các ngươi bổng lộc của cõi trời.

Người nữ tiện dân già cùng ba con nghe tiếng chứ không thấy người, bỏ cuốc, bỏ cày, chấp tay hướng đến gốc cây vái lia lịa:

- Vị Thọ thần, ngài ở đâu? Đây là lời hứa chắc thật cho những kẻ tội nghiệp chúng con?

Không có ai đáp lại. Bỗng một vật vàng sáng vọt ra từ lùm cây, rơi xuống trước mặt họ. Cả bốn người đồng sửng sốt. Đây là một chiếc lông to bằng vàng mười lóng mịn đang lóng lánh dưới mặt trời. Chẳng phải là giấc mơ, chẳng phải mắt họ quá mờ, sự thực đang nằm ở tầm tay họ đây!

Các cô con gái đồng xông xáo:

- Không biết nặng bao nhiêu ma-sa-ka?

- Có lẽ hơn trăm ma-sa-ka?

Người nữ tiện dân già nói với ba con rằng:

- Nếu bán làm vật trang sức cho hạng dân dã thì nó chỉ là chiếc lông đẹp, không hơn không kém. Nếu bán tại tiệm kim hoàn thì giá trị chỉ đo đếm bằng phân, bằng lạng. Muốn được giá cao nhất, hãy bán cho các vị tiểu thư, các bà công nương, mệnh phụ. Khi mà chiếc lông vàng đã tôn sắc đẹp của họ lên, và chắc hẳn như vậy, họ sẽ quảng cho ta cả nắm vàng không thương tiếc. Tiền bạc đối với kẻ giàu sang, quý phái, ăn không ở rồi ấy thì có nghĩa lý gì!

Thế là bỏ cày, bỏ cuốc, với chiếc lông vàng, họ đi vào thành phố, quay lưng với Thọ thần không một lời cảm ơn. Ngỗng trời vàng hân hoan nhìn theo họ, nghĩ tốt rằng: "Vì vui mừng quá, khi đi, họ quên chào, cũng là sự thường!"

Ngày hôm sau, tiếng con ngỗng trời vàng lại vẳng đến tai họ:

- Các ngươi đã khôn ngoan nên bán được giá mà không bị các ông chủ tiệm vàng lường gạt, không bị bọn trọc phú dè bieu, ỉ ôi! Bây giờ hãy nhận thêm một chiếc lông nữa, bán cho bà công chúa giàu sang với chiếc xe bốn ngựa lông lẩy sắp đi qua đây. Cộng với số tiền hôm qua, các ngươi hãy mua cho mình những bộ quần áo lạnh lặn, và ăn những bữa cơm trắng có thịt, có rau.

Thế rồi, một chiếc lông vàng chóc nữa vọt ra. Chốc sau, quả nhiên có chiếc xe bốn ngựa với bà công chúa sang trọng đi qua. Sau khi ngắm kỹ

chiếc lông vàng trân quý, bà công chúa sai thị nữ quẳng cho họ một nắm tiền vàng, lại còn ân cần dặn:

- Đây là vật trang sức chỉ để dành riêng cho người hoàng gia, chính bọn giai cấp quý tộc cũng không xứng đáng dùng. Hỡi bọn tiện dân nghèo khổ kia! Ta là công chúa con vua nước Ma-kiệt-đà, ta không tiếc tiền đâu. Có bao nhiêu chiếc lông vàng như thế này, hãy mang đến cung điện bán hết cho ta!

Cả gia đình, vợ và con ngỗng trời vàng thế là thoát kiếp bần cùng, cơ cực. Từ ăn no, mặc ấm, họ đã ăn ngon, mặc đẹp. Từ màn trời chiếu đất, họ đã có một ngôi nhà, một mảnh vườn. Tuy thế, người nữ tiện dân già vẫn chưa bằng lòng. Bà ước mơ một đời sống sang trọng hơn, quý phái hơn, với tôi trai, tớ gái, với thóc đụn đầy kho, với lên xe xuống ngựa, với lầu vàng cửa bạc,... Người nữ tiện dân già đã mấy lần theo dõi, để ý, hôm kia phát hiện là chẳng có vị Thọ thần nào cả, đây chỉ là con ngỗng trời vàng đã tự ý nhổ từng chiếc lông của mình mà cho họ. Bà tự nghĩ: "Giá mà có được cả bộ lông vàng ấy nhỉ?"

Sau khi cho chiếc lông thứ mười tám, ngỗng trời vàng xuất hiện, nói chuyện với bốn người:

- Nay vợ, nay con! Ta là chồng và cha của các người đây. Vì kiếp vừa rồi ta sống đàn độn, tối tăm, không tạo được chút công đức gì nên phải trả quả mang thân súc vật. May nhờ ta có tặng một tấm vải vàng đến vị ẩn sĩ thanh tịnh, ta mới có được bộ lông hoàng kim quý giá, đẹp đẽ hôm nay. Nhân quả thật rành rành. Vì tình thương vợ, thương con nên ta phải trở lại chốn loài người để tìm cách giúp đỡ các người. Nay các người đã no ấm, đã có đủ vốn liếng để tự mưu sinh, ta từ giã các người, về rừng là đúng thời và phải lẽ. Vậy hãy sống đời hiền lành, làm các công đức hâu được hạnh phúc trong mai hậu.

Nữ tiện dân già đã sớm bàn với các con rằng: "Phàm sống ở đời là phải on đền oán trả. Ân nhân của ta đã giúp chúng ta thoát kiếp tôi đòi, nô lệ; đã cho ta những tấm lụa kà-si mịn màng, tươi đẹp; đã cho ta những bữa cơm ngon với thịt và cá. Vậy chúng ta phải tìm cách mời thỉnh ân nhân về nhà để cung phụng, hầu hạ như đối với một vị Phạm thiên." Nay nghe ngỗng trời vàng tiết lộ là chồng, là cha của họ, một phần vì xúc động, một phần vì sợ ngỗng trời vàng bỏ đi, người nữ tiện dân già khóc lóc nức nở mà rằng:

- Nay ông ơi! Thế ra là tình xưa nghĩa cũ. Ông đã có tâm nghĩ đến vợ con như thế thì trời đất này cũng có lẽ thủy chung. Cái lòng của tôi đối với ông, há lại không được như mảnh trăng tròn vành vạnh hay sao?

Rồi bà chỉ ba con mà kể lễ:

- Nay chúng đã nở da nở thịt, lại được phấn son trang điểm, trắng da, dài tóc, nhân hạ, thanh thoi. Thấy chúng được như vậy chắc ông cũng hồi lòng,

hỏi dạ. Cõi người, cõi chim đầu hai ngả, nhưng tấm lòng nào dễ rẽ phân? Vậy sao ông không trở lại với gia đình, đoàn viên sum họp, cùng chung ấm lạnh ngọt bùi cho bố tháng ngày xa cách vì sinh ly, tử biệt?

Ngõng trời vàng nhìn vợ, nhìn con, tâm tình xúc động. Đã bao tháng, bao ngày xa cõi người, Ngõng cũng thấy nhớ nhung ngôi nhà và bếp lửa.

- Cha ơi cha! Cha nào lìa bỏ chúng con? Ba cô con gái đồng khóc lâm ly bi thiết - Khi cha còn sống, chúng con còn thơ dại. Bây giờ đầu đã thác rồi, thân chim vàng ấy lại chính là thân cha. Sao cha không cho chúng con được đáp trả một phần nào chữ hiếu? Chúng con nào đã có tội tình gì?

Không cảm lòng được nữa, ngõng trời vàng bay theo họ về nhà. Người nữ tiện dân già dọn một chỗ cao ráo, trang trọng nhất ở tầng thượng, có nhiều cửa sổ, có thảm nhung cho ngõng ở, và hàng ngày lo cái ăn, cái uống thật tươm tất, chu đáo. Ba cô con gái lúc này có tiền, có bạc nên xinh xang xe ngựa, diêm trang diêm dứa; rong chơi thị tứ, đô phường, hội hè, đình đám nên vắng nhà luôn. Dầu thế họ cũng chưa đến nỗi quên bằng người cha tội nghiệp.

Ngõng trời vàng cứ theo lệ thường, mỗi buổi sáng khi mặt trời lên, niệm Ba-la-mật với tâm bố thí, bắn ra một chiếc lông vàng. Nhìn vợ, nhìn con có được cuộc sống sung sướng, Ngõng thấy lòng được an ủi rất nhiều. Tuy thế, đây không phải là nơi ăn đời, ở kiếp. Ngõng còn có đồng loại và bằng hữu ở rừng sâu, nên trước sau gì cũng phải từ giã.

Nhưng người nữ tiện dân già đã có manh tâm. Chẳng nghĩ đến ân nhân, chẳng nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ bởi lòng tham đã làm cho bà quáng mắt. Hôm nọ, vào lúc bất ngờ nhất, bà rình chụp ngõng bằng cả hai tay ham hố của mình, rồi vật trụi cả bộ lông vàng óng ả!

Khi Ngõng biết ra thì đã muộn mất rồi. Từng chiếc lông bị bứt lìa khỏi thân là những cơn đau xé trời hòa lẫn với máu và nước mắt. Ngõng không còn đủ sức để rên la nữa, mà chỉ cảm nghe như bị tước, bị xé ra từng mảnh, rồi ngất lịm đi. Ngõng chỉ còn trần trụi cái thân đỏ hồng, máu đọng thành vũng.

Ngõng tỉnh lại trong thùng rác tối đen và hôi hám. Nó thử xòe đôi cánh máu ra, nhưng chỉ còn sự run rẩy lẫn với cơn đau ngất trời. Nó lại gục xuống trong đống máu bầy nhầy, tanh tươi. Kiến bắt đầu tìm tới, bò lên những vết thương lở loét mà cắn, mà rút không thương tiếc. Ruồi nhặng nghe mùi, bám đầy như đám đờ đen. Ngõng đau đớn và khó chịu thái quá, nhưng ngàn lần đau đớn hơn là vết thương ở bên trong tâm hồn. Vết thương nơi thân, dầu kinh khiếp, nhưng thời gian sẽ hàn gắn lại, còn vết thương tinh thần thì không bao giờ lành được. Vĩnh viễn, vĩnh viễn vết thương lòng này sẽ mưng độc và lở loét suốt cả cuộc đời còn lại.

"- Ôi vợ, ôi con, ôi nhân tình thế thái!"

Ngỗng rên than âm thầm, nức nở nhưng ai nào có nghe cho!

Về phần người nữ tiện dân già, sau khi vật trụi lông ngỗng, chuyện gì xảy ra? Người đàn bà độc ác, tham lam và phản trắc ấy ngạc nhiên quá! Ôi! Còn đâu là những chiếc lông hoàng kim óng ả bằng vàng ròng tinh chất tủa ra ánh sáng? Chúng đã nhạt màu và hiện nguyên hình là những chiếc lông ngỗng tầm thường. Người đàn bà ngu si đâu biết rằng, những chiếc lông sở dĩ biến thành vàng mười láng mịn là nhờ vào phước báu riêng, nguyện lực và sự tự nguyện "cho đi" của ngỗng trời vàng. Nếu dùng sức mạnh ngoài ý muốn của ngỗng thì phép lạ kia sẽ không bao giờ xảy ra. Than ôi! Ai có thể hiểu được tham sân chính là lửa, độc ác, phản trắc chính là lửa. Chúng sẽ thiêu rụi, đốt cháy tức khắc những đóa hoa diễm lệ, thanh tân vốn được sanh ra từ lòng phước báu, từ khí hậu mát mẻ, thanh lương của tình thương và niềm hoan hỷ.

Người nữ tiện dân già với tất cả tâm sân hận và bực bội, quẳng ngỗng trời vàng vào một thùng rác rồi bỏ đi. Bà vô cùng sâu muộn và tiếc rẻ.

Những người con gái đi chơi trở về, thấy cha chúng như vậy, không nở bỏ phé. Họ bồng ngỗng ra, phủ kiến ruồi, săn sóc, băng bó vết thương rồi đóng một cái cũi riêng cho ngỗng ở, cho ăn uống tử tế. Chúng biết nguyên nhân tại sao, nhưng không hỏi, không nói gì cả, cũng không rơi một giọt nước mắt. Chút từ tâm cuối cùng này, nếu có, cũng đã hóa đá mất rồi!

Ngỗng trời vàng nằm yên lặng, chấp nhận hoàn cảnh bi đát, nước mắt rỉ máu. Cho đến lúc này, ngỗng mới thấy thấm thía lời khuyên bảo khôn ngoan của vị Thọ thần nơi khu rừng Daliko.

"- Nay bạn vàng yêu quý! Hãy thôi đi sự cứu độ vô vọng! Cát bụi quá nhiều làm sao thấy được tâm lòng tốt đẹp của nhau? Đêm đen quá sâu, làm sao chỉ lối dò đường bằng ngọn đèn quá mỏng? Đôi tay của chút ít phước báu làm sao ngăn nổi dòng sông nghiệp lực? Cõi loài người gian ác và phản trắc kia sẽ vật trụi lông cánh của bạn mất thôi!"

Và đây chính là nguồn an ủi của ngỗng trời vàng:

"- Không những bạn trở về với lông cánh trần trụi, cho chí những vết thương đau cả thể xác lẫn tâm hồn; gốc đại thọ bồ đề này muôn đời vẫn là tổ ấm của chúng ta."

Thời gian sau, nhờ tâm xả, các vết thương của ngỗng đều lành. Rồi lú nhú những lông khác bắt đầu mọc ra. Người nữ tiện dân già lòng mừng khắp khởi, sai người đóng một cái thùng khác đẹp hơn, rộng rãi, thoáng mát hơn để cho ngỗng có chỗ ở sạch sẽ, thoải mái. Bà tính thầm:

"- Lần này ta không dại gì ham hố nữa. Mỗi ngày mỗi chiếc lông, tích thiếu thành đa, nước rơi lâu ngày cũng thành hồ, thành sông. Và, các bậc khôn ngoan từ ngàn xưa cũng đã từng dạy rằng: ăn ít dễ tiêu, ăn nhiều tức bụng. Cái lý nó vậy mà sao ta không hiểu kìa?"

Thế là người nữ tiện dân già dành nhiều thì giờ cho việc chăm sóc, tắm bổ ngỗng. Bà không tiếc tiền mua những thức ngon vật lạ, với hy vọng ngỗng nở da, nở thịt thì lông cũng sẽ mau dài. Và quả đúng như thế thực, những chiếc lông dài rất nhanh. Bà đếm tới đếm lui và theo dõi hàng ngày.

Nhưng than ôi! Hy vọng quá nhiều thành ra thất vọng quá lớn! Lông của ngỗng không còn là màu hoàng kim nữa, mà là màu trắng bạc: màu trắng bạc như vôi! Cái lông mà cũng muốn chế giễu nhân tình thế thái đó chăng?

Khi lông cánh đã đủ đầy, nghĩ rằng mình đã đủ sức bay đi, ngỗng bắt đầu tìm cách thoát thân. Lợi dụng lúc mọi người vắng nhà, ngỗng sỏ lông, nhắm hướng Hy Mã Lạp Sơn trực chỉ. Bây giờ thì ngỗng không còn sợ hiểm họa bởi bộ lông hoàng kim nữa nên nó tung cánh suốt ngày đêm.

Không bao lâu, rừng cũ hiện ra, lòng ngỗng bồi hồi, mừng mừng, tủi tủi. Đến góc bờ đề đại thọ, ngỗng bay quanh ba vòng, nhớ lại câu nói hôm xưa của vị Thọ thần: "Nơi đây, muôn đời vẫn là tổ ấm của chúng ta."

Ngỗng rơi nước mắt. Nó đã trở về Cố Quận!

---o0o---

CHÀNG SA-MÔN HỌA SĨ

Thuở Đức Phật Ca Diếp còn tại thế, có hai huynh đệ đồng tu. Anh là bậc trưởng lão thanh tịnh, đắc ngũ thông. Em là một nhà hội họa, tâm hướng như gió núi mây ngàn, suốt đời không an trụ.

Hôm kia, bậc trưởng lão gọi em đến dạy rằng:

- Ta suốt ba mươi năm cần cù khổ hạnh, nghiêm cẩn và chí thú với đạo Trí tuệ, vậy mà chưa thấy được pháp Giải thoát. Còn em, suốt ngày say mê đuổi bắt những ảo ảnh vô thường. Sáng rong chơi ở bể đông để ngắm mặt trời mọc, chiều leo lên núi tây để ngắm mặt trời lặn. Bút lông thú thay cho trượng bố ma. Túi vải màu thay cho bình bát xin ăn. Sự thoáng hiện và biến đổi sắc màu của trời mây, non nước là trò chơi kiêu diễm nhưng ma mị của thần Huyền hóa. Vui gì, đẹp gì mà mãi mê cho uổng kiếp phù sinh?

Người em cúi đầu lấp bắp:

- Dạ phải, dạ phải!

Bậc trưởng lão thương hại nhìn em:

- Hãy tu thôi chứ em? Hãy quảng bỏ túi màu và bút lông thú. Hãy ngồi dựng đứng như gốc cây, ăn vừa đủ, ngủ vừa đủ. Tuyệt đối chăm chú vào đề mục thiền định. Đêm ba canh, ngày bốn khắc, hãy chăm giữ cái tâm như chăm giữ một con ngựa hoang, như chăm giữ một con khi núi. Nếu không được thế thì cởi y, bỏ bát mà về đi thôi!

Người em cúi mặt thẹn thùng:

- Dạ phải, dạ phải!

Từ hôm được lời giáo huấn chí tình, chí lý và nghiêm khắc của anh, người Sa-môn họa sĩ lưng dựa vào gốc cây, tinh tấn thiền định.

Tháng thứ nhất qua đi, người em tới trình pháp:

- Thưa anh, tâm em đã an trú. Con ngựa hoang kia không còn bứt dây, phá xiềng để bay chạy đồi cao hay lũng thấp nữa! Con khi núi nọ không còn nhảy nhót, leo trèo suốt đời phóng dật nữa. Chúng ở im. Tuy thế, những ảo ảnh như khói, như sương lại hiện đến lôi cuốn như ma mị. Trong vài giây khắc, em chụp túi màu và bút lông thú, nhưng vội tỉnh ngộ ngay. Nguy hiểm, thậm chí nguy hiểm!

Bậc trưởng lão mỉm cười rộng lượng:

- Gắng lên, gắng lên nữa!

Tháng thứ hai, chàng Sa-môn họa sĩ lại tới trình pháp:

- Thưa anh, tâm em hoàn toàn đã an trú thanh tịnh rồi. Vậy thưa huynh trưởng khả kính, đâu là con đường phải đi nữa? Đâu là pháp Giải thoát cần phải hướng tâm?

Chăm chú nhìn em giây lâu, ở đấy, khí an tĩnh và trầm ổn tỏa ra từ khuôn mặt trẻ trung mang nét đẹp phiêu bồng của đám bạch vân ngự yên trên đầu núi, bậc trưởng lão đứng dậy:

- Em lãng du rong chơi cũng đã nhiều, có thấy nơi nào có chiếc hồ xinh đẹp, hoa súng nhiều màu tươi thắm, thơm ngát? Và dưới hồ trong xanh như mắt pha lê, có đàn cá đỏ vàng bơi lội nhộn nhạo trên những viên cuội trắng tinh?

Người em ngạc nhiên:

- Có chứ! Ở phía tây Hy Mã, trong thung lũng của dãy Huyền Sơn, em đã thấy một chiếc hồ cực kỳ mỹ lệ như thế. Nếu là đêm thanh trong, có trăng... thì ôi! Là cả một bức tranh trắng nước hữu tình! Giả dụ có túi màu và bút lông thú...

Chàng Sa môn họa sĩ biết mình lỡ lời nên nín lặng. Bậc trưởng lão khoát tay mỉm cười:

- Không sao, bây giờ em hãy cùng ta đi đến đó.

- A, chẳng hay...?

- Không, ta không ngoạn cảnh đâu! Cảnh trên trần gian này đều là cảnh biến ảo, vô thường, có gì chắc thật đâu mà ngoạn!

- Thế thì chúng ta đến đó làm gì?

- Rồi em sẽ biết.

- Nhưng xa lắm.

Bậc trưởng lão cất giọng xa xôi:

- Ta ba mươi năm cần cù khổ hạnh, trì chí kiên gan theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Tuy thế, vì căn cơ chậm lụt, "lỗi cây" dấu chưa tìm được, ta cũng

vớ được cái "vỏ ngoài". Em yên trí, với cái "vỏ ngoài" đó, từ đây mà đến dãy Huyền sơn xa tí tấp kia, chỉ cần thời gian một cái nhấc tay!

Nói xong, bậc trưởng lão bảo em nhắm mắt lại. Lạ lùng thay, khi mở mắt ra, họ đã đứng cạnh chiếc hồ xinh xắn, mỹ lệ.

Bậc trưởng lão ân cần nắm tay em đi dạo một hồi. Lát sau, họ cùng ngồi trên tảng đá, nhìn đàn cá vàng đỏ tung tăng bơi lội dưới hồ.

- Hãy nhìn xuống đáy hồ kia! Bậc trưởng lão nói.

- Dạ! Người em đáp.

- Em thấy gì trong đó?

Người em chăm chú quan sát rồi nói:

- Sóng lặng, nước trong nên không những em trông thấy cá bơi lội, từng viên sỏi nhỏ, mà còn trông thấy cả những cọng rong rêu bé li ti như sợi tơ trời đan kết lại.

- Đúng thế, nhưng anh đó em, tại sao có lúc ta có thể nhìn thông suốt đáy hồ, mà tại sao có lúc ta không nhìn thấy gì hết?

Vốn thông minh sẵn, người em mỉm cười:

- Cảm ơn anh đã tận tình và khổ công chỉ dạy rõ ràng, cụ thể. Em đã biết rõ con đường để đi. "Giới năng sinh định, định năng sinh tuệ". Có phải anh muốn khai mở cho em thấy rằng, tâm ta mà yên lặng và trong suốt như hồ kia thì ta có thể thấy được vi tế phiền não. Định là ở đó, mà Tuệ giải thoát cũng từ đó mà phát sanh?

Bậc trưởng lão nhũn nhặn, khiêm tốn:

- Đây là giáo giới của bậc Đại Tôn Sư!

Thế rồi, tháng thứ ba, người em đi sâu vào thiền định và an trú kiên cố nơi trạng thái vắng lặng an lạc của nhị thiền, nhưng Tuệ không thấy phát sinh.

Tháng thứ tư, người em lại càng đi sâu thêm nữa. Thân giờ như cây khô, tâm giờ như tro nguội, thất tình lục dục đã chìm mất xa xôi như ở một kiếp nào. Chàng đã lần lượt bước vào tam thiền và tứ thiền, tìm được trạng thái hoàn toàn buông xả, trong lặng, nhưng Tuệ cũng không thấy phát sinh.

Sau bốn ngày nhập định, người em xả thiền đi đến bậc trưởng lão để trình pháp:

- Không còn thấy tăm bóng ngựa hoang và khí núi nào nữa cả. Chiếc hồ kia lặng yên và trong suốt lắm rồi, những sắc màu long lanh của vảy cá, những cọng rong li ti đều trông thấy rất rõ ràng. Nhưng Tuệ giải thoát là ở đâu? Tuệ thấy rõ Niết bàn ở chỗ nào?

Bậc trưởng lão trầm ngâm:

- Ta chỉ biết có thể thôi, không hơn em mà cũng không thua em - trên phương diện thiền định. Tuy thế, không phát sanh được Tuệ giác thì ta

hướng tâm đến các khả năng thần thông phép lạ. Phần thưởng này cũng lạc thú vô cùng, không uổng cái kiếp phù sinh chứ em?

Người Sa môn họa sĩ bây giờ lại cất lên tiếng rống của con mãnh sư:

- Thôi đi, ngài đại trưởng lão thanh tịnh! Cái mà Ngài gọi là lạc thú kia, chắc gì đã lạc thú bằng chàng họa sĩ với túi màu và bút lông thú của y? Thần thông và phép lạ của ngài chắc gì hơn được sự biến đổi sắc màu của trời mây, non nước? Thân như cây khô, tâm như tro nguội thì quý báu gì cho lắm mà toan đánh đổi lấy kiếp phù sinh?

Thôi, em xin trân trọng trả lại "chiếc hồ xanh trong suốt như pha lê" cho anh; trả lại "sự thanh tịnh bất động ngàn đời của đỉnh núi đá hoang vu" cho anh. Trả hết! Em đi thôi! Em trở về với biển cả sinh động ngàn đời của em! Em trở về với kiếp phiêu bồng mây ngàn và gió núi của em!

Chàng Sa-môn họa sĩ vừa quay lưng định bỏ đi thì sừng sững trước mặt, một vị Đại Sa-môn to lớn, uy nghi, đầu trần, chân đất, chiếc y vàng rực cả một khoảng trời. Y sừng sốt, há miệng ra, quỳ xuống! Suốt đời, chàng Sa-môn Họa sĩ chưa bao giờ gặp được một con người toát ra những uy lực nhiếp phục người khác đến như vậy.

"- Này tỳ kheo! Đức Thế Tôn Ca Diếp cất tiếng thanh tao, trầm bổng như tiếng chim Ca-lăng-tần-già trên đỉnh tuyết sơn - Tâm không loạn, ấy là định. Pháp không lầm lẫn, thấy rõ như thực, ấy là tuệ. Tâm không dính mắc dù pháp thô hay tế, bên trong hay bên ngoài, ấy là Tuệ giải thoát. Này tỳ kheo, pháp của Như Lai không từng thêm, không từng bớt. Pháp ấy cụ thể, hiện tiền, vượt không gian, thời gian,... Pháp ấy không phải là để chứng đạt, nắm bắt mà chỉ để dành cho kẻ có trí tự mình liễu tri, giác hiểu..."

Ý nghĩa lời pháp như mặt trời vàng chói lợi xuyên thủng qua hàng triệu đêm trường tăm tối, đốt cháy hư vô và hốt nhiên bùng nổ trong tâm chàng họa sĩ sa môn một đóa kỳ hoa. Bờ kia hiện hiện ngay chính bờ này, chẳng đến, chẳng đi, dung thông tự tại.

Bậc trưởng lão được khai thông huệ nhãn, rút sâu vào rừng để viên mãn công hạnh sau này làm nơi y chỉ cho tứ chúng.

Còn chàng sa môn họa sĩ thì tùy duyên hóa độ từ xứ này sang phương khác; thỉnh thoảng chàng lại hành trang lên đường với túi màu và bút lông thú... Sáng rong chơi ở biển đông để xem mặt trời mọc... Chiều leo lên núi tây để ngắm mặt trời lặn...!

---o0o---

THÀ SÔNG HÔI HƠN CHẾT SẠCH

Thuở xưa, có một con Sư Tử lông vàng chói, quý phái, đẹp đẽ, trú trong một hang núi ở tuyết sơn. Buổi sáng, nó vươn mình đứng dậy, vồ bắt những con thú lớn, lựa ăn những miếng thịt sạch sẽ, mịn màng, rồi đi đến hồ nước. Đây là một cái hồ quanh năm phô thắm hoa sen, hoa súng, nước trong và ngọt như suối trời. Sư Tử thường hay uống nước, bơi lội và tắm rửa ở đây.

Trên đường đi và về như vậy, Sư Tử thường gặp các nhà tu khổ hạnh cũng hay đến hồ nước, uống nước và tắm giặt. Khi gặp họ, Sư Tử thường hay tránh né, tự nghĩ:

"- Thịt của loại người này già, dai và hôi. Thật chẳng khoái khẩu chút nào khi phải nhai những xương và da còm cõi và nhăn nhúm ấy!"

Hôm kia, sau khi ăn và uống thỏa mãn, Sư Tử gặp một chàng Heo Rừng to lớn cũng xuống hồ uống nước. Sư Tử cũng tránh né nó, tự nghĩ:

"- Bây giờ ta đã no, hãy để dành tấm thịt kia vào một lúc khác; nếu thấy ta nó sẽ trốn mất."

Heo Rừng thấy Sư Tử tránh núp vào một lùm cây, lại nghĩ:

"- Thấy ta to lớn, oai nghi, đường bệ, dũng mãnh, chắc là nó sợ, chẳng dám đến gần. Nhưng để gì mà trốn chạy được? Hôm nay sẽ có cuộc đối địch vô tiền khoáng hậu giữa ta và nó."

Bèn ngẩng đầu lên, cất tiếng rống của loài heo:

- Này bạn Sư Tử kia! Hãy đứng lại! Hãy ra đây! Chớ có sợ hãi! Bậc anh hùng không có sợ hãi!

Sư Tử vừa ngạc nhiên, vừa nực cười, nhưng cũng chậm rãi bước ra. Heo Rừng lại cất giọng thách thức:

-Bạn là loài bốn chân, ta cũng là loài bốn chân. Bạn to lớn đẹp đẽ, ta cũng to lớn đẹp đẽ. Bạn oai hùng xung bá một phương, ta cũng oai hùng xung bá một phương. Vậy thì con có gì, gặp nhau, chưa thử sức nhau, bạn đã sợ hãi, co rúm, núp mình trong bụi cây?

Ngắm nghía con Heo Rừng, ước lượng tầm thịt và mỡ, Sư Tử ần ần nói:

- Phải rồi, ta và bạn đều là bậc anh hùng, đối địch với nhau xứng đáng lắm. Vậy thì sau bảy ngày, tại chỗ này, vuốt của bạn sẽ đọ với vuốt của ta. Hôm nay, sau khi ăn no, uống mát, tắm rửa sạch sẽ, ta muốn về nằm ngủ, không có thích đánh nhau.

Nói xong, Sư Tử bỏ đi. Heo Rừng hân hoan, thích chí, khoa đuôi múa chân, tự nghĩ:

"- Ta sẽ đấu tay đôi với Sư Tử. Ôi! Thật là danh vọng lớn, vinh quang lớn cho giống nòi tiên tổ nhà heo!"

Thế rồi Heo Rừng phóng như bay đến báo tin vui cho họ hàng thân thuộc biết, với cái đuôi vẫy lên, với những sợi lông dựng đứng.

Họ hàng nhà heo tụ họp thành bầy trong một hốc núi, không xa bao nhiêu những hang, những động của những nhà tu khổ hạnh. Khi nghe Heo Rừng khoe khoan hí hửng như vậy, chúng nhà heo hoảng hốt, mắt nhón nhác, những cái móng thun lại.

- Đồ bạo hung, đồ chuột chù hôi hám! Chúng nhà heo chửi mắng - Chính ngươi đã mang tai họa khủng khiếp cho họ hàng nhà ta. Ngươi là gì? Đồ muỗi lằng, đồ sâu bọ! Lại dám thách thức, đánh đấm, đọ vuốt với chúa sơn lâm! Hừ! Một trăm thanh niên heo, một ngàn thanh niên heo, sức mạnh thù thắng gấp trăm lần ngươi, cũng chỉ làm cái bị thịt cho giống Sư Tử oai hùng kia thao dượt mà chưa chảy mồ hôi. Thế đấy, đồ chó chết! Đồ cóc ngồi đáy giếng chẳng biết trời cao đất rộng là gì!

Sau khi chửi mắng, la hét, đánh đập con heo ngu si, một mưu sĩ heo bước ra:

- Thôi, các cha, các chú, các mẹ, các bác hãy nguôi giận. Ta vẫn có kế vẹn toàn cơ đấy. Vẫn thách thức đánh đấm với Sư Tử bằng khí giới miệng lưỡi mà họ hàng nhà ta vẫn an toàn vô sự cơ đấy!

Đám nhà heo xôn xao, đưa mắt heo thao láo nhìn tên mưu sĩ nhỏ nhắn vốn lăm mưu sâu, chước hiểm.

Mưu sĩ heo để cho chúng nôn nóng một hồi mới mở mắt ti hí ra nói:

- Này bạn heo - nó nói với con heo thanh niên "ngựa non háu đá" - Bạn có thấy những đám phân của những Nhà tu khổ hạnh chứ?

- Có thấy.

- Vậy thì mỗi buổi sáng, bạn đến lăn lộn trên những bãi phân ướt, làm sao cho phân nó dính cả đầu, cả cổ, cả lưng, cả bụng và bốn chân. Xong rồi, khi mặt trời lên, bạn hãy bắt chước như các nhà tu khổ hạnh mà sưởi nắng, hong cho thật khô ráo. Ngày thứ hai cũng vậy, cho đến ngày thứ sáu. Đến ngày thứ bảy, đúng hẹn, bạn hãy thấm ướt thân mình với sương và nước, lựa tìm chỗ đứng trước hướng gió rồi hãy cất lời thách thức đánh nhau với Sư Tử. Hãy nói cho dữ, nói cho gắt, nói cho nộ khí xung thiên vào! Vậy là bạn sẽ thắng!

Thanh niên heo không hiểu, bèn hỏi:

- Vậy thì tôi mang cả đống phân, hôi quá làm sao chịu nổi, làm sao thắng?

- Bạn muốn hôi để sống hay muốn sạch sẽ để chết? Mưu sĩ heo tức giận hỏi.

- Muốn hôi để sống.

- Nếu thế thì cứ như vậy thọ trì! Loài Sư Tử tánh ưa sạch sẽ, luyện ái sạch sẽ; khi ngửi mùi hôi nơi thân bạn, dẫu có bị thách thức, nói lời nhục mạ, nói lời móc óc, nói lời xia xói, nó vẫn sợ hãi và bỏ đi. Cái kế ấy được gọi là: "Bất chiến tự nhiên thành"!

Heo khác góp lời:

- Không phải, cách đánh ấy nên gọi là: "Dùng phân hôi mà đánh Sư Tử"!

Cả bọn cười xòa, hí hí, hức hức; sau đó khuyên heo thanh niên nên thực hành theo chước ấy của mưu sĩ.

Heo thanh niên sau khi tắm đầy phân trong sáu ngày, ngày thứ bảy đến nơi hẹn, ở đầu hướng gió, hùng dũng rống lên:

- Này Sư Tử kia! Hôm nay là giờ tận số của nhà ngươi! Hãy dõ vuốt ra!

Sư Tử thoáng nghe mùi phân, không chịu nổi, ráng nhịn thở, nói liền một hơi:

- Ô! Mưu chước của bạn thật là tuyệt vời! Cái ấy được gọi là: "Thà sống hôi hơn chết sạch". Nếu bạn không tắm đầy phân thì hôm nay, tại chỗ này, ta sẽ chấm dứt mạng sống của bạn chỉ bằng một cái nhích chân!

Ôi! Biết làm sao được! Cái chân ta, cái vuốt ta, cái mồm ta suốt đời chưa quen đụng vào một vật bất tịnh! Chỉ một cái lông hôi trên thân bạn cũng đủ thắng ta, huống hồ là cả một đống hôi!

Ôi! Thật là danh vọng lớn, là vinh quang lớn cho giống nòi tiên tổ nhà heo! Này bạn heo! Hôm nay ta tuyên bố thua trận, nhưng mà liệu hồn, có lúc ta sẽ xé xác hết họ hàng nhà heo, không chừa một móng!

Nói xong, Sư Tử kinh tởm bỏ đi.

Một nhà tu khổ hạnh đắc ngũ trí thần thông biết rằng Sư Tử sẽ giận lây mà gieo họa nên khuyên các nhà tu di chuyển chỗ ở. Họ hàng nhà heo sợ ngày kia Sư Tử trở lại, cũng hốt hải trốn về phương khác.

Riêng "heo anh hùng", sau khi chiến thắng Sư Tử, leo lên núi cao cất tiếng rống đầy tự mãn, nghĩ thầm:

"- Biết ta hạ bệ Sư Tử lên làm Chúa sơn lâm, mọi loài sợ oai, rần rật bỏ chạy".

---o0o---

CÔI TRỜI BA MƯƠI BA

Ở cái chốn gọi là Đệ nhị Thiên đường, có ông vua trời tên là Đế Thích mà nhân gian hay tôn là Ngọc hoàng Thượng đế. Cõi trời ấy được gọi là Dao lợi Thiên cung hay là cõi trời Ba Mươi Ba.

Cõi trời này đẹp lắm, kỳ lạ lắm, hấp dẫn lắm.

Kinh kể rằng, kẻ vừa hóa sinh ở đây là đã bằng một thiếu niên, một thiếu nữ mười sáu tuổi. Rồi họ cứ ở mãi trong tuổi thanh xuân như thế chứ không răng rụng, da nhăn, tóc bạc hay lồm khộm già nua. Dấu hiệu chấm dứt tuổi thọ thường là hoa trang sức bị tàn úa, ánh sáng phai nhạt hay cơ thể rịn mồ hôi. Họ sống trong lạc thú ngũ dục dư tràn kéo dài nhiều ngàn năm, nhiều

trăm ngàn năm. Cứ một ngày ở đây là bằng một trăm năm ở nhân gian. Không ai phải làm công việc gì. Ăn uống, y phục, lầu đài, sàng tọa, vật trang sức cho chí vợ chồng, thể thiết,... đều tùy theo công năng phước báu của mỗi người trong quá khứ mà hiện ra sai khác. Sắc đẹp, quyền lực hay ánh sáng chiếu tỏa nơi mỗi vị thiên cũng đều do thế.

Cõi trời này được dựng lên trên đỉnh Sineru, giữa hư không bởi 33 tòa bảo tháp lộng lẫy, huy hoàng. Sao tỏa sáng, bảy báu lấp lánh suốt ngày đêm, đầy mọi nơi, mọi chỗ. Hoa nở rộ đầy rừng, đầy vườn, đầy đất, đầy mây. Các mùi hương kỳ lạ dịu dàng thoảng trong gió, chập chờn khi mất khi còn, khi gần khi xa làm đắm say ngây ngất mọi tâm hồn. Các tiếng nhạc trời vang lại, do nghệ sĩ Càn-thát-bà, do gió, do chim, do thiên nữ ca hát như bản hòa tấu bất tận giữa không gian lồng lộng. Những buổi dạ vũ, dạ hội, yến tiệc cao sang, đầy đủ thức ăn vật uống lạ lùng, mỹ vị, mỹ phẩm, muốn gì có nấy... từ trăm năm này sang trăm năm khác. Và cứ mãi như thế trong cuộc trường xuân miên viễn.

Chư thiên nam thường hay tụ họp đánh cờ, uống rượu trời, làm thơ, luận bàn hoặc vân du đây đó với hàng trăm hàng ngàn thiên nữ hầu hạ, gối tựa vai kê, cột đùa vui vẻ, bao giờ cũng như tân lang, tân nữ với nhau. Một số thiên nữ khác hái hoa kết thành vòng, thành chuỗi, bay lượn như đàn bướm, trang phục rực rỡ trăm màu, mềm mại thướt tha, với tiếng cười trong như pha lê reo, khi ẩn, khi hiện trong những làn mây ngũ sắc nhẹ nhàng, uyển chuyển.

Đêm thiên cung, ngày thiên cung, mùa xuân thiên cung thanh bình, hoan lạc, vô tận.

Nguyên nhân của cõi trời 33 này được Đức Phật Thích Ca kể lại ở trong bản sanh Kulàvaka như sau.

--*--

Thuở xưa, thật quá lâu xưa, trong nước Ma-kiệt-đà, tại thành Vương Xá, Bồ Tát sinh ra và lớn lên ở ngôi làng Macala, tên là Magha.

Thanh niên Magha do phước và huệ sanh nên như một thiên thần bước xuống thế gian. Chàng lập gia đình, có bốn vợ, sinh con, làm các công nghiệp, giữ giới hạnh, lấy thiện sự làm niềm vui tâm hồn thanh cao.

Ngôi làng Macala ấy không được vui, không được an vì đầy ác giới. Dân chúng thường hay gây gỗ đánh đập nhau, chửi mắng nhau bằng binh khí miệng lưỡi hoặc bằng dao và gậy. Sự xáo trộn, bất an trong mọi gia đình như luôn luôn bị sóng đánh chao đảo hoặc giông bão gầm gào.

Nghề nghiệp của dân làng là săn bắt thú rừng, và kéo cá trong lưới. Một số kẻ bất thiện vô công rồi nghề khác thì bắt trộm heo gà, ăn nhậu với rượu

men, rượu nấu. Khi no nê và say sưa chí tử, không có tội lỗi nào mà chúng không làm, không có giới trọng nào mà chúng không phạm.

Tiếng cười lẫn với tiếng khóc, tiếng than vãn lẫn với tiếng la hét, như đám lửa cháy âm ỉ hoặc cuồng nộ ngày qua ngày, đêm qua đêm.

Thanh niên Magha sống giữa họ như sen mọc trong bùn, thanh sạch, thơm tho cả tâm hồn và giới hạnh. Chàng thương họ, muốn cảm hóa họ, nhưng chàng tự nghĩ:

"- Hướng dẫn đời sống tinh thần đạo đức và hiền thiện cho ngôi làng này, trong lúc này, thật như nước đổ đầu vịt, như hạt cải nằm trên đầu ngọn cỏ Kusa. Khó lắm! Hãy kham nhẫn, từ từ, không phải bằng nói năng, thuyết lý mà phải bằng hành động cụ thể, cả vật chất lẫn tinh thần. Làm thế nào có thể cứu giúp họ, an ủi họ vào lúc mà cơ cực, thống khổ, nước mắt tràn đến họ như một cơn lụt lớn."

Bắt đầu từ đây, chàng cùng vợ và các con siêng năng làm các công nghiệp. Trong 18 môn học nghệ, chàng loại bỏ từ chương, triết lý, thuật số, văn chương, thơ phú v.v... Chàng lại loại luôn các nghề dùng cung tên, giáo mác, nghề sát sanh hại vật, buôn vũ khí, thuốc độc, cất nấu các loại rượu, buôn bán thịt sống và chín v.v... Chàng cùng vợ, các con chăm lo nông vụ, đồng áng, nghề đan lát, thủ công, nghề mộc, nghề thợ hồ, thợ sơn,... Rảnh rỗi, chàng và các con lên rừng lấy cây danh mộc, tìm trầm rồi kết bè về bán ở các thị trấn miền xuôi.

Siêng năng, cần kiệm, có đầu óc, có ý chí, một thời gian không lâu, chàng tích lũy được một tài sản lớn.

Khi mà mỗi gia đình năm này sang năm khác sống trong những mái nhà như những chiếc hang, cái chòi tối tăm, rách nát, muỗi mòng hôi hám, bản thì Magha đã có được một trang trại rộng lớn, kẻ ăn người ở tới lui tấp nập, với kho thóc, kho vải, kho củi như gia sản của một tiểu triệu phú.

Thời đã đến. Ngôi làng Macala xảy ra một vụ tranh chấp, kiện tụng về quyền lợi nơi đám rừng săn thú. Chúng bị bồi thường và bị phạt vạ. Tiếp đến là nạn cháy nhà. Tiếp đến là nạn hạn hán, mất mùa. Củ sắn, củ mài, rễ cây, lá cây không đủ ăn. Chúng rơi vào một trận đói kinh hoàng cùng với bệnh dịch lây lan tràn đến mỗi nhà.

Magha từ lâu đã có dự tính, đã tích trữ sẵn mọi thứ cho mỗi hiểm họa này. Chàng kêu cả làng đến phân phát lương thực, vải vóc, thuốc men,... với tấm lòng rộng mở. Rồi chàng tụ tập ba mươi chàng thanh niên trai tráng, đại diện cho ba mươi gia đình tương đối đàng hoàng nhất, giáo giới với họ rằng:

- Nay các bạn, hãy nghe tôi! Tôi sẽ cứu các bạn và cả ngôi làng này qua khỏi cơn thống khổ. Bắt đầu ngày mai, lương thực của tôi sẽ là lương thực của các bạn. Chúng ta hãy cùng nhau lên rừng, tôi biết đâu có gỗ quý, có trầm, biết chỗ bán chúng để đổi gạo cùng các loại thực phẩm cần yếu khác.

Chỉ cần một chuyến như vậy là chúng ta giúp đỡ được cho tất cả mọi người. Chuyến thứ hai là các bạn có đủ lương thực dự trữ. Chuyến thứ ba là các bạn có đủ tài sản để chăm lo nông vụ. Hãy theo tôi, hãy chiến thắng đói nghèo.

Như gặp được vị cứu tinh, cả dân làng đều hoan hô và tán dương thanh niên Magha. Ba mươi chàng thanh niên thì phấn chấn vì một tương lai sáng sủa đã bày ra trước mắt họ.

Thanh niên Magha cho mở kho đã chuẩn bị sẵn, lấy đủ mọi dụng cụ đi rừng cho ba mươi chàng thanh niên.

Thế rồi, nhờ theo lời Magha, ngôi làng Macala đã đẩy lùi được đói nghèo, đã có giọng nói hoan hỷ của cụ già, đã có tiếng cười hồn nhiên, vô tư của tuổi thơ trên lưng mẹ. Ba mươi chàng thanh niên rường cột của ba mươi gia đình, sau nhiều lần theo chân Magha lên rừng, xuống nội đã được Magha trình bày công việc trọn năm như sau:

- Nay các bạn, hãy nghe tôi! Chỉ cần bốn tháng lên rừng lấy gỗ, tìm trầm, tìm các hương liệu, mật ong, măng giang, mộc nhĩ v.v... là chúng ta có đủ cơm gạo trọn năm. Bốn tháng tiếp theo, chúng ta làm cho đầy các kho ngũ cốc và làm cho tất cả các vườn xanh tươi rau quả. Bốn tháng còn lại, những mái nhà, những con đường, những cầu cống, những hầm rác, những bệnh xá,... đang chờ đợi chúng ta.

Các thanh niên răm rắp tuân theo. Chàng Magha lại mỉm cười với họ:

- Nay các bạn, hãy nghe tôi! Hãy biến cái ngôi làng nghèo khổ này thành ngôi làng của cõi trời.

Thế rồi, niềm vui bốc lên mắt, chạy rần rật nơi cái tay, cái chân, nhúc nhích nơi những sợi râu của cụ già... Người ta tán dương công đức của Magha không tiếc lời. Từ đây, họ gọi thanh niên Magha là "thanh niên sư trưởng", là "bậc Thầy trẻ tuổi", là "nhà đại bác ái", là "người bạn chí thiện"!

--*--

Một phong trào rầm rộ và toàn diện về chuyện làm ăn, xây dựng, canh tân được bàn bạc từ đầu thôn cho đến cuối xóm. Đèn được đốt thâu đêm. Niềm vui chạy khắp các hang cùng, ngõ hẻm.

Khi đủ ăn, đủ mặc, có dư dả chút ít, một vài tệ trạng manh nha khởi lên đây đó như biếng nhác, rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, đánh nhau,... xảy ra. Tuy biết mà Magha chưa nói gì vì thấy chưa đúng thời. Trong lúc này, nên làm hơn là nói. Bởi vậy, chàng, vợ và các con luôn luôn dẫn đầu trong các công việc xã hội. Chiếc bóng của Magha bao giờ cũng xuất hiện đầu tiên và cuối cùng, chỗ này và chỗ kia. Ba mươi chàng thanh niên tuyệt đối tuân lời Magha, lấy Magha làm gương, là ngọn đèn, là con mắt của họ. Họ theo chân Magha như hình với bóng. Các con đường làng lần lượt được đắp lên cao ráo với những hàng cây có hoa và râm mát. Những chiếc hồ công cộng tươi mát được thả sen, thả súng, bơi lội những con cá màu. Những chiếc cầu lót

đá hoặc gỗ bắc qua những con kên, bờ nước có liễu rủ, có bóng tre. Những bệnh xá tương đối khang trang, đẹp đẽ, đầy đủ tiện nghi, thuốc thang dành cho tất cả những người tật bệnh. Không còn một đồng rác, những bãi phân, những vũng nước tù đọng, hôi hám. Tất cả chúng đều được chôn lấp, lấy đi, san bằng. Có những nghĩa địa lộ thiên riêng biệt dành cho người và thú. Mọi công trình kể trên đều được làm bởi sự tự nguyện của dân làng, được quản lý, chăm sóc và bảo vệ tốt.

Biết là thời đã đến, Magha giáo giới ba mươi chàng thanh niên thiện chí của mình:

- Này các bạn! Tại sao đầy đủ cơm ăn áo mặc mà trong ngôi làng của chúng ta vẫn có tiếng khóc, chửi mắng, rên than?

- Chúng không biết tuân theo lời giáo huấn của Sư trưởng, tự ý lên rừng săn thú, xuống sông bắt cá, ăn uống nhậu nhẹt say sưa rồi đánh đập nhau.

- Vậy thì có hữu lý không khi chúng ta cố gắng giữ giới "không sát sanh"?

- Hữu lý lắm!

- Các bạn có giữ được giới ấy chẳng?

- Thừa Sư trưởng, chúng tôi giữ được.

Magha mỉm cười tiếp:

- Từ khi xảy ra chuyện cờ bạc, ăn nhậu, ngôi nhà của các bạn ban đêm có mở rộng cửa ngõ? Có phát sanh sợ hãi khi có những kẻ rình trộm với con dao?

- Chúng làm cho chúng tôi sợ hãi, cửa đóng kín, chẳng dám đi đâu khi có tiền, có bạc trong người.

- Vậy thì hữu lý không, muốn giải thoát sợ hãi cho cả ngôi làng, chúng ta cố gắng giữ giới "không trộm cắp"?

- Hữu lý lắm!

- Các bạn hãy nghe tôi, từ rày về sau, giới thứ hai "không trộm cắp" hãy gắng thọ trì!

Bằng cách như vậy, bằng sự thực cụ thể, liên hệ về nhân và quả, sự tai hại và lợi ích, thanh niên Magha đặt ngũ giới trong tâm cho ba mươi chàng thanh niên tiến bộ.

Tin được truyền đi, người thôn trưởng đâm ra lo sợ, tự nghĩ:

"- Trước đây, khi những dân làng này sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu,... thì ta được hoạnh phát tiền của. Nào là tiền mua hàng trộm cắp, tiền rượu, tiền phạt vạ, tiền bồi thường, tiền cúng tế, tiền ma chay, tiền tranh chấp của cải, tiền giảng hòa, tiền kiện tụng v.v... Nay thanh niên Magha giáo giới chúng, đặt năm giới cấm ở nơi tâm chúng, từ ba mươi gia đình, lan ra bốn mươi gia đình, năm mươi gia đình,... Cứ lần hồi lan truyền

mãi như vậy thì ta sẽ khánh tận tài sản, lợi lộc. Vậy ta làm thôn trưởng để làm gì?"

Tức tối, hậm hực, với mưu chước, người thôn trưởng cụ bị hành lý, đi thẳng đến cung vua xứ Ma-kiệt-đà.

- Tâu Thiên tử! Tại làng của con có một bọn cướp, chúng gồm ba mươi một đứa kể cả tên đầu sỏ. Chúng nó phá làng, phá xóm. Chúng thiêu hủy các cuộc vui của nhân dân. Chúng làm cho các am, các miếu thờ thần cây, thần đất, thần lửa,... vắng lạnh và điêu tàn. Không một bóng người trên sông. Không một bóng người trên rừng. Trống không các buổi hội hè, đình đám, tiệc tùng,... Ôi! Quả thật là một bọn cướp đáng sợ!

Mới nghe thế, Đức Vua đã phán:

- Hãy đem theo lính, bắt trói tất cả chúng và dẫn đến đây!

Thanh niên Magha và ba mươi thanh niên chí nguyện bị bắt trói xếp cánh sau lưng rồi được dẫn đến hoàng thành. Đức Vua xứ Ma-kiệt-đà không điều tra, không hỏi cung mà ra lệnh đem tất cả ra pháp trường cho voi chà cả thảy.

Khi nằm trên đất để nhận chịu sự hành hình oan uổng, thanh niên Magha giáo giới các bạn:

- Này các bạn, hãy bình tĩnh! Nếu quả thật chúng ta bị tử nghiệp do voi chà, thì không ở đâu trốn thoát được dù hang sâu, rừng thẳm. Nhưng nếu chẳng phải thế thì dù bạo lực của Đức Vua, dũng lực của ngàn con voi cũng chẳng làm gì được chúng ta. Vì sao vậy? Vì do thiện pháp bảo vệ, chúng ta sẽ được an toàn.

Này các bạn, chớ có sợ hãi! Hãy hành trì giới, tâm niệm giới. Hãy khởi lòng từ với kẻ ác, với kẻ vu cáo ta. Hãy khởi lòng từ với Đức Vua thiếu sáng suốt. Hãy khởi lòng từ với đàn voi không biết gì sắp dẫm nát chúng ta. Tâm từ ấy phải được quảng đại, sung mãn, bao trùm đồng đẳng, nhất loạt đối với tất cả chúng sanh, tràn đầy hư không giới. Tất cả hãy mát mẻ, vắng lặng. Tất cả hãy mát mẻ, vắng lặng.

Tất cả ba mươi thanh niên y lời, trầm tĩnh, an nhiên như một rừng thiên định.

Khi đàn voi đi đến, chúng đứng sững lại như gặp một bức tường kiên cố. Chúng co rúm lông và đuôi dựng lên, thối lui, rống to rồi quay lưng bỏ chạy. Đàn voi khác đến, cũng như thế, không vượt được bức tường của tâm Từ, trở lui và chạy tán loạn.

Đức Vua nghe báo, ra hiện trường xem, tự nghĩ:

"- Chắc trong người bọn chúng có thuốc "trường sanh" nên chúng đã trở nên "bất tử" chăng?"

Bèn cho người lục soát nhưng thấy chẳng có gì. Đức Vua lại nghĩ:

"- Hay là chúng có độc bùa chú?"

Đức Vua hỏi to:

- Nay bọn cướp kia! Có phải các ngươi âm thầm niệm chú để chống lại bản án tử hình không?

Magha đã hiểu ra mọi chuyện nên đáp:

- Vâng, có, thưa Thiên tử!

- Ấy là bùa chú gì? Đọc lên cho ta nghe thử coi?

- Thưa Thiên tử, hãy lắng nghe, tôi sẽ nói. Tôi và ba mươi thanh niên này trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Chúng tôi khởi lòng từ đồng đẳng đối với mình và các sanh loại. Chúng tôi bố thí, làm các thiện sự, các công ích như dựng trạm xá, làm cầu, làm đường, đào ao hồ, lấp các hố rác, làm các công trình vệ sinh,... Đây là bùa chú (manto) của chúng tôi, là sự bảo vệ (parittau) của chúng tôi, là sức mạnh (vadhiu) tối thắng của chúng tôi.

Đức Vua ngạc nhiên quá, cặn kẽ hỏi đầu đuôi. Thế rồi tên thôn trưởng đành phải cung khai nhận tội.

Đức Vua hài lòng, mỉm cười sung sướng về việc làm tốt đẹp của những thần dân lương thiện. Đức Vua tịch thu tài sản của tên thôn trưởng, bắt làm nô lệ suốt đời. Còn Magha thì Đức Vua biểu tặng cả đàn voi và quyền sở hữu cả ngôi làng với quyền lực, uy tín, danh vọng được Đức Vua xuống chiếu bằng văn bản có triện son.

Từ đấy, Magha và ba mươi thanh niên được tự do và an tâm làm các công đức, công ích xã hội, được Đức Vua bảo vệ, tán dương cùng các khoản trợ cấp hào phóng.

Hôm kia, Magha và ba mươi thanh niên khởi tâm làm một giảng đường hội họp rộng lớn tại một bãi trống gần ngã tư đường, trung tâm của làng Macala. Họ bàn bạc với nhau, rằng là nữ nhân nghiệp dày dẽ mang đến rối loạn và phiền não, chẳng nên cho đàn bà hùn chung công đức.

Sudhammà, bà chánh thất của Magha bèn mang một số tiền đến gặp người phụ trách toà kiến trúc, nói rằng:

- Ông hãy giúp tôi, bằng đủ mọi cách, để cho tôi có cơ hội góp phần công đức vào phước sự lớn lao này.

Người thợ cả kiến trúc nể tình, bằng lòng giúp mưu kế, làm một tháp nhọn bằng loại danh mộc, chạm trổ công phu, phơi khô, lấy vải cuộn lại rồi bảo bà Sudhammà cất dấu đi.

Khi ngôi giảng đường to lớn làm xong, đến giờ đặt tháp nhọn, người thợ cả kiến trúc giả vờ hốt hoảng:

- Chết rồi, các tôn giả ơi! Chúng ta đã quên một việc quan trọng.

- Cái gì vậy? Mọi người xôn xao hỏi.

- Chúng ta quên làm một cái tháp nhọn, làm sao bây giờ?

- Ô, chẳng hề gì! Có thể làm gấp được mà.

- Không phải vậy - người kiến trúc nói - Thứ nhất là phải có danh mộc để khởi nết rạn. Thứ hai là phải gỗ khô, gỗ tươi thì nó không ăn khớp, bị hở và nước sẽ thấm vào. Nay sắp hoàn thành rồi, thời gian không còn kịp nữa, biết làm thế nào?

Mọi người nín lặng, nan giải. Người kiến trúc bèn gợi ý:

- Lạy chư thần gia hộ! Biết đâu một nơi nào đó trong ngôi làng này, có thể có sẵn một cái tháp nhọn đẹp, quý, vừa vặn, in khít đã làm từ lâu bằng loại danh mộc dành riêng cho ngôi giảng đường của chúng ta chẳng? Biết bao nhiêu là nhà có nóc nhọn, tháp nhọn, lo gì!

Mọi người phân tán ra khắp làng tìm kiếm. Ngạc nhiên làm sao, họ thấy bà Sudhammà có cất sẵn một cái rất đẹp, đúng tiêu chuẩn yêu cầu. Họ hỏi mua, nhưng bà không bán. Bà nói:

- Tiền bạc chẳng thể nuôi sống ta từ đời này sang kiếp nọ. Vả, chồng ta công đức quá lớn, ta mà thiếu phước báu thì làm sao hy vọng gặp lại chàng trong kiếp lai sinh? Vậy hãy cho ta hùn góp tí công đức, ta chẳng cần núi tiền, núi bạc của các ông. Hãy cho ta dự phần.

Thật là nan giải bởi ba mươi chàng thanh niên đã cương quyết không cho nữ nhân nhúng tay vào công trình này, đầu đuôi là bà chánh thất của Su trưởng Magha kính trọng.

Magha cũng tôn trọng ý kiến của anh em nên không xen lời.

Người kiến trúc nói:

- Sao các tôn giả lại quá chấp vậy? Chỉ Phạm thiên giới mới không có nữ nhân, các tôn giả đã là Phạm thiên chưa mà làm oai vậy? Tại sao các tôn giả không nhận chân sự thật rằng, nữ nhân trên đời này đã đem lại niềm vui cho các tôn giả? Cho chí các cõi trời, nếu không có nữ nhân thì lên đó, các tôn giả sẽ sống với ai, vui chơi bầu bạn với ai?

Các tôn giả hãy từ bỏ quan niệm sai lầm ấy đi, hãy chấm dứt tâm phân biệt đầy ngã mạn và kiêu căng ấy đi. Hãy lấy tháp nhọn để bà Sudhammà góp phần công đức kéo không còn kịp nữa. Và theo ý tôi, chúng ta cũng nên đón nhận tất cả nữ nhân trong làng đến hùn góp công đức về các phần còn lại.

Ba mươi chàng thanh niên cũng không phải là những kẻ cố chấp, họ thâm nhận ý kiến của người kiến trúc là hợp tình hợp lý, bèn đến xin quyết định của Magha.

Chàng mỉm cười nói:

- Đây là mưu chước của họ, nhưng mưu chước ấy đáng được hỷ xả, tha thứ. Các bạn ạ, chúng ta cũng nên mở rộng cửa trời cho tất cả mọi người cùng được vào, không nên phân biệt nam nữ.

Thế là nóc tháp nhọn được đặt lên vừa vặn, khít khao, tuyệt mỹ. Các nữ nhân trong làng, sau khi được "mở cửa", họ đua nhau đến góp công, góp của, ca hát, reo cười, vui tươi và sung sướng.

Không bao lâu, một quy mô cực kỳ vĩ đại được hoàn thành.

Trong giảng đường có đầy đủ bàn ghế, đặt những ghè nước ở các nơi. Xung quanh giảng đường, họ làm thêm nhà trọ cho khách lỡ bước, trạm nghỉ chân cho khách thương, cho trẻ nít chăn trâu bò. Đâu đâu cũng đầy đủ phòng ăn, phòng tắm, hố chôn rác, nhà vệ sinh. Ngoài ra, những bức tường dài bao quanh có gắn cửa vuông, tròn cao rộng. Những con đường lót sỏi trắng, những hàng cây tà là, tre trúc, bồ đề, dâu da,... xanh tươi và mát mẻ.

Nàng Città, vợ hai của Magha, bắt chước Sudhammà hùn công đúc một công viên mỹ lệ, có những thảm cỏ xanh biếc, những tảng đá um rêu kỳ quái dựng nổi bật, hàng trăm cây ăn trái, cây kiểng, cây hoa lá vàng, lá tím, lá đỏ,... và ngạt ngào hương. Không có cây nào là không có tên tuổi. Không có đường nét nào là không vui tươi, bắt mắt, đầy nghệ thuật.

Nàng Nandà, bà vợ thứ ba của Magha không chịu thua, làm hồ và suối. Hồ xanh thăm thẳm lấp lánh sao trời, phô thảm hoa sen, hoa súng đủ màu. Suối vờn quanh những thảm cỏ, chỗ sâu, chỗ cạn, trong leo lẻo, đủ loại cá đẹp nhơn nhơn, lặn lờ lui tới. Những chiếc cầu đá trắng lơ thơ liễu rủ trông thơ mộng như cõi bồng lai.

Riêng nàng Sujàta, bà vợ thứ tư, trẻ nhất và đẹp nhất của Magha, thì làm biếng, không góp một chút gì vào công trình to lớn nói trên. Suốt ngày cứ nhìn ngắm sắc đẹp của mình, đi tới đi lui, trang điểm, rồi lại đổi thay y phục,... Lại còn ăn món này, món nọ để mong trẻ mãi, mong đẹp hoài!

Rất thương nàng Sujàta, nhưng Magha không khuyên bảo được, chỉ lặng lẽ thở dài mà thôi.

Với công đúc như vậy, nhân và duyên như vậy, lúc mệnh chung, thanh niên Magha hóa sanh làm vua trời Đê Thích, cai quản ba mươi ba tòa cung điện, gồm 30 tòa cung điện cao sang là phước báu của ba mươi chàng thanh niên cùng thân quyến của họ. Còn 3 tòa bảo tháp mỹ miều, tráng lệ là phần của ba bà vương hậu của Đê Thích, đây là bà Sudhammà, Città và Nandà. Riêng bà thứ tư, bà Sujàta, không biết sanh về đâu, chẳng biết đọa lạc vào cảnh giới nào!

---o0o---

Từ đỉnh Sineru, vua trời Đê Thích đưa tâm mắt xa rộng nhìn Thiên quốc ngọc ngà châu báu của mình. Nó hiện ra như trong một giác mộng tuyệt vời. Ba mươi ba tòa bảo tháp lấp lánh nhô lên giữa vùng mây huyền hoặc, diệu kỳ!

Và ô kia! Là thần dân của ngài! Chúng chur thiên nam và nữ thấp thoáng cánh vàng, cánh bạc, xiêm thường tha thướt, rong chơi đây đó. Ôi! Chúng vui chơi hồn nhiên quá! Chúng không biết rằng Thiên quốc này vừa xảy ra một cuộc chiến tranh, nhưng nhờ mưu kế dùng "mỹ tửu", ta đã dẹp xong cuộc chiến tranh ấy.

Ôi! Cái bọn A-tu-la-thiên ấy cứng đầu và ngoan cố lắm! Suốt đời, chúng chỉ thích đánh nhau, đánh nhau là niềm vui của chúng. Dẫu ta tạm thời đuổi chúng đi rồi, nhưng chắc Thiên quốc của ta cũng khó yên với chúng.

Rượu ấy không say được lâu. Tỉnh dậy, chúng không hiểu là bằng cách nào ta đã quăng chúng xuống dưới ấy. Nếu biết, chắc chúng tức giận lắm. Lũ A-tu-la-thiên lúc phần nộ thì ghê gớm dường nào? Thần lực của chúng có thể đốt cháy cõi trời của ta chứ ít đâu!

Ôi! Nguyên cầu "thiên pháp" hộ mệnh chúng ta!

Thiên nhạc từ đâu đó dặt dìu, êm dịu vắng lại. Tiếng nhạc ấy sao mà nhẹ như sương, mềm và khinh an như một niềm hoan hỷ! Và ô! mùi hương nào đây? Chiên-đàn hay già-la? Hôm trước Đệ Thích đã ngỡ ngàng bước vào rừng hoa mạn-thù và ngài đã ngây ngất trước vẻ đẹp trẻ trung, hồn nhiên của các vị thiên nữ, trước sự dịu mát, khinh khoái lòng người và trước mùi hương ngát ngào kỳ diệu. Hương thơm ấy như nức ra từ không khí, từ những hạt sương lóng lánh trăm màu, từ những nụ cười mê hồn, từ những hạt bụi phấn quyền dụ đắm say của các vị thiên nữ.

Ôi! thiên lạc! thiên lạc! Dẫu có trăm lần, vạn lần mộng tưởng cũng không hình dung ra được một phần cái quả lạc thú đem đến nơi đây cho những người miệt mài với công đức. Ta và các bạn ta xứng đáng được hưởng thụ. Các bà vợ của ta cũng xứng đáng được như vậy.

Trời Đệ Thích chợt mỉm cười hài lòng khi thấy sự diệu kỳ của nhân quả. Nàng Sudhammà cúng dường một cái tháp nhọn thì giờ đây, cái bảo tháp của nàng được trả lại hàng ngàn cái tháp nhọn bằng thất bảo của cõi trời. Nàng Città làm một công viên chung cho mọi người du thưởng, thì nàng được trả lại không biết bao nhiêu công viên đẹp đẽ, vạn lần diễm lệ hơn xung quanh bảo tháp của nàng. Còn nàng Nandà, nàng dụng tâm làm hồ, suối thì bây giờ, biết bao nhiêu là hồ suối tráng lệ, mỹ miều xung quanh bảo tháp? Và nơi nào cũng bảy báu chói ngời. Nơi nào cũng chim hót, suối reo, hoa nở, trái chín mọng đầy cành. Nơi nào cũng hoa sen, hoa súng thù thắng, mỗi cánh hoa chứa hàng ngàn đóa hoa mà hương sắc thì ngôn ngữ không còn diễn tả được... Rồi nào là từng lớp sóng bảy màu lấp lánh những hạt cuội bảy màu. Những lan can, chuông gió, đàn đá, ghé ngòi, nhạc trời,... ở đâu cũng gặp, ở đâu cũng hiện ra khi muốn dừng chân uống trà, uống rượu.

Thế còn nàng Sujàta, nàng ở đâu? Nàng thác sanh vào cõi nào? Than ôi! Vì giới, thí, tuệ của nàng không đồng đẳng, bị khiếm khuyết nên chẳng có

thể hóa sanh lên đây thọ hưởng thiên lạc. Ta phải dùng oai lực của một Thiên Chủ tối cao, tìm kiếm nàng, nhắc nhở nàng tu hành để mong cùng nhau tái ngộ.

Đế Thích ngược mắt lên từ vùng suy tưởng. Một bóng mây lướt nhanh từ phương đông rồi một chư thiên nam trang sức như một chiến sĩ, sáng ngời vũ khí xuất hiện:

- Tàu Thiên Chủ! Chúng lại đến.

- Ai? Cái gì?

- Thưa, quân đội của A-tu-la Vương, có lẽ chúng lên để phục thù. Chúng như bày kiến đang từ lưng chừng núi bò lên. Chúng còn xuất hiện ở mặt biển phía đông, khí thế bùng bùng như vừa uống rượu trời...

- Sao nữa, bình tĩnh lại, cứ trình bày đi!

- Dạ thưa! Ôi! Lửa, khói, những binh khí có răng cưa, có móc nhọn, có những vòng, những khoen, những trục nằm ngang, nằm giữa. Chúng đang giương cao, rậm rộ, bạt sơn, xẻ núi. Kinh khiếp, thật kinh khiếp! xin Thiên Chủ hãy ban thiên lệnh!

Không lay động như đỉnh Sineru, không lay động như ba mươi ba tòa bảo tháp, Trời Đế Thích nhìn về hốt hoảng của vị thiên nam, là chiến sĩ của ngài. Ôi! Đây là dũng lực của một chiến sĩ trưởng ư? Nhưng biết làm sao được! Chúng không quen đánh nhau. Chúng chỉ thích trang điểm hoa hòe, hoa sói đủ loại diêm dúa trên người để vui chơi với chư thiên nữ mà thôi. Chúng chỉ quen tiệc tùng, đàn ca, xướng hát. Nay đánh cờ núi tây, mai khiêu vũ biển đông, hôm kia như đám mây bay về thung lũng bạc, thung lũng xanh, đeo các vòng hoa và chập chòn như bướm. Hai vạn chư thiên nam của ta đều như thế. Chúng sinh ra không phải để cầm đao, cầm gậy mà là để gảy đàn, đánh cờ và bung những ly rượu trời. Bọn A-tu-la mà có xâm chiếm cõi này cũng dễ dàng tha hết tội chết cho chúng. Còn mười muôn triệu chư thiên nữ thì A-tu-la Vương và thuộc hạ sẽ bắt làm vợ, làm tỳ thiếp, làm tỳ nữ, làm hoa, làm cảnh, làm các đoàn ca vũ nhạc kịch,... Thế là chúng chỉ thù hận ta mà thôi. Chúng muốn thay ta làm quyền Thiên Chủ. Nhưng phước báu nào để cho phép chúng làm thế? Rõ là bọn ngông cuồng. Mà thôi, tự ta sẽ dùng uy lực của mình, thử sức với bọn chúng xem sao, rồi tùy đó mà liệu!

Nghĩ thế, Đế Thích chợt mỉm cười bao dung, vô sự, điềm nhiên:

- Các ngươi hãy cứ rong chơi đây đó! Ai đàn cứ đàn, ai hát cứ hát, ai với trò tiêu khiển nào cứ tiếp tục với trò ấy. Riêng các vương hậu, thứ phi, người hãy cho quân hộ tống họ tạm thời lánh cư về mặt biển phương nam. Còn tất cả đây, hãy để ta tự lo liệu.

Khi vị thiên chiến sĩ trưởng đi khuất, Đế Thích Thiên Chủ bước ra bao lon, phát tay ra hiệu. Chốc sau, chiếc xe thù thắng Vejayanta xuất hiện cùng với vị trời đánh xe. Thế rồi, chiếc xe dài 150 do tuần, phút giây như gió nổi

cuồn cuộn, vượt hư không, vượt biển, lao trên những đợt sóng chận đứng được đợt tấn công đầu tiên của A-tu-la Vương.

Sau chốc thoáng bị đẩy lùi, bọn A-tu-la như vũ bão lại tiến lên, nổi lửa, xô dạt những làn sóng, ào ạt, hàng hàng lớp lớp bao vây Đế Thích. Vị Vua Trời như lọt vào giữa trung tâm ruột xoáy của đại dương. A-tu-la Vương mặt đỏ như say rượu, hùng hực lao tới với hai chiếc búa bằng lửa, tung ngang bỏ dọc trên đầu. Trời sụp. Biển sụp. Trăm trăm, ngàn ngàn chiến sĩ A-tu-la khí thế đồng mãnh vọt qua biển, qua sườn đồi, tràn lên, tràn lên...

"- Sức ta chỉ có thể thôi! Đế Thích thâm nghĩ - Địch làm sao nổi bọn A-tu-la hiếu chiến, quen mùi máu, quen đánh nhau? Chặn biển đông, nó sẽ tràn biển tây. Chặn núi nam, nó sẽ tràn núi bắc. Khi chúng đã cương quyết trả thù, dành quyền đất đai và bá chủ thì ta, với địa vị ngôi trời chí tôn, như ngồi trên đầu sóng. Thôi, mắt mặt mà làm gì? Thiên Chủ mà làm gì? Nếu ta sử dụng hết thân lực của ta thì tất cả sinh mạng bọn A-tu-la này sẽ biến thành tro bụi, quả thật ta không nở thể. Nếu phước báu của ta ngăn ngừa như giấc mộng đầu hôm thì bảo vệ có ích gì? Ta trốn thôi. Ta sẽ bay qua mặt biển phương nam, đón các vương hậu, thứ phi rồi đến tận nơi các vị trời Đế Thích bằng hữu."

Nghĩ thế xong, Thiên Chủ ra hiệu cho vị trời đánh xe. Chiếc xe thù thắng Vejayanta chọt bốc cao từ vùng biển xoáy, thoát khỏi sự bao vây của A-tu-la. Rồi như một cơn lốc vĩ đại, nó quạt trong không gian như cơn bão lớn, bỏ mặt biển, nó bay qua rừng "cây lưa bông" với tốc độ như vết chém. Chiếc xe bay đi nhanh quá, qua rừng cây mà dường như không có vật cản, như một ánh sao xẹt giữa hư không. Đế Thích Thiên Chủ thoáng nghe như có hàng trăm, hàng ngàn tiếng chim kêu đầy tuyệt vọng.

- Nay, Trời Mākali! Đế Thích hỏi - Chúng ở đâu vậy, những con chim thảm não kia?

- Thưa Thiên Chủ! Vị trời đánh xe tâu - xe của chúng ta xuyên qua rừng như vết chém, hàng trăm hàng ngàn thân cây lưa bông gãy đổ, đứt lìa rơi xuống biển xanh như một cơn bão lốc. Rừng cây lưa bông này là quốc độ của loài Kim Xí điều (Galura). Tổ của chúng bị bắn tung tóe và lũ chim con, số chết, số bị thương, số không còn nơi ẩn náu.

- Thế à? Vậy thì quay lui, tức khắc quay lui! Nghe đâu, một vạn do tuần là rừng cây lưa bông này. Đừng vì mạng sống, vì Thiên Quốc của ta mà giết hại sanh mạng, phá hại tổ ấm an lành của chúng sanh khác. Quay lui, ta sẽ nộp mình cho quỷ dữ A-tu-la Vương! Thân ta dầu có nghiền ra tro bụi cũng không trả nợ hết sanh mạng cho sự lâm lữ này. Ôi! Hỡi những con chim non vô tội, ta không cố ý, ta chỉ vô tình ngu ngốc mà thôi!

Thế rồi, vị trời Mākali tức tốc quay xe lại, về cung 33 bằng lối khác.

A-tu-la Vương và quân đội đang uống rượu liên hoan, say men chiến thắng, tâm thần không ổn định, thấy Sakka bình thân trở lại với sắc mặt điềm nhiên, nghĩ rằng:

"- Chắc chắn các Sakka từ thế giới khác hay tin đến tiếp viện. Khi chạy trốn, chúng trốn hướng này, lúc trở lại, chúng đi hướng này. Như vậy rõ ràng là chúng ta đã bị bao vây, không hề nghi ngờ nữa."

Vì suy luận như thế nên bọn A-tu-la rần rần bỏ chạy như đàn kiến vỡ tổ, phút chốc không còn lại một mống, khí giới đủ loại quăng bỏ ngổn ngang.

Đế Thích Thiên Vương đi vào thành với thiên chúng doanh vây. Trong sát-na ấy, đất nứt ra và địa giới của Thiên quốc trời lên cao 1000 do tuần. Sakka Thiên Chủ đứng chiêm ngưỡng phước báu kỳ lạ, tự nghĩ rằng:

"- Có lẽ đây là do nhân vì từ tâm mà ta nhường nhịn chúng A-tu-la, do từ tâm thà nộp mạng sống mình cho ác chủ tử, còn hơn là biết mà vẫn sát hại rừng kim xí điều."

Do vậy càng có tâm bất thiện với thiện pháp, từ đây, ngài ra lệnh bảo vệ sự an toàn cho loài rồng, loài Kim xí điều, loài Kumbhandà, loài Dạ Xoa và Thiên Vương bốn cõi. Còn từ nay, Thiên Quốc sẽ hoàn toàn thanh bình vì địa giới của A-tu-la đã trở nên quá xa xôi, không còn sợ bọn chúng quấy nhiễu nữa.

Dưới chiếc lọng trắng, Sakka Thiên Chủ ngồi trên thiên bảo trải một tấm nệm bằng vàng mịn rộng một do tuần. Ngài trị vì Thiên Quốc quang vinh, làm những công việc của chư thiên, hỗ trợ loài người trong khả năng, thiện chí và oai lực của mình.

Đã đến lúc Đế Thích thấy mình phải cứu độ Sujatà, người vợ bé bỏng vì thiếu phước nên không cùng lai sanh đồng đẳng.

--*--

Trong lúc mọi người sum vầy lạc phúc trên thiên giới thì nàng Sujatà sinh làm con chim hạc ở rừng sâu. Cha mẹ chết, hạc sống lạnh lẽo không thân thích, không bè bạn, không có niềm vui.

Khi bình minh vừa ló dạng, ánh quạ hồng vừa nhô lên đầu núi, nàng hạc đã bay đậu lên một cành cây cao, phô đôi cánh trắng, cặp mỏ đỏ và đôi chân màu hoàng kim thon thả. Nàng hạc nghĩ: đẹp cho ai? Trang điểm trau chuốt để làm gì khi xung quanh núi rừng bạc bẽo? Nàng nhìn gì vậy? Giòng suối lặng lẽ hay giòng lệ âm thầm của một đời xuân sắc? Lá xanh nõn lẫm và hoa rừng tỏa hương, nhưng mà để làm gì mới được chứ, có áp ủ được trái tim khô héo và thê lương này chăng?

Ta cô đơn quá, nàng nghĩ tiếp. Thuở xưa, như từ chiêm bao bước xuống, có những hoàng tử đẹp trai gặp gỡ những công chúa diễm kiều rồi dẫn nhau

về những tòa lâu đài san hô. Họ cỡi mây bay lóng lánh giữa miền thủy tinh. Họ như cùng với khói và sương, chập chờn đi vào giấc mộng ngàn năm của tình ái.

Thế còn hoàng tử của lòng ta?

Khi nàng hạc ngược lên thì ánh triều dương đã bùng những tia rực rỡ. Và kìa! Giấc mơ thành hiện thực. Sujatà, nàng công chúa hạc của rừng xanh nghe tim mình nhảy mạnh trong lồng ngực. Trên cành cây đối diện, không biết xuất hiện tự bao giờ, một chàng hạc thanh niên đẹp đẽ và quý phái lạ lùng. Chàng kìa! Đôi mắt trong xanh vời vợi, sâu thẳm, tròn to, đa tình; chiếc mỏ cong cong óng ánh lân tinh và đôi chân cứng mạnh tràn trề sinh lực.

- Hãy cùng ta bay đến tòa lâu đài san hô - Chàng hạc nói - Chúng ta cũng sẽ như khói như sương chập chờn đi vào giấc mộng ngàn năm của tình ái, hồi nàng công chúa hạc kiêu diễm!

Nàng hạc Sujatà thẹn thù quá đỗi, khép cánh lại, nép đôi mắt ướt át vào sau một cành cây. Ý đọc được ý nghĩ của ta! Ô! Tinh quái! Kẻ đâu mà bạo mồm bạo miệng đến thế!

- Đi chứ, Sujatà, công chúa hạc? Hãy cùng ta đi xem một cảnh giới huy hoàng!

Với thần lực của mình - Hạc ấy chính là Đế Thích Thiên Chủ hóa thân - chàng hạc cất đôi cánh trắng, và nàng hạc cảm nghe thân mình bị bốc lên, chao đảo, không cưỡng được, đã phải theo chàng hạc nhẹ nhàng bay xuyên qua những đám sương mờ.

Đế Thích đem hạc đến cõi trời Đạo Lợi. Và sau khi dẫn nàng hạc bay vòng quanh 33 tòa bảo tháp, nhìn ngắm chư thiên nam nữ lộng lẫy cao sang, rồi cả hai bay đậu nơi các công viên, nhìn xuống đàn cá bơi lội nhớn nhợ giữa những viên cuội thất bảo, giữa những đóa hoa sen hoa súng nhiều màu vi diệu.

- Vinh quang thay là thiên giới - chàng hạc say sưa nói - nàng công chúa hạc mến yêu! Chúng ta đã gặp nhau trong mộng, có bao giờ nàng mơ ước đến một thế giới như thế này: ta với nàng kết nghĩa phu thê, trường sanh bất lão, mãi mãi hạnh phúc trong những tòa lâu đài sáng ngời châu báu, doanh vây xung quanh muôn triệu thiên nữ mỹ lệ, tươi cười như những đóa hoa vừa hé nụ?

- Có, em có! Nàng hạc thẹn thù gật gật đầu, đôi mắt e ấp ẩn dấu niềm mơ ước cháy bỏng - Nhưng vẫn là mộng thôi, chàng hỡi!

Chàng hạc bỗng vút cánh lên mây biến thành Đế Thích Thiên Vương, rõ rõ uy nghi ngồi giữa hư không với chiếc lông trắng, xung quanh doanh vây hằng sa thiên nữ.

Nàng hạc sợ hãi quá chừng, định cất cánh bay, nhưng Đế Thích đã hiện nguyên hình trở lại đến gần bên, cất lời rử rừ rừ như mật rót:

- Em yêu! Kiếp trước ta là chồng của em, tên là Magha. Em tên là Sujata, là vợ thứ tư của ta, ở ngôi làng Macala, quốc độ Ma-kiệt-đà...

Từng lời, từng lời của Đế Thích gọi lên hình ảnh vừa qua trong kiếp trước, phục hồi lại ký ức ngủ quên của nàng hạc. Sujata ta bỗng nhớ lại tất cả. Nàng thỏn thức, bồi hồi, không còn e thẹn gì nữa vì đây là chàng, là người chồng cũ. Sujata nép mình bên Đế Thích như đặt trọn niềm tin, gởi trọn cả cuộc đời đào tơ liễu yếu.

Đế Thích với cố gắng, với tình nghĩa, nói cho Sujata nghe tất cả mọi nhân, duyên và quả, khuyên Sujata sống đời thiện lương, giữ ngũ giới, những mong phước báu hỗ trợ giúp nàng thác sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba để tái ngộ tình xưa. Thấy Sujata nguyện giữ ngũ giới, Đế Thích mỉm cười hài lòng, đưa nàng trở về rừng cũ.

Tiếng nhạc cõi trời như còn vọng lại sau đôi cánh xa xăm, hương của các loài hoa vi diệu như còn thoảng đâu đây. Hạc tỉnh mộng, bàng hoàng. Sau đó, hạc biếng ăn, biếng ngủ. Chàng ở trên cao kia do quá nhiều công đức đã làm trong kiếp trước! Còn ta? Ta đã tận hưởng các món ăn cũ, dư phước của kiếp nào. Khi mọi người làm các thiện sự như bố thí, trì giới, các công tác lợi ích xã hội, thì ta chỉ làm cho lấy lệ, làm cho mau qua, mau xong. Rồi cái giảng đường nguy nga đồ sộ cùng với hàng chục công trình phụ, là niềm vui chung cho cả làng, thế mà ta lại không đóng góp được chút gì. Ta chỉ lo trau chuốt, điểm trang, tới lui ngắm nghía để tự mãn, để khinh người. Ta ngồi trong im mát hưởng thụ ngũ dục, làm đẹp nhan sắc với phấn và hoa, với hương cho các đứa nô tì, kẻ làm công trầm trồ tán thán. Chàng và họ, ba bà vợ đầu, nhờ công đức, nhờ phước báu đã gieo trồng, bây giờ họ ngồi ở thiên đàng mà hưởng phúc quả. Còn ta thì đọa lạc làm thân súc vật xấu xí này thì còn chi nữa mà tự mãn? Than ôi! Phải lo tu tập đi thôi, phải kiên quyết giữ ngũ giới cho tròn như chàng đã dạy!

Bắt đầu từ dạo đó, hạc không ăn các sanh mạng còn sự sống, lại không quen ăn lá cỏ, các loại hạt nên hạc gầy yếu rất nhanh. Ít tuần sau là hạc kiệt lực, ngã gục bên bờ suối. Sương rừng và gió núi làm hạc tỉnh lại. Mệt mỏi, lờ đờ, hạc lê vài bước. Một chút nước suối làm nàng tỉnh hơn.. Và ô kìa! Một con cá béo ngậy nằm phơi cái bụng vàng óng ánh! Nó chết rồi. Đây chỉ còn là tứ đại. Nó sẽ cho ta sinh lực và sự sống.

Khi ngâm con cá trong chiếc mỏ xinh xắn, hạc nghe thân cá rung động, uốn cong chiếc đuôi. Hoảng hốt và như một phản xạ trong sạch từ lương tâm có giới hạnh, hạc nhả con cá ra, thả thờ. Hạc còn không quên dùng chiếc mỏ đẩy con cá xuống giòng nước. Thà chết chứ ta quyết không sát sanh. Dầu

cho cái đói có thức bách ta, hành hạ ta, ta vẫn kiên gan chịu đựng để được lợi ích và tiến hóa lâu dài.

Trước mắt nàng hạc chột rực sáng. Con cá bạc từ suối nước bỗng vút lên hư không như một vệt thủy tinh, hiện thành Đế Thích Thiên Vương ngồi giữa đám mây lành, dịu dàng, rực rỡ.

- Lành thay, Sujatà đáng mến! Nàng đã có giới ở trong tâm. Nàng đã biết nghe lời ta. Thật ra, chỉ chột mắt là cái kiếp hạc phù du. Hãy kham nhẫn, chiến thắng vị dục và cái bụng, rồi nàng sẽ được tái ngộ cùng ta giữa cõi Thiên Đường hạnh phúc xán lạn.

Nói xong, Đế Thích biến mất giữa hư không.

Nàng Sujatà nhờ có giới hộ trì, nâng đỡ, nhưng vì chưa đủ công đức nên hết kiếp hạc, lại tái sinh trong một gia đình nghèo khổ làm nghề thợ gốm ở Ba-la-nại.

Từ đỉnh Sineru, nhờ thiên nhãn, Đế Thích Thiên Vương biết chỗ sanh thú của nàng. Lần này, Đế Thích hóa thành một cụ già đẩy một chiếc xe đẩy dưa chuột chín vàng đi vào thành phố.

Ông già bán dưa chuột rao vang vang cái câu lạ lùng:

- Ai cần dưa, hãy đến lấy! Ai có giới hãy đến lấy dưa!

Màu dưa chuột chín vàng rất thích mắt, thấy là đã muốn ăn ngay. Thật là của hiếm giữa mùa nắng cháy rát da. Người ta đổ xô lại và ai cũng tranh phần muốn mua.

Ông già hét to:

- Các người là ai? Các người có giới không? Ta chỉ cho dưa chuột đến người có giới!

Mọi người nói:

- Tôi chẳng biết giới là gì, nhưng tôi có tiền. Tôi sẵn sàng trả giá cao nhất.

- Hãy đi - Ông già bán rong lấy tay xua - Ta không cần tiền. Tiền bạc có tích sự gì. Ta chỉ cho không đến người có giới.

Với sức mạnh do thần lực của vị Thiên Chủ, đôi cánh tay gầy guộc của cụ già như hai vòng đai kiên cố bảo vệ xe dưa chuột. Đám đông như chạm phải một bức tường sắt, dạt lui. Ai cũng nghĩ là ông già ấy điên. Mọi người lảng tránh dần.

Tiếng rao của cụ già khàn khàn nhưng vọng từ đường phố này sang đường phố khác, từ khu nhà này sang khu nhà khác. Muôn dân thành Ba-la-nại không hiểu tại sao cứ nghe mãi âm thanh của ông già rao cho dưa chuột vang vang trong lỗ tai. Kể cả kẻ điếc lãng, họ không hiểu tại sao, hôm ấy họ cũng nghe rất rõ ràng.

- Ai có giới, ta cho không dưa chuột. Ai có giới, ta cho không cả xe dưa chuột.

Đến tai, nàng Sujatà bần khổ rung động mạnh. Tiềm thức quá khứ mơ hồ trở về. Nàng biết giới, nghĩ về giới, quen với giới như người bạn thân đi xa lâu ngày gặp lại. Nàng rẽ đám đông bước tới:

- Thưa cụ, tôi biết giới, tôi có giới. Hãy cho tôi đưa chuột!

Cụ già chột nở nụ cười hóm hỉnh, nhìn Sujatà hỏi rằng:

- Cả xứ Ba-la-nại này có ai biết giới là gì đâu, vậy tại sao nàng biết?

- Thưa cụ, tôi biết từ quá khứ.

- Vậy giới là gì nào, cô bé?

- Là ngăn giữ những điều ác, thưa cụ.

- Vậy là đúng! Vậy là tốt! Nay cô bé, hãy thọ trì ngũ giới đầy nhé!

Rồi Đế Thích trao cả xe đưa chuột cho nàng, chỉ nói riêng cho nàng nghe:

- Đây chẳng phải là đưa chuột đâu mà là xe vàng ròng đấy. Hãy dùng của cải này nuôi mạng sống, nuôi cha mẹ già và làm các công đức. Nhớ tích lũy thêm các công đức về bố thí và làm các thiện sự hữu ích đến mọi người.

Sujatà y lời, giữ giới trong sạch, cúng dường các đạo sĩ, bố thí đến người nghèo khổ, xây dựng các trạm phước xá, chẩn bần cho đến mãn đời. Hết tuổi thọ, mạng chung, nàng sanh làm công chúa cõi A-tu-la-thiên, mang sắc đẹp quý phái, đôn hậu và thùy mị.

Đến tuổi trưởng thành, A-tu-la Vương cho nàng tự do kén chồng. Các A-tu-la hoàng tử khắp các cõi A-tu-la đồng đến tham dự. Đế Thích giả làm một A-tu-la hiền ngang anh tuấn, cõi thốt ngựa trời sáng ngời châu báu. Giữa đám thanh niên A-tu-la, Đế Thích đẹp đẽ, phương phi, cao sang như chúa phượng hoàng.

Nhìn thấy Đế Thích, trái tim công chúa A-tu-la rung động mạnh bởi sợi dây luyến ái nhiều đời kiếp. Nàng chọn Sakka làm chồng giữa muôn vàn tiếng reo hò, tán dương của thần dân ngưỡng mộ.

Đế Thích ra mắt nhạc gia, hiện thành thân tướng trang nghiêm đầy uy lực của một vị Thiên Chủ tối cao, trình bày cho A-tu-la Vương nghe rõ nhân, duyên và quả, rồi sau đó muốn kết tình giao hảo giữa hai quốc độ.

A-tu-la Vương ban đầu đùng đùng nổi giận, sau nhìn đến con gái đang rõ rỡ hạnh phúc, nghĩ rằng, bây giờ dầu là ông Vua Trời cao quý nhưng đã hạ mình làm giai tể, thì có lý nào lại cố chấp, chuốc mối oán thù? Điều nên đáng hãnh diện nữa là khác!

Bèn cười ha ha:

- Đế Thích! Ha ha! Rốt lại người là con rể của ta, ha ha...

Đế Thích mỉm cười vui vẻ, sai chư thiên thuộc hạ dâng rượu trời, một số lễ vật cõi A-tu-la không thể có,... rồi vái lạy A-tu-la Vương làm nhạc phụ. Sau đó Đế Thích chào cha vợ rồi dẫn công chúa A-tu-la về cung trời Đao

Lợi, tặng riêng nàng một tòa lầu đài, đặt nàng lên địa vị Thứ hậu, xung quanh doanh vây hai ngàn năm trăm vạn thiên nữ.

Thanh niên Magha, trời Đế Thích là tiền thân Phật Thích Ca vậy.

---o0o---

VÒNG TAY KIỀU NỮ

Sau khi nghe một thời pháp từ bậc đạo sư ở rừng Trúc, thanh niên Tissa đi thẳng về nhà.

- Thừa cha mẹ, hãy cho con xuất gia.

- Không thể được - Người cha nói - Ta chỉ có con duy nhất là trai. Con sẽ kế thừa cả một gia sản to lớn đấy.

- Quý gì cái gia sản ấy - Tissa nói - Hãy để con xuất gia.

- Không thể được - Người cha vẫn khẳng khái giữ lập trường của mình - Con là một thanh niên giàu có, cao sang, thuộc dòng dõi quý tộc. Vương tôn, công tử đứng chầu chực đầy cửa nhà, vinh hạnh được kết bạn với con. Mỹ nhân thiên hạ mong được cùng con gá nghĩa se duyên. Nô tì, kẻ làm công, ai cũng muốn phục dịch, hầu hạ con. Vậy con hãy ở nhà để giữ ánh sáng vinh quang cho gia tộc.

- Cái đó là phiền não, chẳng phải vinh quang. Hãy cho con xuất gia.

Nói xong, thanh niên Tissa vươn vai đứng thẳng như một con mãnh sư bình minh thức dậy trên non cao. Chàng to lớn, đẹp và hùng vĩ như một cái tháp bạc. Hai tay chàng vòng lại, chiếu đôi mắt như hai tia lửa xanh nhìn đăm đăm vào người cha không chớp, biểu hiện một ý chí vô hạn.

Người cha bủn rủn trước uy lực của con, hối hả lên lầu cao đánh trống triệu tập tất cả gia nhân. Lát sau những bước chân rầm rập đổ ra các hướng. Rồi thì ngựa phi, xe hai ngựa, xe bốn ngựa mỹ lệ, sang trọng từ các đường phố tắt tả chạy lại.

Bạn bè, thân hữu của Tissa đều được gọi đến đứng chật nhà trong, nhà ngoài.

- Này bạn Tissa, sao vậy? Một người nói - Bạn có quản trí, thất vọng, buồn phiền chăng?

- Tissa quý mến! Người khác ân cần - con beo vàng kiêu diễm của ta! Hay là chúng tôi có làm điều gì tổn thương đến bạn?

- Thành phố Vương Xá này sẽ không còn mặt trời, mặt trăng nếu bạn ra đi! Tissa bạn ơi, hãy ở lại! Chúng tôi cần bạn như trái tim, như con mắt, như núm ruột không thể cắt lìa!

Thanh niên Tissa đứng vô cảm trước những lời xun xoe của bằng hữu. Đợi họ nói xong, chàng mới mở lời:

- Các bạn hãy về đi, đủ rồi!

- Thế là bạn ở lại chứ? Không có đi theo lũ trọc đầu ăn xin đó chứ?

Như một con cọp quay lưng vờn mồi, Tissa chiếu tia mắt rực lửa, quát như sấm nổ:

- Hãy liệu cái miệng của các bạn! Lời phỉ báng kia sẽ bừa cái đầu của bạn ra làm bảy mảnh! Đức Thế Tôn và Chư Tăng - đây là những người đã cứu sự sa đọa cho thế gian này. Từ rày, - Tissa nói nhỏ lại - ở cái thành phố này, ta không có ai là bạn nữa!

Nhát dao đã buông xuống, chém phăng, đứt lia. Tissa quay lưng đứng nhìn ra cửa sổ. Bàn bè lấm lét kéo nhau đi hết.

Ngày thứ nhất qua đi, chàng không uống, không ăn, đứng sững như cây cột đá trời trồng.

Người mẹ bước tới, hai hàng nước mắt đầm dề:

- Tissa con ơi! Con nỡ nào hành hạ mẹ cha như thế? Con đứng, và hai chân con lún sâu vào trái tim của mẹ! Hãy ăn, hãy uống đi con! Rồi con hãy mặc vào những bộ y phục của con nhà trời, trang sức các thứ châu báu của chúa loài rồng. Và thế là tự ý con, leo lên những cỗ xe hai ngựa trắng của thiên thần, với những đẫy tiền vàng, tha hồ mà tiệc tùng, ca hát, vui chơi, xung quanh cả bày tiên nữ, hưởng các lạc thú trần gian...

Người mẹ kể lễ xong, lấy ra một cái rương vàng đựng y phục quý giá, và một hộp bạc đựng đồ trang sức, cố ý khua lanh canh. Nhưng Tissa vẫn không quay lại, chàng chẳng hề động tâm.

Qua ngày thứ ba, Tissa có uống chút nước nhưng chàng vẫn không ăn. Người cha lại đến bên, nỉ non:

- Con ơi! Gia đình ta có tám ức triệu đồng tiền vàng. Với gia tài này, sau này, con bỏ ra một ít để mua chức Tiểu vương. Như vậy là uy quyền danh vọng của con chẳng khác gì một vị Thiên tử, mà giàu sang thì thế gian này chẳng ai dám sánh. Con có thể lập một bà chánh phi, dĩ nhiên là phải lựa chọn một người nữ mà tài sắc và đức hạnh thật vẹn toàn. Ngoài ra, con có thể lấy một ngàn tỷ thiếp hay lập ba cung, sáu viện tùy theo sở thích. Nếu con muốn sử dụng ngay số tiền này thì bắt đầu từ bây giờ, cha sẽ làm giấy kế thừa cho con, có triện son của Đức Vua vào buổi chiều.

Thanh niên Tissa tiếng nói đã lạc hẳn đi:

- Hãy cho con xuất gia.

- Hãy ăn một chút gì cho lại sức. Máu huyết ở nơi con sẽ khô, dung sắc thù thắng chói sáng như vàng như bạc của con sẽ tàn phai mất thôi!

Người cha thở dài. Ông không còn một hy vọng nào nữa. Ông xót xa nhìn hai chân run run của con:

- Con đứng hoài như vậy sao?

- Không đứng nổi nữa, con sẽ ngồi.

- Con không ngủ sao?

- Khi con ngồi, con sẽ ngủ chút ít.

- Thế còn ăn?

Thanh niên Tissa ngược đầu lên, giọng đã hơi yếu:

- Thưa cha, nếu chưa được phép xuất gia, con sẽ không ăn, không ăn mãi mãi.

Đến ngày thứ bảy, Tissa rơi xuống như thân chuối đổ. Chàng giờ như cái xác khô, tuy thế vẫn gượng dậy, ngồi thế bán già, tĩnh lặng.

Cha mẹ Tissa đã thất bại trước ý chí của con. Nó sống còn hơn không, bèn cho xuất gia.

--*--

Thanh niên Tissa sau khi được bậc đạo sư cho xuất gia ở rừng Trúc, chàng đi đến Xá Vệ, đánh lễ các vị trưởng lão ở Kỳ Viên, rồi ôm bát ra đi, nguyện thọ đầu đà bậc thượng, gồm 13 pháp:

- Chỉ dùng ba y.

- Mặc y do vải lượm.

- Chỉ đi khát thực mà dùng.

- Khát thực theo thứ tự từng nhà.

- Chỉ dùng vật thực trong một chỗ ngồi.

- Chỉ dùng trong một bát.

- Không thọ thêm vật thực nào nữa.

- Ngủ trong rừng.

- Gân cột cây.

- Ngủ nơi chỗ trống.

- Nơi nghĩa địa.

- Chỗ Tăng chỉ định.

- Ngăn oai nghi nằm.

Thế rồi, tỳ khuru Tissa tu hành tinh tấn, giới hạnh trang nghiêm. Chỉ một thời gian sau, mặc dầu hạ lạp còn nhỏ, chúng tỳ khuru kính trọng chàng, gọi chàng là trưởng lão Cullapindapàtika. Kinh nói rằng: "Ngài chói sáng trong giáo pháp của Đức Thế Tôn như mặt trăng giữa bầu trời."

Trong khi ấy, tại Vương Xá thành, gia đình người triệu phú sống trong không khí sàu muộn. Người mẹ với nước mắt không khô. Người cha bước vô, bước ra thở vắn, than dài.

Cứ mỗi ngày lễ hội đến, người mẹ lại lấy ra rương vàng, hộp bạc; lấy ra y phục và đồ trang sức của Tissa thuở trước, đấm ngực, than thở ỉ ôi:

- Con ôi là con ôi! Những rương vàng tráp bạc của con còn đây. Đây là y phục của con nhà trời. Đây là châu báu trang sức của chúa loài rồng. Cứ mỗi lần lễ hội, con ngồi trên chiếc xe hai ngựa trắng thiên thần. Và thế là mặt trời của thành Vương Xá xuất hiện. Nay con ở đâu? Ông sa môn Cồ Đàm ấy mang con đi đâu? Hiện giờ con đang đứng ở chỗ nào? Đang ngồi ở chỗ nào?

Vật thực hàng ngày có đủ no bụng? Và khi trời mưa, trời lạnh, trời nóng, trời gió, trời bão, con có cái mái trên đầu để che? Cái thân của con có đủ kín bởi một manh vải?

Chợt nhiên trước mắt người đàn bà rực sáng: một người con gái dung sắc mỹ lệ đứng mỉm cười bên ngưỡng cửa.

- Thừa mẹ, cô gái tự nhiên nói, mẹ đừng than khóc sầu muộn nữa. Con gái của mẹ sẽ mang Tissa về cho mẹ.

Người đàn bà lau vội nước mắt, biểu lộ sự ngạc nhiên:

- Cô là ai? Xin lỗi, tôi chưa được hân hạnh làm mẹ một cô gái tuyệt vời khả ái như thế. Cô là ai?

Cô gái lạ mặt lấy một chiếc khăn trắng tinh từ cái xách thêu chỉ vàng, có tằm bột hương, dịu dàng lau nước mắt cho người đàn bà sầu khổ:

- Thừa mẹ, con cũng dễ gì mà được làm con của một người có tình thương vô bờ bến như mẹ. Giá có chết bảy đời để được làm con của mẹ trong ít ngày, sống trong tình thương của mẹ, như mẹ đối với Tissa, thì con sẽ mãn nguyện vô cùng.

- Tissa, Tissa! Người mẹ lấp bắp - Cô biết Tissa ư?

- Thừa mẹ - giọng cô gái thân thiết êm dịu - Tissa, đây là một thiên thần của trái đất. Ở Vương Xá thành này, ai không thấy Tissa là kẻ đó không có mắt; ai không nghe chuyện Tissa là kẻ đó không có tai; ai không thương mến Tissa là kẻ đó không có trái tim!

Người mẹ hỏi lòng, hỏi dạ, xiết chặt tay người con gái:

- Nay thì nó không còn nữa, con à! Người mẹ thì thào - Nó đi và đi biệt. Nó đi xin ăn từng hạt cơm thừa như thân con quạ! Nó kiếm từng vá canh thừa như nước ốc chua! Nó đi lượm những mảnh vải bó tử thi để mặc! Nó ngồi ở chỗ không có mái che. Còn nói gì đến y phục, thuốc thang, chăn đơn, chăn kép? Còn nói gì đến các món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm? Ôi! Con ôi! Giờ con ở đâu?

Cô gái dịu bà mẹ đến chỗ ngồi, quạt mát và xoa lưng rồi cất giọng dịu dàng:

- Mẹ ơi! Chắc mẹ muốn Tissa trở về nhà lắm phải không?

- Cô hỏi gì lạ đời? Ai mà không muốn? Người mẹ chợt hạ thấp giọng - Nhưng mà cô ơi, cô không biết đâu! Nó cứng lắm. Cái thanh sắc nguội cũng không cứng hơn cái đầu của nó. Cái lòng của nó lại như ngọn núi đá, gió bão gì cũng không lung lay được. Nó xuất gia thôi. Nó không trở về đâu!

- Không cứng như mẹ tưởng. Người con gái mỉm cười - Nếu con đem được Tissa về cho mẹ thì mẹ thưởng cho con cái gì nào?

- Gì cũng được hết. Có Tissa là có tất cả. Mất Tissa là mất tất cả.

- Thưa mẹ, nếu vậy thì mẹ hãy hứa cho con một lời. Mẹ hãy cho con chủ quyền hoàn toàn trong gia đình này, con sẽ mang Tissa về đây cho mẹ, như mang một con cừu!

Người đàn bà tưởng tai mình nghe lầm, sững sốt hỏi:

- Cô nói là "chủ quyền hoàn toàn", thế là thế nào? Cái tiền phí tổn cho cô làm công việc đó là toàn bộ gia sản tám ức triệu đồng tiền vàng hay sao?

Cô gái vẫn giữ nụ cười trên môi:

- Không phải vậy đâu mẹ ơi! Gia tài vẫn là của mẹ, vẫn là của Tissa chứ!

Người mẹ bây giờ mới hiểu ra:

- Ô! Này con yêu quý! Này con dâu của mẹ! Thật xứng đáng cho Tissa có được người vợ tài sắc vẹn toàn như con.

Cô gái vốn là một kỹ nữ quý phái nổi danh tại thành Vương Xá, nổi danh trong giới quý tộc, trước đây đã nghe danh Tissa, đã thấy Tissa và đã thầm yêu trộm nhớ chàng trai phong nhã ấy. Nay có cơ hội mà mọi phí tổn đều do gia đình Tissa cung cấp, nên nàng quyết ra tay chinh phục.

Sau khi hỏi bà mẹ về những thói quen, sở thích, nhất là những món ăn mà trước đây Tissa thường hay dùng, nàng mang theo một số tiền lớn của bà mẹ đưa, ngồi trong một chiếc xe có rèm che sang trọng, cùng với đám tùy tùng đi về Xá Vệ, là nơi mà chàng Tissa đang hành đạo.

Cho người theo dõi, biết được giờ đi, giờ về của Tissa, cô gái mua một ngôi nhà tươm tất trên con đường ấy, giá cả thỏa thuận rất nhanh, rồi mau chóng tổ chức nếp sinh hoạt với mọi người vào ra như dân bản xứ.

Cuộc chinh phục bắt đầu.

--*--

Trên con đường khát thực sáng nay trở về, trưởng lão Ullapindapàtika cảm nghe có chuyện lạ. Một cái gì khác thường xảy ra ở đây. Nơi cái cổng quen thuộc, từ lâu đóng cửa im im, mọi khi chẳng có ai ra cho một cái gì, thì nay để một món ăn, một tiếng thổ thề dịu ngọt bên tai lẫn một mùi hương quyến rũ. Tissa thoáng lay động, nhưng trấn tĩnh được ngay. Về đến nghĩa địa, dưới cội cây, khi ngồi xuống để độ thực, chàng bắt gặp một món ăn yêu thích thuở còn tại gia. Đây là món ăn chỉ có mẹ chàng mới làm nổi, vì nó đòi hỏi tiền bạc, công phu, thời gian, sự khéo léo,... và nhất là một tấm lòng.

Suốt mấy năm đầu đà khổ hạnh, cái thân thể cường tráng, đẹp đẽ, chói sáng như cái tháp bạc của chàng giờ đã gầy khô, xương xẩu như que củi. Chàng đã quên đi quá lâu các sở thích, các ham muốn vị dục. Cái khẩu vị của chàng cũng quên đi quá lâu những thức này ngon, thức này béo, thức kia bùi. Bình thường, chàng nuốt nó đi ố cũng không phải nuốt nữa ố chàng đổ vào cho nó trôi qua cổ. Vừa đổ vừa quán tưởng: ăn là để duy trì mạng sống mà hành đạo, chẳng phải làm cho đẹp cái thân, chẳng phải để phô phang sức lực, chẳng phải để nô lệ cái xác,... Và cái xóm mà chàng đi khát thực hàng

ngày là xóm lao động nghèo nàn. Vật thực của họ thì may ra cũng chỉ để no bụng, nên phù hợp với sự tu hành lập nguyện của chàng. Nhưng sáng nay có sự đổi khác.

Nơi cái món ăn của căn nhà kia, mới nuốt một miếng đầu tiên, không kịp quán tưởng, Tissa cảm nghe như nó đánh thức cả châu thân. Những máu huyết, những tế bào, những lỗ chân lông,... như đứng bật cả dậy. Tất cả thân thể như được tỉnh thức sau một cơn ngủ dài. Tissa hốt hoảng ngồi ngay ngắn lại, điều thân, quán tưởng. Nhưng rồi... miếng thứ hai, miếng thứ ba,... cho đến luôn cả gói vật thực - không nhiều lắm - thì chàng không còn kiểm soát được tâm ý, không còn quán tưởng gì được nữa. Chàng không nuốt, không đồ mà nó tự trôi, cũng không phải tự trôi mà bị bên trong nó lôi vào, nó kéo vào!

Tissa phải kiên trì chiến đấu. Cho đến lúc chiều mát, chàng mới đi vào được con yên lặng của thiền định.

Ngày thứ hai, với ý chí đang còn mới mẻ, chàng có ý định từ bỏ căn nhà ấy, nhưng chàng nghĩ lại, không phải lúc nào cũng có món thượng vị. Đâu đó chỉ là sự tình cờ thôi. Nhưng dường như nó chẳng tình cờ chút nào, chàng lại bắt gặp mùi hương cũ, một món ăn thượng vị khác nữa. Đặc biệt hôm nay, dầu chàng cố bịt tai, vẫn nghe được giọng nói ngọt ngào, cố nhắm mắt cũng thoáng thấy cổ tay, ngón tay nuốt nà ngọc chuốt của người con gái.

Thế rồi, cuộc chiến đấu thâm lặng diễn ra suốt buổi chiều, hôm nay cường liệt hơn một tí, gần tối chàng mới đi vào thiền định.

Có thể từ bỏ ngôi nhà không? Chàng lại nghĩ, pháp và luật của bậc Thánh có cho phép ta, khi thọ đầu đà bậc thượng, lại khởi tâm phân biệt, đứng nhà này và không đứng nhà kia trên cùng một con đường? Và rồi, bữa thứ ba, một món ăn khác nữa, cũng là món mà chàng yêu thích thuở nào, được nấu một cách thiện xảo, lẫn cái mùi hương mà chàng không còn quên được nữa.

Thời gian sau, chẳng lâu lắm, người ta thấy trưởng lão Cullapindapàtika có da, có thịt hơn, nhưng dáng đi không còn thanh thản, thông dong nữa. Chàng vẫn giữ hạnh đầu đà, cũng lần lượt từng nhà một xin ăn trên con đường cũ ấy. Tuy nhiên, đôi khi chàng lại được nữ thí chủ ôm bát thỉnh vào nhà. Có vật thực xong, chàng vội ra ngay. Thỉnh thoảng, có lẽ vì "thuyết pháp" hay nói vài lời "phúc chúc", chàng ở lại lâu hơn một tí.

Hôm kia, biết cá đã cắn câu, biết sợi dây vô hình đã ràng buộc được cánh chim bằng, người kỹ nữ giả vờ bệnh và nằm ở trong phòng. Khi Tissa đến, một người hầu ra thỉnh bát.

- Nữ thí chủ hôm nay vắng nhà?

- Bạch trưởng lão, không phải vậy đâu! Người hầu chấp tay thưa - nữ chủ của con ngọc thể bất an, đang nằm mê man trên giường bệnh.

Tissa ngần ngại.

- Ôi! Nữ chủ của con trông mong trưởng lão xiết bao! Chỉ cái bóng của trưởng lão cũng đủ làm mát mẻ, êm dịu trước cơn bệnh ngặt nghèo!

Vào nhà, chẳng thấy ai, người hầu chỉ vào chiếc màn the ủ hương.

- Nữ chủ của con đâu biết là thất lễ nhưng chẳng thể nào ra đánh lễ, cúng dường. Xin trưởng lão hãy ngồi đây - chỗ mà nữ chủ con đã soạn sẵn - để cất tiếng hỏi! Ôi! Chỉ một tiếng nói của trưởng lão cũng công hiệu hơn, mau lành bệnh hơn cả ngàn thang thuốc quý.

Tissa tự nghĩ: "Chỉ một hạt cơm, một muống cháo cũng là ân, là nghĩa với chúng sanh. Lẽ nào ta vô tình mà không hỏi han bệnh tình".

- Chẳng hay nữ thí chủ có kham nhẫn nổi cơn bệnh? Nó có triệu chứng giảm hay triệu chứng suy? Và bản tạng có thể làm gì cho nữ thí chủ qua cơn thống khổ?

Có tiếng người rất yếu vọng lại.

Người hầu nói:

- Trưởng lão hãy cùng con vào thăm nữ chủ con một tí. Giọng nói của nữ chủ con giờ rất yếu. Hay là đang hấp hối rồi đây?!

Nói xong, y như hốt hoảng nắm tay trưởng lão kéo vào chiếc màn the ủ hương. "Đây có một người hầu nam. Đây là một việc làm phải lẽ. Không thể không vào thăm một người sắp chết đang cần đến mình." Trưởng lão Tissa suy nghĩ như thế.

Căn phòng tối mờ mờ. Lát sau, Tissa mới nom rõ một người đang nằm trên giường bệnh. Cả đầu, cả chân được phủ kín mít bằng một chiếc chăn. Người nằm không động tịnh.

- Bản tạng vào thăm nữ thí chủ đây.

Tissa cất giọng nhỏ. Trên giường, chiếc chăn lay động và người kỹ nữ với một động tác cố gắng ngồi dậy. Với một cử động mạnh làm như quá đà, không gượng nổi, người kỹ nữ run run xiêu té về phía trưởng lão. Tissa hốt hoảng, không còn thấy người hầu đâu, vội đưa tay đỡ người đàn bà. Khi ấy, chiếc chăn mới chịu rơi xuống. Tissa chết sững như trời trồng, chưa kịp trấn tĩnh, đã bị chiếc chăn quấn lại... rồi chết lịm đi trong mùi hương, trong vòng tay mềm mại của người kỹ nữ!

--*--

Vĩnh viễn không còn hình bóng của trưởng lão Tissa ôm bát trở về Kỳ Viên nữa.

Chỉ vài hôm sau, người ta thấy ở căn nhà kia xuất hiện một cỗ xe hai ngựa trắng, các cửa có rèm che sang trọng. Trong xe, một thanh niên y phục như con trời, trang điểm châu báu của chúa loài rồng, ngồi cạnh một cô con gái đẹp như chúa loài tiên, với đám tùy tùng lớn, nhàn nhã đi về thành Vương Xá...

---o0o---

TÒA BẢO THÁP

Thuở xưa, tại Vương Xá thành có người Bà-la-môn giàu có, tài sản một trăm kho, tôi trai, tứ gái đầy như buổi chợ đông.

Khi tuổi đã lớn, có vài sợi tóc bạc, người Bà-la-môn buổi sáng cùng nhóm tùy tùng với ngựa xe đi ra cửa thành đông, buổi tối lại về. Những ngày sau nữa, người Bà-la-môn và nhóm tùy tùng đi ra cửa thành bắc, thành tây,... rồi trở về.

Con trai người Bà-la-môn là một thanh niên có trí tuệ, thấy cha đi và về với sắc diện không thư thái, đầy nét u ám buồn phiền, bèn hỏi:

- Thừa cha, nếu có việc gì phải đi đâu, cha có thể sai bảo con. Nay cha tuổi đã lớn, nên dành thì giờ để an tịnh, nghỉ ngơi.

- Nay con thương! người Bà-la-môn nói - Chính ta đang đi tìm chỗ an tịnh, nghỉ ngơi, nơi không có ứ nhiễm.

Người con trai ngạc nhiên, tự nghĩ: "Nay cha ta lại nói lên lời sáng như mảnh trăng rằm! Tại sao? Từ lâu, cha ta sống đời tích lũy không hề biết đủ, không hề dừng lại. Cha ta thu góp tài vật bằng tất cả khả năng của trí óc, bằng tất cả mọi cơ hội có thể được. Thế nhưng, hai bàn tay cha ta không có kẽ hở. Không có một trinh, một hào nào rớt ra cho các vị sa môn, đạo sĩ, kẻ làm công, người đói khổ. Bón xén, keo kiệt đã trở thành bản chất của cha ta. Với thiện pháp, cha ta quay lưng không thềm ngoảnh lại. Thật là hy hữu, hôm nay, cha ta lại nói đến chỗ an tịnh, nghỉ ngơi, nơi không ứ nhiễm!"

- Lành thay, thừa cha! Người con hân hoan nói - Vậy thì cha đang đi tìm chốn tịnh thổ để an cư? Chỗ không ứ nhiễm để nương náu đời đời?

Người Bà-la-môn gật gù:

- Phải vậy, phải tìm cho bằng được! Con ơi, con có thấy chẳng? Tài sản một trăm kho, ngựa xe, tôi trai, tứ gái đầy như buổi chợ đông, nhưng rồi cuối cùng chúng cũng từ bỏ ta mà đi, ta chẳng thể nào nương nhờ vĩnh viễn nơi chúng được!

- Lành thay, thừa cha! Đó là lời nói của kẻ trí!

Người Bà-la-môn hài lòng, tiếp tục câu chuyện:

- Và rồi, khi quả tim mệt mỏi hết làm việc, máu không còn chảy nữa, sứ giả của tử thần sẽ đi đến bằng hai bánh xe có răng cưa, với lưỡi hái sắc nhọn, thì con ơi, bấy giờ ta còn biết chạy trốn vào đâu?

- Lành thay! Người con hoan hỷ - Đây là lời dạy của các bậc Sa-môn. Các pháp vô thường, các pháp vô ngã. Nó thay đổi, biến hoại trong từng khoảnh khắc. Sợi tóc nó xanh. Sợi tóc nó bạc. Hôm nay còn trẻ, mai sẽ già,

kia sẽ chết. Chẳng ai chạy trốn được tử thần. Vậy hãy xây hòn đảo cho chính mình.

Người Bà-la-môn thốt lên khoan khoái:

- Ô! Phải thế chứ! "Hòn đảo của chính mình". Con ví von hay lắm! Vậy thì con ơi! Tài sản này ta sẽ làm phương tiện để lát lối đi, để xây những bức tường bằng đá kiên cố. Rồi ở đó, ta sẽ kiến tạo một hòn đảo, - đúng hơn, là một tòa bảo tháp, đời đời thanh tịnh, không uesthiêm, phải không con?

- Lành thay! Người con trai lại tán dương -Đúng là một tòa bảo tháp, thừa cha đáng kính tr?ng.

Người con nghĩ: "Ánh sáng từ đâu mà đến được nơi cha ta, nếu không là một vị sa môn?"

--*--

Hôm kia, với đoàn tùy tùng, người Bà-la-môn trở về, mặt mày hớn hở:

- Này con, cha đã tìm ra!

- Ở đâu, thưa cha?

- Ô, chỗ ấy, núi Linh Thứu, nơi thanh tịnh, không uesthiêm!

Một phi lạc phát sanh trong tâm người con trai: "Đúng rồi! Nghe nói Đức Phật Cồ Đàm và Tăng Chúng thường thiền định độc cư ở đấy. May mắn thay, cha ta đã gặp họ!"

- Bây giờ, người Bà-la-môn nói - trước khi từ bỏ tất cả, ta sẽ dẫn con đến nơi cho thấy tận mắt. Cha và con còn rất nhiều việc phải làm.

Thế rồi, cha con người Bà-la-môn và tùy tùng lại ra đi. Đến chân núi Linh Thứu, tại chỗ xe không còn đi được, họ theo lối mòn lên đỉnh núi cao.

Đây quả là một cảnh giới thần tiên u tịch, xa cách sự huyên náo của thế gian. Đâu đó bên bờ suối là một cốc tranh, một tỷ kheo. Đâu đó trên tảng đá chênh vênh in bóng một sa môn đang thiền tọa. Đâu đó từ lùm cây xanh, một chiếc y vàng hiện ra, dáng dấp an nhiên, trầm mặc.

Tuy nhiên, đoàn người đi qua, vượt qua.

Người con nghĩ: "Cha ta cứ đi qua, cứ vượt qua, không dừng lại nơi vị tỷ kheo, sa môn nào? Hẳn là cha ta biết rõ việc mình làm. Đức Thế Tôn hiện ở trên ấy chẳng?"

Đến chóp núi Linh Thứu, người Bà-la-môn lả đi vì kiệt sức. Tuy thế, ông ta lấy lại sức rất nhanh vì không khí mát lành.

- Con thấy sao? Đây có phải là chỗ đời đời an cư lý tưởng?

- Dạ, nhất định rồi.

- Bảo tháp ấy ta sẽ thành tựu ở đây.

- Không còn nơi nào hơn nữa.

Người Bà-la-môn đưa mắt nhìn mặt trời, hướng đông, hướng tây,... rồi nói:

- Trước khi thành tựu bảo tháp, hẳn là phải có lối đi, phải không con? Có lối đi rồi, ở đây phải luôn luôn được gìn giữ, phòng hộ bằng tòa thành kiên cố, phải không con?

- Chắc chắn phải có như vậy! Người con gật đầu mạnh mẽ.

Người Bà-la-môn kiểm một tảng đá bằng, ngồi xuống, vỗ vai con trai rồi chậm rãi nói rằng:

- Nay, người con chí hiếu! Vậy thì bắt đầu từ ngày mai, tài sản một trăm kho ta sẽ xuất cho con lần lượt sử dụng. Con sẽ đi khắp thành Vương Xá, kêu một ngàn thợ giỏi, gồm thợ chính và thợ phụ. Với đá, với cát, với sạn, với vôi, với mật,... tự tay con mua, sai gia nhân chở về rồi mang lên đây. Con sẽ đứng ra, vừa làm vừa chỉ huy, sách tấn họ. Có thể đánh bằng roi gậy hoặc đánh bằng tay chân, miệng lưỡi với giá cao. Phải hoàn thành bảo tháp này. Ở đó phải có những cột, những tường, những mái, những lan can, cửa tròn và cửa vuông. Phần bên trong phải có chạm trổ, hoa văn, khám và dát bầy báu.

Sau khi ta chết đi, con ướp xác ta với nước hoa, với hương, với trầm, với trà. Con đốt xác ta bằng gỗ chiên đàn, và như vậy, xương cốt sẽ thơm tho, rồi bỏ vào trong một chiếc rương bạc, tôn trí ta ở đây như cung điện của đấng Chuyển Luân Thánh Vương. Như vậy, ta sẽ an trú đời đời thanh tịnh, không uế nhiễm!

Người con trai há hốc mồm, sững như bị hóa đá, như thân cây chết đứng!

Đức Thế Tôn từ thiên định độc cư đứng dậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy rõ cha con người Bà-la-môn có căn duyên chứng quả Dự Lưu, như một vầng mây sáng, ngài hiện ra giữa hư không trên đỉnh Linh Thứu.

- Hy hữu thay là tòa bảo tháp! Nay người Bà-la-môn! Như Lai cũng có một tòa bảo tháp thanh tịnh đời đời, không uế nhiễm. Hãy nghe, Như Lai sẽ nói.

- Hay lắm! Người Bà-la-môn ngẩng đầu lên - Chắc đây là ông Cồ Đàm mà ta đã nghe danh từ lâu! Chỉ có kẻ trí mới gặp được nhau thôi. Hãy nói đi, ông Cồ Đàm đáng kính trọng!

Đức Phật không hề chấp trước lời nói thiếu cẩn trọng, kiêu ngạo và đầy si mê của người Bà-la-môn. Với lòng bi mẫn, từ từ, Đức Thế Tôn dùng trí sanh tử, cho người Bà-la-môn thấy rõ các kiếp sống của ông ta. Tại đây, tại Vương Xá thành này, mười bốn ngàn đời ông có tên là Upasāhaka. Cũng tại đây, tại đỉnh Linh Thứu này, ông đã thiêu xác mười bốn ngàn lần. Như vậy, tại địa cầu này, chẳng có nơi nào là vô uế, thanh tịnh cả. Nơi nào cũng tràn

đầy đầu lâu, xương thịt, máu, nước mắt,... Rồi Đức Phật thuyết pháp khai mở cho ông ta, tóm tắt bằng bài kệ:

" Chỗ nào có chân lý
Chánh pháp và bất hại
Có tiết chế, điều ngự
Nơi ấy là tịnh cư
Chỗ vô cầu, vô uế
Nơi ấy bậc thánh sống."

Đức Thế Tôn lại còn dùng thêm pháp thoại, dùng trí biện tài nói rõ con đường ấy, lối đi ấy là bố thí; thành trì để giữ gìn, phòng hộ ấy là trì giới, và chỗ an cư chính là thiên lạc. Nhưng chính chỗ an cư đời đời bất hoại, thanh tịnh, vô cầu, vô nhiễm mới đáng cho ta xây một tòa bảo tháp tối thắng vượt ra ngoài sự chi phối của các định luật hữu vi: quả A-la-hán vô sanh bất diệt.

Như thế, Đức Thế Tôn đã an trí cho hai cha con người Bà-la-môn nơi tòa Dự Lưu bảo tháp, biến mất ở Linh Thứu rồi về Trúc Lâm tịnh xá.

---o0o---

KHỔ HẠNH LIM DIM MẮT

Có một con giả can vì nạn lửa rừng nên đầu và thân thể bị cháy trụi, nó sống lang thang vất vưởng, xanh xao vì đói rét.

Hôm kia, nó thấy một đàn chuột lớn, buổi sáng đi ra từ hang động, buổi chiều từ cánh rừng trở về. Giả can nghĩ: "Những bậc ả sĩ ở Tuyết Sơn, họ cắt tóc hoặc bện tóc, mặc áo bằng vỏ cây hoặc da thú. Họ lim dim mắt, chống gậy tới lui với căn thanh tịnh. Xung quanh đầy không bao xa, các loài thú hiền lành chạy nhảy leo trèo, chơi các trò chơi với vợ và con của chúng mà không sợ hãi. Ta sẽ làm một bậc ả sĩ khổ hạnh sư, chống gậy, lim dim mắt để ăn cả đàn chuột này."

Nghĩ thế xong, giả can kiếm vỏ cây làm y, bẻ trúc làm gậy. Nó đến không xa hang chuột bao nhiêu, leo lên tảng đá, đứng một chân, quay mặt về hướng đông, há miệng ra và lim dim mắt.

Chỉ một hôm thôi là đàn chuột đã biết đến sự có mặt của "bậc ả sĩ". Chuột chúa nghĩ đây là người tu hành có giới hạnh, bèn tìm đến và kính trọng hỏi:

- Thưa tôn giả, tôn giả tên là gì?

Giả can lim dim mắt, mỉm cười hiền lành:

- Người ta thường gọi tôi là "Ả Sĩ Khổ Hạnh Sư", nhưng tên thật của tôi là "Đại Trí"!

Chuột chúa thấy tâm mình mát mẻ vì gặp được vị chân tu, bèn hỏi tiếp:

- Sao tôn giả không đứng bốn chân mà lại đứng một chân, không mỗi sao?

Giả can than dài:

- Ôi! Với giới đức và trí đức của tôi mà đứng cả bốn chân thì quả địa cầu ác ứ, bất tịnh này làm sao mà chở nổi? Vì thương xót quả đất, thương xót chúng sanh mà bản đạo phải hy sinh chịu mỗi một chút vậy.

Chuột chúa khởi tâm tịnh tín, lại hỏi:

- Tại sao tôn giả lại đứng há miệng?

Giả can mở giọng từ bi:

- Ôi, tội nghiệp thay chúng sanh! Nó ở đầy trong hoa quả, nó ở đầy trong nước suối, nước khe, nó ở đầy trong thịt sống và chín. Vì sanh mạng của các loài hữu tình nên bản đạo phải nuốt gió mà sống vậy, chẳng cần ăn uống cái gì khác.

Chuột chúa quỳ xuống đánh lễ giả can, thốt lên:

- Lành thay, bậc đại từ bi, lành thay!

Giả can xua tay:

- Đừng, đừng nên gọi thế. Dầu bản đạo xứng đáng được danh xưng là bậc đại từ bi, nhưng cũng đừng nên tán thán quá lắm! Sự tán thán dễ sanh kiêu mạn. Kiêu mạn làm ô ứ tâm, là pháp chướng ngại cần phải xa lánh. Ngươi không phải là bậc trí tuệ nên ngươi không thấy, không biết, ta cũng hỷ xả cho.

Chuột chúa hoan hỷ quá sức lại hỏi:

- Tại sao tôn giả lại lim dim mắt?

Giả can cất giọng nã ruột:

- Than ôi! Thế giới ngũ trần đầy những tanh hôi hạ liệt. Thế nhưng đồng phân thối kia vẫn là vật thực ngon lành cho lũ đòi bọ. Ta hổ thẹn với chính mình, hổ thẹn với hạnh khước từ, há nào lại dám giải đãi không lim dim mắt để thu thúc lục căn cho thanh tịnh? Ngươi cũng nên biết thế để hạnh phúc lâu dài cho ngươi về sau!

Chuột chúa lại quỳ xuống đánh lễ năm vóc sát đất, thành kính ngược lên hỏi tiếp:

- Còn tại sao tôn giả lại quay mặt về hướng đông?

- Hướng đông là hướng của mặt trời, của ánh sáng. Thế giới vô minh, tối tăm, mù lòa phải cần có ánh sáng trí tuệ, ánh sáng chân lý, ánh sáng từ bi và tình thương soi đường, chỉ nẻo. Bởi vậy, bản đạo đánh lễ ánh sáng, đánh lễ mặt trời. Ngươi tới đây hỏi đạo nơi bản đạo, cũng đã không đánh lễ ánh sáng, đánh lễ mặt trời rồi đó sao?

Với cách trả lời như thế, giả can làm cho chuột chúa thỏa lòng, vừa dạ.

Từ đây về sau, buổi sáng và buổi chiều, chuột chúa đều dẫn đàn chuột đến hầu "vị ả sĩ giả can", nghe pháp, đánh lễ dưới chân rồi ra đi.

Giả can, trong khi ấy, nhanh như cắt, chụp con chuột đi sau cùng, không cho một tiếng kêu nào được thoát ra, xé từng tấm thịt rồi nhai nuốt ngon lành. Sau đó, nó chùi máu và lông đầy miệng, nằm ngủ một giấc no nê, tính toán đúng giờ, bật dậy, đứng lại một chân, há miệng ra, lim dim mắt, quay mặt về hướng đông.

Thời gian trôi qua, đàn chuột ít dần, chúng bàn tán với nhau:

- Lúc trước, cái hang như động trời này không đủ chứa chúng ta. Chúng ta đứng không có kẽ hở. Nay nó lỏng lẻo. Như vậy, cái hang không đầy. Tại sao lại thế?

Đàn chuột cử một con lên cái hang phía trên cao, trình bày lại sự việc với chúa của chúng.

Chuột chúa xuống tận nơi nhìn ngắm, quan sát, suy nghĩ: "Rõ ràng là đàn chuột bị kẻ thù nào đó âm thầm sát hại. Ta sẽ tìm ra lý do này vì sanh mạng của phần đông, vì sự an toàn của đồng loại. Nhưng buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, trên đường đi, tại chỗ ăn và uống không gặp bất cứ một kẻ thù nào. Ta chỉ gặp một kẻ, nói chuyện lâu với một kẻ, đó là tôn giả giả can. Vậy có lẽ nào thủ phạm lại chính là bậc ẩn sĩ khổ hạnh đó?"

Khi nghi ngờ khởi lên, chuột chúa hỏi tướng lại: "tôn giả giả can thường ví mình là bậc đại trí, nhưng ngày này qua ngày khác, tôn giả ấy chỉ lim dim mắt, nói về hạnh tu một chân, quả địa cầu không chở nổi, đánh lễ mặt trời và nuốt gió! Tôn giả ấy không có pháp nào khác. Lại nữa, thuở tôn giả ấy mới tới đây, thân thể cháy nám, lở loét, ốm yếu, xanh xao. Có lý nào nhờ nuốt gió không ăn uống gì mà bây giờ thân thể mập mạp, nung núc những thịt và mỡ? Như vậy, đích thị là do lợi dưỡng tối thượng, do máu thịt của đồng loại ta rồi! Dầu thế, hãy khoan quyết đoán vội, vì nghi oan cho bậc tu hành chân chánh, lừa ở địa ngục sẽ thiêu đốt ta. Vậy ta hãy thử xem."

Hôm sau, khi hầu giả can về, chuột chúa để cả đàn đi trước, mình đi sau cùng.

Quả nhiên, khi vừa quay lưng, chuột chúa thoáng thấy giả can đôi mắt lim dim chợt mở ra sáng rực. Và khi ấy, chuột chúa dễ dàng lạng mình tránh khỏi cái chộp của giả can.

Chuột chúa bình tĩnh dùng định lực, kiên trú vững vàng rồi điếm mặt giả can:

- Ngươi đã lộ mặt rồi, kẻ tu hành đạo đức giả kia! Đây có phải là sở hành của kẻ lim dim mắt, tu hạnh một chân, quay mặt về hướng đông và nuốt gió?

Chuột chúa nói lên bài kệ:

"-Ai nêu cờ chánh pháp
Khổ hạnh mắt lim dim
Bí mật làm điều ác
Dụng ý để lừa gạt

Sát hại loài hữu tình
Nhân sao thì quả vậy
Thiện, ác vốn phân minh."

Nói thế xong, với hùng dũng và uy lực của một loài chúa, chuột nhảy tới cắn đứt ba chân, móc cặp mắt, khoét miệng giả can ra như một lỗ hồng, rồi khinh bỉ nói:

"- Để ngươi tu một chân
Trợn đời lim dim mắt
Miệng nuốt gió hư không
Là sở hành chuyên nghiệp".

Đàn chuột kêu "mum mum" ra vẻ giận dữ muốn xé xác ăn thịt. Chuột chúa ngăn lại rồi cùng nhau đi về trú xứ của mình.

Giả can quần quai trên đồng máu để trả quả thịt xương và giả dối.

---o0o---

CÓ KHI GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH HƠN XƯA

Upaka là một Nhà tu khổ hạnh trẻ tuổi, đẹp trai; vì ở lâu trong rừng núi nên người ta gọi chàng là ẩn sĩ Thanh Tịnh. Lại nữa, chàng có đôi mắt đen rất đẹp nên người ta cũng gọi chàng là đạo sĩ Mắt Đen.

Thuở nhỏ, chàng tự ý lìa bỏ gia đình, xin xuất gia trong giáo phái Ni Kiền Tử. Chàng ở lâu trong sơn lâm, luyện ái sơn lâm nên đạo hạnh của chàng cũng được nhiều người nghe tiếng. Nhưng thực chất, chàng không biết gì, chưa có con đường chân chánh để đi, chưa có ánh sáng để tới. Chàng đi khát thực, trở lại ngôi rừng thân yêu của mình để thiền định, nhưng tâm cứ như vượn hoang, như khỉ núi, nay rong chơi chỗ này, mai leo chuyền chỗ khác. Thỉnh thoảng muốn thay đổi không khí, chàng tạm biệt chỗ ngụ cư, vân du lang thang đây đó vài ba ngày, rồi lại trở về để "thanh tịnh khát thực, thanh tịnh thiền định." Dung mạo, cử chỉ, thái độ, hình dáng bên ngoài rõ là bậc đại ẩn sĩ nên người ta đồn đại với nhau rằng, đây là một vị A-la-hán!

Ven khu rừng có một xóm làng bé nhỏ, sung túc, giàu có, mọi người tín mộ chàng. Và đặc biệt, có gia đình trùm thợ săn kia thường trực để bắt cho, bất cứ khi nào đạo sĩ Mắt Đen ấy đi qua.

Hôm nọ, sau cuộc vân du trở về, trên đường ngược chiều, Upaka thấy một sa môn trẻ tuổi. Chàng đứng sững lại. Sa môn kia không to lớn lắm, chẳng phải gầy, chẳng phải mập, mà đầy đặn. Y áo chẳng phải cũ, chẳng phải mới nhưng thanh sáng và hài hòa. Tất cả nơi ông sa môn đều toát ra cái vừa phải, chừng mực, nhưng đẹp, uy nghi và gợi cảm một cách lạ lùng!

Upaka bước tới rồi bước lui, nhìn ngấm ngặc nhiên, mê mải. Có một thứ ánh sáng sáu màu, khi đậm, khi nhạt, khi loang rộng như hòa lẫn giữa hư không; lúc thì thu nhỏ lại, rục rờ, tỏa hắt ra, lung linh, chập chờn rồi yên lặng, phẳng lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng. Đến gần hơn tí nữa thì Upaka hoàn toàn bị nhiếp phục bởi sự trầm tĩnh, ổn định, an lạc toát ra từ đôi mắt, từ bước đi. Có một sự khôn ngoan vượt ngoài thế giới, sự minh triết sáng ngời, một trí tuệ siêu đẳng ở ẩn đâu đó; không chỉ nơi vùng trán bát ngát thông minh, mà còn có thể ở cả nơi từng sợi tóc, lông mi, từng ngón tay, móng tay và cả ngón chân nữa,... "Người này, vị sa môn trẻ tuổi đẹp trai này chắc chắn không phải là người, là ... Phạm thiên chăng?"

Nghĩ vậy nên Upaka cất tiếng chào:

- Chào bạn thân ái! Bạn đẹp quá, đẹp lạ lùng! Chàng mỉm cười sung sướng tán thưởng rồi nói tiếp - Lục căn của bạn an ổn và thanh tịnh làm sao? Ô, không phải! Nói vậy chưa đúng! Nó làm cho sự an ổn và thanh tịnh cũng bị nhiếp phục! Hào quang sáu màu từ nơi bạn làm cho một vị đại phạm thiên cũng phải ganh tỵ. Nước da của bạn chói ngời như mẹ vàng ròng. Chắc sức khỏe của bạn dồi dào lắm? Chẳng hay bạn tên chi? Bạn ở đâu? Xuất gia với ai? Đẳng đạo sư của bạn là vị nào? Bạn tin tưởng vào giáo pháp nào?

Upaka hỏi huyên thuyên, không kịp thở.

Vị sa môn trẻ tuổi ấy chính là Đức Phật, sau khi thành đạo dưới cội Bồ Đề, đang trên đường về Vườn Nai để Chuyển Pháp Luân. Gặp Upaka, một tu sĩ ngoại đạo, ngài biết là có duyên sau này, nên đợi cho y nói xong, Đức Đạo sư mới bảo:

- Nay Upaka! Đức Phật gọi đích danh chàng - Như Lai là kẻ đã vô nhiễm giữa trần cảnh, đã đoạn tận ác pháp, đã tịch tịnh, vô dục, đã bước ra khỏi mọi chấp trước ở bản thân và thế gian điên đảo kiến. Như Lai đã chiến thắng tam giới, chứng đạo quả Vô Thượng Bồ Đề thì còn ai là thầy của Như Lai? Giữa chúng chư thiên, phạm thiên, Như Lai đứng một mình, là Thầy của họ. Nay Như Lai về vườn Lộc Giả ở Ba-la-nại để quay bánh xe Pháp, gióng tiếng trống Bất Tử cho chúng sanh tỉnh giấc mộng trường.

Upaka nghĩ rằng: "Vị đạo sĩ này sao ăn nói dễ nghe, dễ thương đến vậy? Chà, cái óc và cái lỗ tai của ta nó được hỷ lạc làm sao!"

Bèn nói:

- Mong rằng sự việc sẽ như bạn nói. Bạn thật xứng đáng được gọi là bậc Chiến Thắng Bất Diệt!

- Nay Upaka! Kẻ giải thoát ra khỏi mọi trói buộc trần gian xứng đáng được gọi như vậy. Kẻ mà ma quân, phiền não không còn tìm thấy dấu vết, xứng đáng được gọi như vậy. Các Đấng Như Lai thường được danh xưng là Tối Thượng Tôn, Vô Năng Thắng, là bậc Chiến Thắng Bất Tử, Chiến Thắng Vô Tận, Vô Hạn Định!

Upaka gật đầu lia lịa:

- Thật đúng như vậy! Thật đúng như vậy! Thôi, này bạn của ta, chào bạn sức khỏe!

*

Sau khi đối thoại với Đức Đạo Sư, gật đầu lia lịa, tán thán Đức Đạo Sư rồi: "Thôi này bạn của ta, chào bạn sức khỏe", Upaka không dừng lại nơi giáo pháp này, chàng bỏ đi. Bằng đường tắt, chàng trở lại lều cỏ, nơi khu rừng Vakahara thân yêu của chàng. Lại khát thực, lại thiền định, lại như tâm viên ý mãn, lại đi về thanh tịnh, trang nghiêm, lại được người ta kính mộ, coi như là một bậc A-la-hán.

Gia đình người trùm thợ săn có cô gái đào tơ, sen ngọc. Nàng là pho tượng, là tác phẩm tuyệt mỹ của thợ trời, thợ nghiệp. Nàng có đôi mắt đen ướt và trong xanh lóng lánh. Nàng là sự đa tình của uyên ương, của chúa bò câu. Nàng có dáng đi đài các và uyển chuyển của thiên nga. Cái chân, cái tay, cái cổ, đôi má như trứng gà nỡn và mồm mĩm như cây lựu nảy mầm. Có nụ cười ướt sương và trinh bạch như nụ hoa hàm tiếu trên đầu núi. Nàng đẹp cho đến nỗi ông trùm thợ săn ít dám cho nàng đi đâu, sợ thanh niên trai tráng rớt trông mắt ra ngoài hoặc mọc đứng, mọc ngồi thành "cây si, bụi si" hết thì cũng tội. Nàng tên là Cạpà.

Hôm kia, vì cả gia đình đi vắng nên Cạpà phải ra để bát cho ông đạo sĩ Mắt Đen, chàng A-la-hán trẻ tuổi, đẹp trai. Điều linh nghiệm, chân lý của ông thợ săn đã xảy ra. Đạo sĩ Mắt Đen sững sờ, chết lặng, trái tim tự động bước ra ngoài lồng ngực mà không thềm hỏi chàng một tiếng! Đôi mắt đen của chàng đạo sĩ thu bắt tức khắc, chuyên chú tinh cần vào "đề mục thiền định hấp dẫn" này! Ôi! Cái đề mục sao mà dễ gom tâm đến thế! Mỗi khi chàng niệm hơi thở, nhìn chót mũi, quán bộ xương khô, bát đất hay khoảng chân không thì nó như con cá quăng trên cạn, như con khỉ bị trói hai tay, sao mà kỳ?

Căn nhà khép cửa đã lâu mà chàng còn "nhập đại định" ở đấy. Nhưng rớt lại cũng phải "xả thiền" chứ? Thế là chàng như người mất hồn, lững thững lê bước nặng nề về chôn "cô đơn thâm lặng" của mình. Ôm bình bát vật thực trên tay - bao giờ cũng nhiều món ăn thượng vị-, chàng ngồi xuống trên nệm cỏ; tâm thần còn choáng váng như uống tách rượu say, cái thần hồn như còn gởi ở cõi "mỹ sắc đại thiên tướng"!

Upaka không ăn uống gì. Chàng ngồi trọn bảy ngày như thế, bình bát chưa hề mở ra, kiên quyết khởi tâm nhất hướng, tối thượng tinh tấn vào đề mục "một là lấy cô con gái người thợ săn làm vợ, hai là chết khô!"

Sau bảy ngày công việc trở về, người thợ săn hỏi cô con gái rượu:

- Này con thân! Bậc A-la-hán của chúng ta vẫn đều đặn đến khát thực đấy chứ?

- Thừa cha, một lần thôi.
- Sao kỳ vậy hả? Ngài có đi hóa độ phương nào?
- Các bậc A-la-hán thường nhập đại định bảy ngày, chắc đạo sĩ Mắt Đen của chúng ta cũng vậy.

Người thợ săn đi nhanh vào rừng, đến cửa lều của Upaka, nhìn qua nệm cỏ thấy một cái xác vô hồn đang ôm bình bát trong lòng, đôi mắt lờ đờ, mê dại.

- Ôi! Người thợ săn hốt hải la to - Ngài bị bệnh gì? Hay là ma nhập? Ôi! Ma nhập rồi làng xóm ơi!

Upaka tỉnh lại, nhận ra người thợ săn, một mối xiêu ngã đứng dậy, bình bát rơi đổ tung tóe những món ăn thượng vị mốc meo. Rồi bất ngờ nhất, chàng ôm chầm người thợ săn khóc nức nở. Người thợ săn hoảng vía, gỡ ra không được, hỏi dồn dập:

- Sao vậy? Sao lạ vậy ngài? Bệnh gì đây? Ma quỷ gì lạ?

- Ông ơi! Tôi chết mất thôi! Upaka mở tiếng được tiếng mắt rồi gắng giọng nói một hơi - Con gái ông đã lấy hồn tôi, đã làm cho tôi bị bệnh. Cái bệnh này còn vạn lần đau khổ hơn cái bệnh thân xác. Ông hãy cứu tôi! Tôi không phải là bậc A-la-hán đâu. Tôi chỉ là kẻ tầm thường. Tôi đi tu là vì thấy yêu thích hình bóng của các ông đạo sĩ. Nay thì tôi yêu thương con gái ông hơn. Con gái ông đã chiến thắng tôi, là bậc "chiến thắng bất diệt"! Ông ơi! Ông hãy giải thoát cho tôi khỏi mối tương tư. Một là tôi chết khô, hai là ông cho tôi người con gái. Nàng là một thiên thần, là nữ đại phạm thiên! Nàng là người trên đầu trên cổ tôi, là thượng đế của tôi, là "đề mục thiền định" cho tôi gom tâm tu hành. Ông ơi! Hãy cứu tôi!

Nói như vậy thiệt là hết kinh, hết sách, hết chữ nghĩa, hết tín ngưỡng, hết thiêng liêng, thần thánh!

Người thợ săn bối rối, ngỡ ngàng trước việc như thế. Hồi lâu, nghĩ cũng cảm cảnh thương tình, ông ân cần, dịu dàng nói:

- Thôi được rồi, để tôi giải thoát mối đau khổ cho ngài. Thời tuổi trẻ tôi cũng đã từng biết thương yêu, nên tôi hiểu.

Nhìn bậc tu hành từ dung sắc chói sáng, thù thắng, tuyệt mỹ như phạm thiên mà phút chốc trở nên tiêu tụy, đôi mắt xanh đen biêng biếc biến thành đôi mắt xám bạc thần thờ. Người thợ săn thông cảm xiết bao. Nhưng nghĩ có điều thực tế nan giải, ông bèn hỏi:

- Mà này Ngài ạ! Khi cưới nhau rồi chẳng thể "một mái nhà tranh hai quả tim vàng" được đâu. Xưa nói khác mà người ngày nay nói khác. Bây giờ người ta bảo rằng "hạnh phúc thường ăn cơm với thịt và cá, bạn mà cho nó ăn rau, uống nước lã thì nó sẽ mang guốc, đội nón ra đi thôi"!

Ngài xuất gia từ nhỏ, ít quen được nắng mưa lam lũ, nghề chân, nghề tay trệ vai, đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Con gái tôi vì là con một nên tôi "nâng như

nâng trướng, hứng như hứng hoa". Nó quen mặc áo lụa Kàsi, quen đeo vòng hoa Patalim; tóc mây, thân thể mượt mà quen ướp hương Haricandana tối thượng; da thịt tay chân óng ánh ngọc ngà như nụ Paduma mới nở. Vậy ngài định làm gì nuôi nó?

Upaka vừa thông hai chân xuống cuộc đời, chưa đi được bước nào đã vấp phải cục đá, ruột đau, im sững.

Người thợ săn gục gặc đầu rồi cất giọng ồ ồ:

- Làng trên xóm dưới hay ở đâu đó có hát hồng ví von rằng:

"Thấy đóa hoa nở thì thương

Mang vô bình cấm sợ hương nhụy tàn

Áo cơm không đủ cho nàng

Muối dưa đĩa ngọc bẽ bàng lòng nhau!"

Đấy, đấy, ngài tính đi! Bụng làm dạ chịu. Tôi cũng thương ngài lắm mà, nhưng thực tế nó vậy, biết làm sao?

Sau một hồi suy nghĩ, Upaka nói:

- Ông đã thương tôi thì thương cho trót. Tôi xin thú thật, tôi chẳng biết một nghề gì. Nhưng những khi ông bắn rơi một con chim, bẫy được một con thú,... tôi có thể "làm nghề" lượm chúng, mang xuống chợ bán để đổi gạo, đổi thức ăn cho cả... gia đình ta?

Cầm lòng không đậu, người thợ săn tốt bụng và hay nói chữ, gạt đầu, dẫn về nhà, cho y phục rồi đem đến trình diện cô con gái rượu:

- Này con gái thân! Bắt đầu từ nay, cha nuôi bậc ả sĩ trong nhà, con chịu chứ?

Nàng Càpà đã đoán ra mọi sự, nhưng giả vờ ngớ ngẩn hỏi:

- Bậc ả sĩ sao lại "ả" trong nhà có con gái?

- Không! Đây là bậc ả sĩ đã hết "ả sĩ" rồi!

- Sao kỳ vậy?

Người thợ săn cười ha ha:

- Nghĩa là bậc ả sĩ bây giờ gọi là "ả tại gia", và ả tại gia có nghĩa là muốn nhận cha làm "nhạc gia"!

Nàng Càpà kêu lên bỏ chạy. Người thợ săn không ngớt cất tiếng cười hào sảng. Chàng Upaka đỏ bừng mặt, cúi gằm xuống mà lòng thấy hạnh phúc vô cùng.

*

Cũng là duyên, cũng là nợ, cũng là nợ, cũng là duyên. Cái quả của sự gặp gỡ thương yêu nhau cho họ một đứa con xinh xắn, bụ bẫm. Khi có một đứa con thì sắc đẹp, tính nết nàng không còn như xưa nữa. Không lâu lắm, Upaka đã sớm nhận chân rằng, hóa ra cái hạnh phúc vợ chồng mà chàng ước

ao, bên người con gái đẹp như tiên nga ấy, cũng tầm thường thôi. Nó khác với trong trí tưởng tượng của chàng. Hơn thế nữa, thực tế áo com nó nghiệt ngã quá, chàng đã phải nay thì núi này, mai núi khác, da đã chai sạm màu đồng hun. Làm nghề "lượm thịt săn" không đủ sống, chàng phải phụ thêm nghề đốn củi, đốt than cũng như những nghề chân tay khác đến đổ mồ hôi, sôi nước mắt!

Vất vả và gian lao quá, đôi khi chàng mơ màng nghĩ đến đời sống nhàn cư, thanh tịnh cũ. Thịnh thoảng, chàng nhớ tưởng đến hình bóng của "người bạn gặp trên đường, bậc chiến thắng bất diệt!"

Nàng Càpà rất thương chồng, thấy vì mình mà chàng cơ khổ, lam lũ cũng cảm cảnh than dài. Nhưng, như chim đã liền cánh, bóng đã dính hình, âu nhân duyên phải đành thế!

Một hôm con khóc, nàng vô tình hát rằng:

*"- Âu ơ... ru con, con ngủ cho ngoan
Cha con ăn sĩ... lượm thịt săn giữa rừng
Âu ơ... ăn sĩ rút bát nửa chùng
Vì con, vì vợ còng lưng tháng ngày."*

- Nay nàng Càpà! Nàng nói ta là "ăn sĩ lượm thịt săn", "ăn sĩ rút bát"! Nàng chế nhạo ta vừa vừa thôi chứ! Cục đá mà có tai, nó cũng chảy nước mắt vì câu nói của nàng đấy! Ta không có còng lưng, cúi đầu mãi ở trong cái nhà này đâu! Ta biết ta là kẻ ăn đậu, ở nhờ, vô gia cư, vô nghề nghiệp. Ta biết thân phận của ta lắm. Nói cho nàng biết, chẳng phải ta là kẻ tứ cố vô thân, không nơi nương tựa đâu! Ta có một người bạn. Bạn ta là bậc chiến thắng bất diệt. Ta sẽ đến ở với bạn của ta!

Thấy Upaka vì tự ái mà nổi giận, nàng Càpà đầu dụi, phân trần:

Upaka gần giọng:

- Nàng có cách nói hai nghĩa, nghĩa đằng đầu và nghĩa đằng đuôi. "Cúi đầu và còng lưng"! Chà, ta biết quá mà! "Ăn sĩ lượm thịt săn"! Chà, lời mỉa mai hay nhỉ! Ta nói cho nàng biết, ta đã sa đằm lầy khốn cùng và tủi nhục. Ta thức ngộ rồi. Ta sẽ xuất gia trở lại. Ta sẽ đi theo bạn của ta, nương tựa nơi bạn của ta, bậc chiến thắng bất diệt!

- Chớ có tức giận em, chàng Mắt Đen của em! Có thể em đã đại dột, lỡ lời, xin chàng tha tội!

Upaka lòng lên:

- Ta không có tha tội, chí ta đã quyết. Ta sẽ rời khỏi Vankahara và ngôi làng này, nơi đã bị trói buộc và bị quyến rũ bởi sắc đẹp ma quái của nàng. Ích gì cái kỷ niệm đau xót này!

Nàng Càpà năn nỉ:

- Ôi, chàng Mắt Đen của em! Hãy ở lại, chớ có đi! Em không đại dột thế nữa đâu. Em sẽ hầu hạ chàng, phục tùng chàng, là nô lệ của chàng!

Upaka cười lạt:

- Không thể nữa đâu, nàng Càpà! Một phần mười sáu lời nói của nàng có thể làm cho trăm vạn nam nhân phải buồn rầu, mê mẩn. Nhưng ta thì không thể nữa đâu.

Nàng Càpà xuống nước, mềm mỏng, gọi tình:

- Chàng Mắt Đen của em! Em đã đến nỗi nào! Em vẫn còn như cây Takkàrim nở hoa trên đầu núi. Những vòng hoa Patilim vẫn rực rỡ hương sắc hiến tặng chàng. Những chiếc áo lụa Kàsi tối thượng vẫn làm dịu mắt chàng. Tóc em, da thịt em vẫn ướp hương chiên đàn thơm lừng lựng!

Upaka chột cất giọng ráo hoảnh, chậm rãi:

- Này nàng Càpà! Bây giờ nàng lại định dùng mỗi sắc đẹp để bủa giăng cánh chim trời đầy phồng? Dầu nàng là dòng dõi thợ săn thiện xảo đến bảy đời, cánh chim kia chỉ một lần sa lưới mà thôi!

Nàng Càpà tức giận:

- Chàng nói thế mà nghe được sao? Em bủa giăng hay tự chàng bước vào lưới?

Upaka nín lặng. Nàng Càpà hỏi ướm:

- Này, còn đứa con thì tính sao đây?

Upaka thản nhiên nói:

- Bậc trí bỏ vợ con, tài sản và quyền thuộc ra đi không ngoảnh lại!

- Thế thì giả dụ tôi đánh nó, tôi giết nó, ông cũng không thèm cứu ư?

- Nó là con của nàng, từ núm ruột của nàng mà rút ra. Vậy giết nó hoặc quẳng cho chó sói ăn ấy là quyền của nàng.

Nàng Càpà thở dài. Thế là hết rồi. Con hổ đã muốn trở lại rừng xưa. Chàng đã trở lại tâm đích thực của một ẩn sĩ. Sắc đẹp ta, nụ cười ta, vòng tay ta và cả con cái nữa, đã bắt lực trước chàng.

Nàng Càpà buồn bã cất giọng dịu dàng:

- Chàng Mắt Đen của em! Chàng bỏ đi đành đoạn vậy ư? Chàng không thương xót em và con sao?

Con tim của Upaka thoáng lay động, dầu cố gắng trấn tĩnh nhưng giọng đã mềm đi:

- Ta cũng biết thế. Nhưng nàng hãy thông cảm cho ta, ta phải tự cứu mình!

Nghe giọng nói kia, Càpà đã hiểu. Chẳng phải Upaka đã hóa thành gỗ đá. Chàng cũng còn thương vợ, xót con; nhưng chàng đã quá đau khổ vì không còn chịu nổi hoàn cảnh ràng buộc với những tế toái của đời sống. Vậy nếu thương chàng, yêu chàng thật sự thì hãy để chàng ra đi cho tròn với ước nguyện. Nghĩ vậy, nàng Càpà gạt nước mắt, nói:

- Thôi, vì thương chàng nên em để cho chàng ra đi. Ở nhà, mọi việc em lo liệu được. Nhưng chàng đi đâu?

Upaka nắm tay nàng Càpà:

- Cảm ơn em. Cảm ơn em đã hiểu ta. Việc ta đi đâu thì em không phải lo lắng. Ta sẽ đến với bạn của ta, bậc chiến thắng bất diệt.

- Vị ấy ở đâu?

- Bạn của ta đang đi gióng tiếng trống bất tử ở Vườn Nai, và cũng từ đó bạn ta chuyển Bánh Xe Pháp.

Im lặng khá lâu giữa hai người.

Nàng Càpà chợt nói:

- Vậy khi chàng đến gặp vị ấy, hãy thay mặt em nhiều quanh ba vòng về phía hữu, chàng đánh lễ vị ấy dùm em. Em tỏ lòng cung kính đối với vị ấy, bậc chiến thắng bất tử, đã quyết dụ được chồng em, hơn em!

Upaka mỉm cười sung sướng:

- Phải thế. Nói vậy là đúng đắn. Vì lợi ích cho cả hai ta, ta sẽ tỏ lòng cung kính và tri ân bậc vô thượng ấy!

Đức Đạo Sư hôm ấy ở Xá Vệ, Kỳ Viên tịnh xá, trước khi vào hương phòng, nói với người thị giả:

- Này, tỳ kheo! Khi nào có ai đến nói to câu này: "Bậc chiến thắng bất diệt, bạn của ta, giờ ở đâu", thì hãy đưa người ấy vào gặp Như Lai.

Vẫn còn trong y phục của người thợ săn, Upaka sau rất nhiều do tuần đường đất, theo dấu chân Đức Đạo Sư từ phương này sang phương khác, hôm kia lần đến Xá Vệ, tìm ra cửa tịnh xá, cất giọng oang oang:

- Này, các ông sa môn! Bậc chiến thắng bất diệt, bạn của ta, giờ ở đâu?

Đức Đạo Sư chờ đợi người ấy, chờ đợi đã lâu, không phải chỉ sáng nay, nhờ thiên nhãn, mà chờ đợi từ ngày giác ngộ dưới cội Bồ Đề. Đức Đạo sư khi quán nhân duyên, biết rằng trên đường về Vườn Nai sẽ gặp người ấy, một đạo sĩ ngoại đạo. Gặp rồi, ngài không nói gì nhiều, chỉ gieo một hạt giống. Hạt giống ấy hôm nay đã nảy mầm, lớn rất nhanh và chờ lúc trở quả.

Gặp Đức Thế Tôn, sau vài lời giáo giới, Upaka được Ngài cho xuất gia. Sau đó, Upaka dễ dàng chứng đạo quả Bất Lai, không một gắng sức nào. Cuối đời, mệnh chung, sinh vào cõi Aviha thanh tịnh rồi đắc quả A-la-hán luôn tại đây.

Còn nàng Càpà, không bao lâu sau, gọi con trai cho ông ngoại, theo chân Upaka, xuất gia với trưởng lão ni Gotamì, đắc quả A-la-hán.

Thật là lạ lùng! Chàng và nàng gặp gỡ nhau, yêu nhau, sanh con, giận nhau, cãi nhau, chia tay nhau... rồi gặp lại nhau nơi cõi A-la-hán vô sanh bất diệt! Hy hữu thay!

Cho nên có thơ rằng:

*"Tích xưa chuyện cũ rành rành
Có khi gương vỡ lại lành hơn xưa!"*

NGƯỜI NGU

Vào thời kỳ mà Tăng chúng quá đông, thiện nam tín nữ dâng cúng quá nhiều thực phẩm, trưởng giả Cấp cô độc phải cho xây dựng thêm nhiều kho lẫm ở Tịnh xá Kỳ Viên để chứa đựng và phân phối.

Tỷ kheo Dabhamalla được Tăng chúng chỉ định công việc này. Ngài cầm cán cân phân phối thực phẩm rất phân minh và chu đáo. Với số hạ lạp như vậy thì được gạo hoặc thực phẩm tương đương. Và thường thường số gạo xấu, phẩm chất thô là phần cho các vị còn trẻ hoặc sơ tu. Đây là thứ tự hình thức, là lễ giới cần thiết trong giáo pháp của Đức Tôn sư.

Hôm kia, tỷ kheo Udàyi mặc dầu hạ lạp khá cao nhưng nhận được gạo xấu liền làm rộn lên trong phòng phát thễ. Người ta biết vị đó còn nhiều phàm phu tính nên ai nấy đều giữ im lặng.

Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa, tỷ kheo Udàyi vẫn nhận được gạo xấu, vì thật ra gạo tốt không còn bao nhiêu, phải để dành cho các vị Đại trưởng lão niên cao, lạp lớn. Tỷ kheo Udàyi mặc dầu biết vậy, vẫn nói nặng lời với tỷ kheo Dabhamalla, chỉ trích và phỉ báng vị ấy.

Tỷ kheo Dabhamalla im lặng như cái mỗ bễ, chỉ lo tròn bổn phận mình, không hề cãi lại. Nhưng có một số tỷ kheo sơ tu, tập khí còn nhiều, nội tâm chưa ổn định, tham sân và uế trước chưa lắng dịu,... cũng nhân cơ hội ấy mà la ó lên, làm cho căn phòng phát thễ ồn ào như vỡ chợ.

- Ngài Dabha không công bằng, nghỉ việc đi!
- Đề nghị ngài Udàyi làm thay!

Giáo hội Đức Tôn sư là tập thể dân chủ; lại biết phân công các vai trò quản lý hay các chức vụ điều hành sinh hoạt, nên cũng dễ hiểu thôi, sự đề nghị tỷ kheo Udàyi thay thế chức vụ ấy được Tăng chúng chấp nhận ngay.

Cuộc phát gạo đã xong, tỷ kheo Dabhamalla mang thễ đến, trao vào tay tỷ kheo Udàyi:

- Bây giờ đến phiên hiền giả gánh vác trách nhiệm này. Tôi có một lời khuyên đến hiền giả. Hiền giả phải biết tôn kính bậc nên tôn kính. Hiền giả phải biết vị nào nhiều công đức và vị nào ít công đức. Đây là việc làm không thể chiếu lệ, đại khái, mà cần sự sáng suốt, định tĩnh và nghiêm túc. Nó cần sự tinh tấn, cần mẫn, chăm chuyên và chịu khó. Không thể cẩu thả, làm biếng, thiếu trí và vô trách nhiệm được đâu. Hiền giả Udàyi thân mến! Hiền giả phải biết như vậy.

Udàyi bực mình hét toáng lên:

- Sao tôn giả lại quá nhiều lời? Tôn giả có phải là Đạo sư của tôi đâu. Tôi biết việc mình phải làm, đâu cần phải quá nhiều giáo giới của tôn giả!

Biết cái cứng đầu và ngu si của vị ấy, tỳ kheo Dabhamalla bỏ đi với ý nghĩ: "Hy vọng ông ta học được bài học và giác ngộ được vài điều trong khi làm công việc này.! Chắc chắn Đức Đạo sư biết rõ là đến lúc nào đúng thời để thuyết giáo đến ông ta."

Thế rồi đến phiên tỳ kheo Udàyi phát thẻ phân phối gạo. Ông ta không cần biết đến số hạ lạp và tuổi tác của một ai, không cần biết vị nào nhiều công đức, vị nào ít công đức. Ông ta ghi những cái dấu trên sàn hoặc trên tường để chỉ rõ hàng này bao nhiêu người, hàng kia bao nhiêu người. Và ông ta y cứ vào đấy, y cứ vào những cái dấu của mình mà phân phối gạo.

Đến ngày sau, dĩ nhiên là thường có một số tỳ kheo ra đi và có một số tỳ kheo khác mới đến. Do vậy số người nhận gạo thường thường phải thay đổi luôn, cả số thẻ và hàng. Tỳ kheo Udàyi lại không để ý đến điều đó, cứ theo cái dấu của mình mà phát. Bởi thế, có người không nhận được gạo, và gạo tốt không vào được tay các vị Đại trưởng lão. Người ta phản ảnh với Udàyi điều đó. Tỳ kheo Udàyi nói:

- Sao các tôn giả không tự động đứng theo những cái dấu của tôi? Tại sao tôi lại tin lời các tôn giả? Tôi tin vào cái dấu của tôi hơn.

Thế rồi Udàyi gạt phăng chư vị ra một bên bằng cánh tay lực lưỡng thô bạo của mình.

Có vị tỳ kheo có ý thức, nắm tay Udàyi lại, rồi kéo qua một bên:

- Này bạn, liệu hồn đấy! Có rất nhiều vị trưởng lão không có phần, và các ngài đã không nói gì, lặng lẽ ra đi như chiếc bóng.

Udàyi sừng sộ nói:

- Tôi không cần biết là ai. Tôi đã có những cái dấu của tôi!

- Bạn vừa nói gì? Một giọng quát lớn - Bạn xúc phạm đến chúng tôi thì được. Nhưng bạn vừa nói gì đó? Bạn dám đụng đến các bậc trưởng lão đáng kính trong giáo pháp này? Tôi với cái nắm tay, cái mũi của bạn sẽ như trái cà chua đỏ, và cái miệng của bạn sẽ méo qua một bên như trái xoài dập!

Tỳ kheo to lớn kia nói xong liền bước lại. Các vị khác can ra. Ôn ào, huyên náo thế là xảy ra trong phòng phát thẻ.

Bậc Đạo sư lúc ấy đang đi kinh hành, quay lại hỏi ngài Ànanda:

- Như một cái chợ đang họp trong phòng phát thẻ. Chuyện gì vậy?

Một lát sau, Đại Đức Ànanda trình bày tự sự lại với Đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư yên lặng giây lát rồi nói:

- Này Ànanda! Hãy lấy đó làm gương, lấy đó làm bài học, lấy đó làm điều để giác ngộ. Có một người chỉ giết một sinh mạng mà phải lấy năm trăm mạng liên tiếp để trả quả. Có những chúng sanh bị những tật, những nghiệp, những kiết sử dầu lớn, dầu nhỏ mà trải qua vô lượng kiếp chúng vẫn không làm cho nó nguội tắt đi, tốt đẹp hơn, thanh lương hơn! Nó chỉ nguội lạnh đi, tốt đẹp hơn, thanh lương hơn khi chúng thấy rõ, giác ngộ được bài

học ấy. Còn nếu không thì cứ mãi mãi, liên tục bị trả quả; mãi mãi liên tục bị khổ đau và phiền não.

Như kẻ Udayi ngu si kia! Nó làm mất phần gạo của các vị trưởng lão, làm cho số đông tỳ kheo bị thiệt thòi. Không phải chỉ ngày nay mới thế thôi đâu, mà một kiếp lâu xa kia, nó cũng làm cho nhiều người khác bị thiệt thòi rồi. Từ đây biết bao nhiêu là quả đau khổ mà nó phải gánh chịu. Tuy nhiên, nó vẫn không giác ngộ được bài học.

Thế rồi Đức Đạo sư kể chuyện về quá khứ đã bị che lấp như sau.

Thuở xưa, ở nước Kàsi, Bồ Tát là vị quan đại thần chuyên trách việc đánh giá của cải, tài sản, châu báu cho quốc độ. Bồ Tát biết đúng giá trị của từng hiện vật, từng loại hàng hóa nên sự định giá không bao giờ lầm lẫn để đem đến sự thiệt thòi cho người này hay thiệt hại cho người kia.

Nhưng Đức Vua vốn là kẻ tham lam, bao giờ cũng muốn lợi về phần mình, nên tỏ vẻ không bằng lòng sự công bình đúng mức của vị quan đại thần nọ. Do vậy, Đức Vua luôn cố tìm một kẻ tín cẩn, kẻ tri kỷ, kẻ cùng một tâm địa, kẻ cầm cán cân nghiêng về một bên.

Hôm kia, giả dạng thường dân để cùng đi du hành với Bồ Tát, Đức Vua quan sát, theo dõi một người đang đánh giá một món hàng trước cửa hiệu của y. Hàng là một bao sản to nặng của người nhà quê lam lũ, nghèo khổ.

Người chủ hiệu nói:

- Giá nó chỉ bằng bốn trái cam! Vậy là giá đã hời! Cam ăn mát mẻ, thanh nhiệt, bổ dưỡng, còn sản của người chỉ ăn nặng bụng, thường dành cho heo, chó mà thôi!

- Thưa chủ! Người nhà quê khép nép nói - Không được đâu! Cam nhà cháu cũng có đấy nhưng không thể ăn no. Đây là cả một bao sản to, ăn cả trăm người không hết.

Người chủ hiệu gắt:

- Mà y mà biết gì nào? Sản kia chỉ để súc vật ăn. Cam là để người ăn. Thế ra mà y bảo súc vật giá trị hơn người sao? Quân này láo!

- Cháu không dám, cháu có nói thế đâu!

- Thế hãy để hàng lại. Và đây là hai xu đồng tiền vàng - hai xu màsaka kia đấy! Nhiều lắm rồi, hãy xéo đi!

Nói xong người chủ hiệu sai người vác bao sản vào nhà và quẳng xuống chân người nhà quê hai đồng xu. Người nhà quê đứng chết lặng, miệng há hốc ra.

- Chê vàng à? Người chủ hiệu quát - Thế ra mà y chê vàng à? Mà y chê vàng không có giá trị bằng sản? Chao ôi! Sản thì sản mốc, sản meo, có xương không có thịt. Còn cam của ta kia! Tươi roi rói, mọng mọng vàng, ngọt lịm kia! Chê ít à? Xem chừng hai xu còn nhiều quá đấy. Một xu thôi! Nếu không lấy mà đi thì ông kêu lính bắt!

Người nhà quê kinh hãi:

- Cháu có tội tình gì?

- Sao không tội? Người chủ hiệu hăm dọa - Muốn tội là có tội ngay thôi. Mày chê vàng - thế là mày đã chê giá trị mà Đức Vua anh minh xứ Kàsi này đã định đặt. Thế không phạm pháp luật quốc độ là gì?

Người nhà quê xanh mặt, cúi xuống lượm hai xu rồi hốt hoảng đi như chạy không dám ngoái lại.

Bồ Tát đau lòng chảy nước mắt nhìn cảnh bất công, nhưng Ngài biết rõ, can thiệp vào lúc này là không có lợi, đành phải ỉn nhẫn thôi, chờ một dịp nào đấy, sẽ đem đến lợi ích toàn diện cho mọi người bằng công pháp nghiêm minh hơn chứ không phải bằng tình cảm nhất thời.

Bồ Tát biết rằng, người bán hàng tội nghiệp kia, nếu không chịu lấy hai xu thì còn bị thiệt hại nữa. Và nếu không bán cho người chủ hiệu này, thì dầu cho y có đi cùng thành phố Kàsi, hàng cũng không bán được. Đây là luật "đen", luật "bất thành văn", luật "phi pháp" vốn đã được thỏa thuận ngầm với nhau của giới con buôn, bọn thương gia bất hảo. Lại nữa, chuyện hăm dọa cho lính bắt, không phải là không thể xảy ra. Khi lòng tham đã chế ngự lương tâm thì trí óc của nó đã biến thành sự quỷ quyệt, lật lừng của loài chồn cáo!

Trong lúc Bồ Tát thở dài, chán ngán thay cho lòng người thì Đức Vua mặt mày hớn hở, tươi như hoa, miệng không ngớt tùm tùm cười.

- Tuyệt! Tri kỷ! Thật là tri kỷ! Với người đánh giá này, xoài chín sẽ thành xoài thối, cam tươi sẽ thành cam sũng, vàng mười sẽ thành vàng non, chuối mật mốc sẽ thành chuối hư! Ta mà có y thì chẳng mấy chốc, vương quốc ta sẽ giàu có nhất Diêm Phù Đề. Lại nữa, y còn biết bảo vệ luật pháp của quốc độ. Một công dân toàn hảo như thế mà sao từ lâu ta không biết kia?

Ngày hôm sau, đột ngột, Bồ Tát nhận được giấy ban khen của nhà vua cùng với một số tiền phụ cấp hưu dưỡng. Và người chủ hiệu tri kỷ của Đức Vua được phong quan to, thế chân Bồ Tát.

Vị quan đánh giá là người có bản phận đánh giá hàng, là người cầm cân cân thương mại cho cả nước. Quan đánh giá như thế nào thì hàng đó trị giá như vậy. Đây là luật pháp của quốc độ mà mọi người phải tuân theo.

Vị tân quan từ khi nhậm chức đã tỏ ra khả năng "siêu quần bạt tụy" của mình trong lĩnh vực này. Y đánh giá tùy sở thích, tùy cảm hứng vui buồn của mình, không đếm xỉa gì đến sự thua lỗ của người khác hoặc giá trị đích thực của món hàng như thế nào. Tất cả, miễn là có lợi cho Đức Vua là được. Đôi khi vì tức giận vô cớ, y như cướp không của người ta bằng giá cảm bèo rẻ mạt. Cho nên, chẳng bao lâu, tài sản của Đức Vua cứ tăng lên vùn vụt như nước của trăm con sông chảy tràn vào. Người ta bắt đầu sợ hãi không đem đến bán thì đích thân vị quan đánh giá "mẫu mực" này cho xe đi thu mua

chỗ này, chỗ khác với lính tráng tiền hô hậu ủng. Mỗi ngày tài sản đổ về cho công khổ mà Đức Vua không phải tốn kém bao nhiêu giá trị hàng trao đổi cả.

Hôm kia, từ một nước ở phương bắc, một lão lái buôn "vô phước" dẫn đến Đức Vua năm trăm con ngựa. Đây là ngựa thuộc nòi giống tốt. Vua rất thích bèn kêu vị quan đánh giá trị kỷ của mình đến.

Vị quan đánh giá nhìn biết ngay là giống ngựa tuyệt hảo, một số được lai với ngựa rừng, lai với nòi giống Sindhu tối thượng. Tuy nhiên, y bắt đầu chê. Y chê con này mập quá, con này gầy quá, con kia quá cao cẳng, con này quá thấp cẳng; sắc lông con này quá hung, quá nhạt, quá bù xù; lông đuôi quá ít, bụng quá tóp, ngực quá gồ v.v... rồi y đánh giá như sau:

- Trị giá năm trăm con ngựa tội tệ này chỉ bằng một đấu gạo, tâu Đại Vương. Mặc dầu ngựa xấu, nhưng dẫn ngựa đi quá xa xôi mệt nhọc, ta nên đánh giá nói tay một chút kéo tội nghiệp!

Nói xong, vị quan đánh giá sai người đem cho lão lái buôn một đấu gạo rồi dẫn ngựa vào chuồng, trao người chặn giữ.

Lão lái buôn chết sững, đứng im như hóa đá, không biết nói năng gì, chẳng biết khiếu nại cùng ai. Sau đó, y tức giận, đau khổ đi thất tha thất thêu như người điên. Biết chuyện ấy, người trong thành phố Kàsi ai cũng thương tình, khuyên lão lái buôn nên đến gặp Bồ Tát xin ngài bày cho phương kế lấy lại ngựa.

Sau khi nghe chuyện, Bồ Tát trầm ngâm giây lâu rồi nói:

- Vị quan đánh giá kia chỉ là một gã tiện dân tham lam, không có trí. Đối với y, có tiền là tối mắt, có tiền thì bảo sao nó nghe vậy.

- Trăm sự nhờ Ngài - lão lái buôn van vỉ - Nhờ Ngài tìm phương kế cho chứ con e không sống nổi khi sự nghiệp tiêu tan. Và hiện giờ con chẳng còn một trinh, một hào dính túi! Ngài hãy cứu con!

Bồ Tát đưa mắt ra xa, nói như nói một mình:

- Sự bất công, ngu muội, đảo điên xảy ra khắp nơi. Tất cả đều do tham lam, sân hận và si mê mà ra cả. Dầu ta có tìm ra phương cách đối trị mọi bất công trên xã hội thì nó cũng chỉ có giá trị tạm thời. Phải có một phương thuốc nhiệm màu hơn, vĩnh cửu hơn có thể chặn trị tận căn gốc, tận nguyên nhân, lúc ấy mới chấm dứt được tất cả mọi đau khổ trầm thống của chúng sanh. Vì lòng từ với sanh loại, ta phải tìm ra con đường bất tử.

Rồi Bồ Tát nói với lão lái buôn:

- Trường hợp mất ngựa của ngươi không khó lắm đâu. Hãy bình tĩnh, hãy an tâm. Ta sẽ cứu ngươi. Tuy là ta cứu ngươi nhưng đồng thời, ta cũng cứu luôn cho cả quốc độ. Từ lâu ta vẫn chờ cơ hội. Nay cơ hội đã đến. Đức Vua sẽ tự thấy xấu hổ mà ngưng đi sự tham lam ngu si của mình.

Bồ Tát đứng dậy, trao cho lão lái buôn một bọc tiền vàng, ngài nói:

- Người hãy đến trao tận tay vị quan đánh giá kia bọc tiền vàng này và nói với y rằng: "Cúi xin quan đánh giá cho thật tốt, cho thật lớn vào giá trị của đấu gạo trước mặt Đức Vua. Chỉ có thế thôi. Làm như vậy, quan chẳng mất gì mà lại còn được vàng nữa." Người hãy nói với y như thế, là người sẽ lấy lại được ngựa. Ta sẽ gặp nhau vào ngày mai, tại triều đình.

Lão lái buôn ngần ngừ không dám nhận bọc tiền vàng. Bò Tát mỉm cười nói:

- Đây chỉ là cái mồi, như con rắn tham lam đi ra khỏi cái hang của nó. Bất được rắn, ta lấy mồi lại chứ không mất đâu!

Lão lái buôn tin tưởng vào Bò Tát nên vui mừng đến sa nước mắt. Y quỳ xuống ôm chân Bò Tát với lòng tri ân vô hạn.

Quả nhiên, với bọc tiền vàng, vị quan đánh giá vâng dạ đủ điều.

Hôm sau, trước đầy đủ tai mắt của bá quan văn võ, có cả Bò Tát, lão lái buôn quỳ lạy Đức Vua xong rồi nói:

- Tâu Đại Vương chí tôn! Con đã biết giá trị năm trăm con ngựa bằng một đấu gạo, nhưng trị giá một đấu gạo là bao nhiêu con cũng chưa rõ. Vậy xin Đại Vương hãy cho quan đánh giá xác định trị giá của đấu gạo để con dễ bề tính toán lúc trở về.

Đức Vua cũng không phải là người có trí, nên không thấy cái mồi câu, cái lưỡi câu con rắn tham lam nằm ở đâu, bèn chuẩn tấu.

- Này ái khanh! Ái khanh hãy lập lại trị giá năm trăm con ngựa cho trẫm nghe nào!

- Là một đấu gạo, tâu Đại Vương.

Đức Vua gục gặc đầu rồi tiếp:

- Vậy trị giá một đấu gạo là bao nhiêu, hãy cho lão lái buôn này rõ, hỡi quan đánh giá hiền thiện!

Chỉ thấy túi vàng, không thấy Đức Vua mà cũng chẳng thấy ai nữa cả, vị quan đánh giá đáp:

- Trị giá một đấu gạo thì quá lớn, quá nhiều, tâu Đại Vương! Nó phải bằng cả kinh đô Ba-la-nại và cả vùng ngoại ô cộng lại!

Lúc bấy giờ toàn thành Ba-la-nại dài đến mười hai do tuần. Còn nội ngoại thành Ba-la-nại rộng lớn mỗi bề đến ba trăm do tuần. Cho nên khi vị quan đánh giá xong, tất cả bá quan văn võ đồng "ồ" lên một tiếng. Có nhiều vị đã cất tiếng nói và tiếng cười chế nhạo, châm biếm, xem vị quan đánh giá như một gã hề trên sân khấu.

Có một quan đại thần thanh liêm chính trực, là bạn thân của Bò Tát, cảm thấy xấu hổ trước lão lái buôn là người nước ngoài, nên nói to với giọng mỉa mai, cốt ý cho Đức Vua nghe:

- Trước đây tổ tiên chúng ta nói quốc độ là vô giá. Nhưng nay chúng ta biết rằng nó có giá hãn hời. Ai cũng có thể mua được Đức Vua chí tôn và

quốc độ một cách dễ dàng. Vì chỉ cần một đấu gạo, ta có thể mua nội ngoại thành Ba-la-nại, dĩ nhiên là có cả Đức Vua, hoàng hậu, ba cung, sáu viện, điện ngọc lầu vàng, quốc khố, quốc bảo cùng của cải tài sản của lương dân trăm họ! Ôi! Vị quan đánh giá này thật là bậc đại siêu việt, thật là bậc đại trí tuệ!

Bá quan vẫn võ được dịp cười thật hả dạ.

Đức Vua hổ thẹn quá không biết dẫu mặt vào đâu, tức giận tên đánh giá ngu si nên nổi cơn thịnh nộ, quát mắng liên hồi, rồi sau đó, tức bỏ chức vị, lấy hết gia sản của nó rồi tẩn xuất ra khỏi quốc độ.

Tuy thế, khi quay lại, Đức Vua thấy rõ trăm quan vẫn nhìn mình với đôi mắt thiếu thiện cảm, khinh bỉ thế nào, bèn hỏi lỗi:

- Trẫm có lỗi thật sự, hỏi các khanh! Trẫm nguyện sẽ chữa bỏ. Vì lòng tham nên Trẫm đã u tối lương tri. Từ rày về sau, Trẫm sẽ đốt lên một ngọn đèn. Ngọn đèn này sẽ thường trực chiếu sáng để soi dẫn mọi hành động hợp với đạo đức, hợp với lẽ phải, hợp với tình người.

Bá quan đồng phủ phục lay mừng, cảm kích thái độ cải hối sáng suốt của Đức Vua. Rồi họ đồng thanh tâu xin cho Bồ Tát phục hồi chức cũ để nắm cán cân công minh cho sơn hà xã tắc.

Đức Vua thân hành đến nắm hai tay của Bồ Tát, cất giọng đầy xúc động:

- Chỉ có khanh, không những là ngọn đèn cho Trẫm mà còn là ngọn đèn cho cả quốc độ. Khanh phải được tạc tượng bỏ lên bệ thờ cho mọi người ngưỡng mộ và tôn thờ mới phải.

Từ đó, Bồ Tát phục hồi chức cũ, dẫn dắt cả vương quốc theo lẽ công bằng, tự do và hạnh phúc.

Mệnh chung, Bồ Tát đi theo nghiệp của mình.

Kể xong chuyện quá khứ, Đức Đạo sư nói với Ananda:

- Tên chủ hiệu đánh giá ngày xưa chính là Udayi ngày nay vậy. Thuở ấy nó đâu thèm để ý đến sự thiệt thòi của người khác thì nay vẫn cứ vậy. Cái ngu si cứ chông chát ngu si, lặp lại sự ngu si mãi hoài như vậy mà nó vẫn không nhận chân được bài học. Những kẻ như vậy thì vòng tử sinh thống khổ sẽ còn trầm luân, tiếp diễn mãi mãi.

Còn Như Lai, tức vị quan đánh giá công minh, từ vô lượng kiếp trước cho đến vô lượng kiếp sau, luôn luôn đi tìm phương thuốc nhiệm màu, bắt tử để chữa trị tận căn gốc mọi đau khổ trầm thống của chúng sanh. Và nay đã tìm ra.

GIẾT NGƯỜI ĐỂ TẾ THẦN

Đây là một quốc độ đầy ngu si, ác giới và tà hạnh. Những nhà đạo đức xã hội, những nhà tư tưởng, lý thuyết gia thường thảo luận với nhau rằng là phải có một bậc minh quân dùng vương pháp để trị dân! Rằng như vậy là không được, phải dùng pháp trị, bàn tay sắt, xử giáo, lăng trì, cho voi xé xác những tử tội ngoan cố, bọn khinh khi phép nước! Rằng là chẳng đặng đâu vì cái bụng mà ra cả, bản cùng sinh đạo tặc, cứ có chính sách cải thiện kinh tế thế nào cho dân no là các tệ trạng kia sẽ chấm dứt, chẳng cần "vương" cần "bá" gì cả! Rằng là,...

Hoàng tử Brahmadata tuy mới mười sáu tuổi nhưng đã nổi danh là bậc hiền trí. Ai bàn luận như thế nào chàng cũng chăm chú lắng tai nghe, thành kính rất mực, nhưng sau rốt, chàng chẳng có ý kiến nào, chẳng gật đầu mà cũng chẳng lắc đầu, cảm ơn tất cả mọi người.

Hôm ấy, người ta thấy hoàng tử chít khăn mặt trời, áo màu đại dương, giày san hô, trang điểm diêm dúa, với ngựa xe khảm vàng khảm bạc, cùng tùy tùng rực rỡ đồ đại lễ đi ra cửa thành. Chàng xuống xe nơi cây đại thọ, cành lá sum sê phủ cả nửa ngôi làng, ở đây người ta đang tế thần với thịt súc vật còn tươi máu, với ngũ cốc, với hương trầm và hoa quả. Cũng như mọi người cuồng tín khác, hoàng tử thành kính đi nhiều ba vòng về phía hữu, cúng dường trái cây, hương hoa, rưới nước, đánh lễ Thần Cây rồi ra về.

Các quan đại thần có đức độ trong triều đình không chịu được hành động đó của hoàng tử. Họ gặp nhau và thảo luận:

- Thế là hoàng tử hiền trí của chúng ta cũng mê tín dị đoan chẳng khác bọn dân đen ngu si. Ngài cũng sì sụp khẩn vái, cũng xin Thần Cây ban cho danh vọng, tài sản, quyền lực, tuổi thọ, con đàn cháu đống rồi đây!

Vị khác than dài:

- Ôi! Chắc hoàng tử cũng đã thấy những buổi lễ người ta cúng thần! Ôi! Hàng ngàn, hàng vạn súc vật vô tội bị chém, bị chặt đầu, bị móc họng, bị phơi ruột? Cả một núi thực phẩm đem đổ xuống sông Hằng, phơi giữa hư không, chất đầy những nghĩa địa! Rồi chúng làm gì? Ôi, cái lũ trời đánh ấy, chúng uống rượu, chúng đỏ mặt như cái ông trời, chúng chửi mắng đánh đập nhau, nói lời ác khẩu, răn rít và dơ dáy như chuột hôi! Ôi! Chắc hoàng tử hiền trí của chúng ta cũng đã thấy rồi chứ?

Những lời thảo luận ấy, dù xa dù gần rồi cũng đến tai hoàng tử, nhưng hoàng tử cũng không nói gì, im lặng như cái tịnh bình.

Hôm sau, những hôm sau nữa, người ta lại thấy hoàng tử với khăn mặt trời, áo màu đại dương, giày san hô,... cùng đám tùy tùng và đồ đại lễ đi ra cửa thành. Chàng đến cây đại thọ dâng phẩm vật, cầu nguyện, rưới nước, đánh lễ Thần Cây rồi về.

Các quan đại thần đức độ trong triều đình không còn thảo luận với nhau nữa, họ đích thân đến gặp hoàng tử để chất vấn.

- Thừa hoàng tử đáng kính trọng! Đức Vua vì tuổi già, sức yếu, không còn kham nổi việc nước, biết rõ hoàng tử là bậc hiền trí nên đã ưu ái và tín cẩn giao chức Phó Vương. Sự thịnh suy, trị loạn của quốc độ là ở nơi bàn tay nắm của hoàng tử cả. Nhưng mà từng buổi sáng, với đại lễ, tùy tùng và phẩm vật, hoàng tử đến cái cây ấy để làm gì? Quốc độ cần một cái mặt trời để soi sáng chứ không cần cái mặt trời chui vào hang đen!

- Ta biết!

Hoàng tử gật đầu đáp với sự bình thản, an nhiên của đỉnh núi.

Một vị lão quan cất giọng:

- Hoàng tử biết? Ngài biết như thế này và làm như thế kia? Có thể nào, như con cú kia, ban đêm nó thấy cả cây kim, sợi chỉ, mà ban ngày cả ngọn núi nó cũng không thấy! Bọn ngu si tà giáo đã vấy độc lên trái tim và khối óc của hoàng tử rồi sao?

Sắc mặt hoàng tử Brahmadata thoáng thay đổi nhưng Ngài trấn tĩnh được ngay, cất giọng điềm đạm và bình hòa:

- Các Ngài đều là những đại quan, lão thần có trí, có đạo đức và phẩm hạnh. Ta kính trọng các Ngài. Ta cũng biết nghe những lời nói phải, những lời rất chướng tai nhưng chính trực, liêm khiết, thẳng thắn. Ta ghi nhận tất cả những điều ấy! Nhưng hiện giờ thì các Ngài hãy trở lại chỗ đứng của mình đi thôi. Hơn ai hết, ta biết rất rõ việc ta đang làm.

Các quan đại thần thất vọng ra mặt. Nhưng họ lại càng buồn khổ, thất vọng hơn khi thấy hoàng tử lại trang điểm, đại lễ, tùy tùng và phẩm vật để đến Thần Cây của mình vào buổi sáng.

Hôm kia, với thái độ rất quyết liệt, các vị lão quan không sợ chết này, họ đến nằm dài trên lối đi, cản chân ngựa của hoàng tử.

Với khuôn mặt lạnh như tiền, hoàng tử ra lệnh cho tùy tùng bắt giam tất cả, nói to cho nhiều người cùng nghe:

- Từ rày ai cố ý ngăn cản ta đi đến vị Thần Cây của ta, ta sẽ chém đầu tất cả!

Rồi hoàng tử nói nhỏ với người hầu cận tâm phúc:

- Dem các vị lão quan đến chỗ quản thúc tạm thời thôi, lo chỗ ngủ nghỉ, việc ăn uống cho đàng hoàng, tươm tất.

Từ đây, chẳng còn ai dám can gián nữa. Đức tin của quần chúng đối với Thần Cây mạnh mẽ như sóng tràn chẳng sức gì cưỡng nổi.

Không lâu sau, Vua cha băng hà, hoàng tử lên kế vị ngôi Vương. Ngày lễ đăng quang, ngài cho mời rộng rãi trăm quan, các giáo chủ Bà-la-môn, các đại gia chủ, các vị bô lão đại diện bá tánh.

Đức Vua nói:

- Ai trong chư khanh biết vì lý do nào mà Trẫm đạt được Vương vị?
Mọi người đều trả lời là không biết.

Đức Vua lại hỏi:

- Ai trong chư khanh đã có thấy trước đây, khi còn là hoàng tử, ta thường cùng đám tùy tùng, với trang sức, với đồ đại lễ, ra cửa thành và đánh lễ Thần Cây?

Một vị cận thần xu nịnh tâu:

- Thưa Thiên tử! Ai là con dân trong quốc độ này cũng biết việc làm thiêng liêng ấy của Thiên tử.

Vua gật đầu nói:

- Đây là lý do. Lúc ấy, với tất cả lòng thành, ta phát nguyện như sau: "Nếu Thần Cây với uy lực của mình, cho ta được làm vua thì ta chẳng tiếc tài vật lẫn sanh mạng của mọi người để làm vật hiến cúng." Vậy hôm nay làm lễ quán đỉnh lên ngôi, ta nhớ ơn Thần Cây, chư khanh hãy chuẩn bị phẩm vật, vật tế để cho ta tròn với lời hứa thiêng liêng.

Mọi người xôn xao vì họ chưa nắm rõ ý câu nói của Đức Vua.

Một vị giáo chủ đứng dậy tâu:

- Lệnh vua là lệnh trời. Nhưng thưa Thiên tử! Tài vật ấy như thế nào? Sanh mạng ấy như thế nào?

Đức Vua cất giọng sang sảng:

- Này chư khanh! Tài vật thì dễ rồi, nhưng sanh mạng mới khó! Sanh mạng của ai? Ô! Điều ấy ta cũng từng nói rõ với Thần Cây như sau: "Tất cả những ai ở trong quốc độ của ta nếu chuyên hành ác giới, mười hạnh bất thiện, ta sẽ giết tất cả chúng với đầu, nội tạng, thịt và máu để làm lễ tạ ơn. Chẳng kể một ngàn, hai ngàn, hễ cứ ai ác giới, tà hạnh là giết hết, không chừa một móng!"

Như một tiếng sét nổ kinh hoàng giữa lưng mây, mọi người bàng hoàng run sợ.

Một vị giáo chủ đã có tuổi tâu:

- Thưa Thiên tử! Làm sao mà giết chúng hết? Và lại, chúng phạm tội khi luật chưa thành văn!

Đức Vua cứng rắn:

- Vậy sẽ thành văn tức khắc. Này chư khanh! Hãy đánh trống bả cáo cùng khắp lời truyền của ta. Trong quốc độ này, bắt đầu từ hôm nay, ai hành năm ác giới và mười ác hạnh, không kể con số nghìn vạn, quan hay dân, kẻ ngu phu hay người trí thức, ta sẽ giết hết để làm lễ tế thần! Ngay chính cả ta và mọi người trong hoàng tộc cũng không có biệt lệ!

Các quan đại thần có đức độ, gồm các vị lão quan đã được thả ra - đến ngang đây mới thấy rõ sự dụng tâm cơ khổ của bậc hiền trí: lặng lẽ chịu đựng tất cả mọi oan khuất, lời phỉ báng của mọi người, cốt mong sao đem

chính đạo cai trị muôn dân! Họ chột sinh lòng kính trọng và ngưỡng mộ Đức Vua vô cùng. Họ cảm động đến chảy nước mắt. Sau đó họ mau mắn cử phi mã, khoái mã đi đánh trống, truyền thông điệp, bá cáo khắp tận hang cùng ngõ hẻm nghiêm lệnh của tần quốc vương.

Lạ thay! Tiếng trống vừa báo tin đi mấy hôm thì vó ngựa khắp các phương lần lượt mang tin về: mọi người sợ hãi tái xanh mặt, chỗ này họp làng, họp xóm; chỗ kia họp hội đồng gia tộc, từng gia đình,... Họ dặn bảo nhau, nhắc nhở nhau, đe dọa nhau bởi lời bố cáo danh thép của Đức Vua với triệu sơn tươi roi rói.

Chỉ một thời gian ngắn, cả quốc độ không còn ai dám hành năm ác giới và mười bất thiện hạnh nữa. Chẳng những thế, khắp tất cả thành phố, thị trấn, làng mạc,... Đức Vua cho tung ra hàng ngàn vị Bà-la-môn học thức, có phẩm hạnh, dạy cho dân các công nghệ chánh mạng và thực dụng hầu đáp ứng nhu cầu vật chất áo cơm cho toàn xã hội. Các lớp dạy chữ, dạy văn chương, tư tưởng đạo đức làm người cũng được mở khắp nơi. Dân chúng sống trong cảnh thanh bình, an lạc, biết giữ giới luật, biết san sẻ, tương thân tương trợ, biết bố thí, cúng dường, biết làm các thiện sự xã hội,...

Như vậy, người hiền trí với dụng tâm và cơ mưu thiện xảo, không làm ai đau khổ, không làm cho ai đổ mồ hôi mà thiết lập được một triều đại Chánh Pháp huy hoàng, rực rỡ trong lịch sử loài người. Ngài đã làm cho một quốc độ đầy ngu si, ác giới và tà hạnh tràn ngập con đường thiên giới!

---o0o---

QUẢ BÁO KHỦNG KHIẾP

Thuở Phật Ca Diếp còn tại thế, có một vị tỷ kheo sống trong ngôi làng nhỏ dưới sự hộ độ của người chủ ruộng. Vị ấy tính tình bộc trực, hồn nhiên, giữ giới trong sạch và chuyên tu thiền quán. Ngài sống như vậy trong thời gian dài không có phiền lao và nhiệt não.

Hôm kia, có một vị trưởng lão lục căn thanh tịnh đi qua làng. Người chủ ruộng trông thấy, phát tâm tịnh tín, thỉnh bát, mời vào nhà, cúng dường các món ăn, nghe pháp rồi thưa:

- Thật ít khi mà ngôi làng nhỏ bé của chúng con được phước để nghinh tiếp và cúng dường đến các bậc sa môn phương xa. Thưa tôn giả kính mến! Nay tôn giả đã đến đây thì xin ngài hoan hỷ dừng bước để cho chúng con thêm được phần cơ duyên tấn ích. Ở đây, có một ngôi tịnh xá, ngài sẽ gặp đầu tiên ở con đường. Thỉnh tôn giả ở lại đấy, buổi chiều chúng con sẽ đến.

Vị trưởng lão im lặng nhận lời đi đến tịnh xá, đánh lễ vị tỷ kheo trụ trì và xin chỗ tạm cư.

Vị tỷ kheo trụ trì ân cần tiếp đón, mời ngồi rồi hỏi:

- Chẳng hay hiền giả ở xa lại mà đã có gì độ thực chưa?
- Đã có rồi, thưa hiền giả.
- Ở đâu vậy, hiền giả quý mến?
- Gần đây thôi, thưa ngài, nơi gia đình người chủ ruộng ở trong làng.

Vị trụ trì sửa soạn sàng tọa, chỗ cất đặt y bát, nước rửa, khăn tắm, khăn lau mặt, chỉ chổi vệ sinh, quét dọn đầu giường ngăn nắp rồi mời vị khách tăng vào nghỉ ngơi.

Vị trưởng lão vốn là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã tận, sống bình đẳng hài hòa với các vị đồng phạm hạnh, hoan hỷ đến chỗ sàng tọa của mình, ngồi xuống và hưởng lạc thọ của thiền, của quả.

Buổi chiều, với hương hoa, dầu đèn, người chủ ruộng đến tịnh xá, đánh lễ cúng dường vị trụ trì rồi thưa hỏi vị khách tăng. Người chủ ruộng vấn an sức khỏe, đánh lễ, ngồi xuống một bên vị trưởng lão và nghe pháp. Đến lúc mát trời, người chủ ruộng xin được mời thỉnh cả hai vị về nhà mình.

Vị trụ trì tâm tư không được thoải mái, tự nghĩ:

"- Kẻ hộ độ cho ta tâm đã bị phân tán thành hai. Một lúc nào đó, y sẽ không còn ngó ngàng gì đến ta nữa. Vậy hãy làm thế nào cho vị khách tăng bỏ tịnh xá và ra đi?"

Đến giờ hầu thăm, khi vị trưởng lão đến, vị trụ trì tỏ thái độ im lặng một cách khó chịu.

Quán tâm, biết rõ tâm của vị trụ trì, bậc trưởng lão về chỗ sàng tọa của mình, suy nghĩ:

"- Ngài trụ trì này không biết, chớ ta có bao giờ làm phiền lụy, trở ngại cho ai?"

Sáng ngày, vị trụ trì lấy tay gõ nhẹ cái chuông, lấy móng tay cào nhẹ nơi cửa rồi ôm bát đến nhà thí chủ hộ độ hàng ngày. Người chủ ruộng thỉnh bát, mời ngồi rồi hỏi vị khách tăng sao không thấy đến.

Vị trụ trì tỏ vẻ ngần ngại một lát rồi mới nói:

- Tôi không biết gì về vị tỷ kheo đáng mến ấy! Sáng ngày, tôi đã đánh chuông, gõ cửa nhưng không thể đánh thức vị ấy được. Bữa qua, sau khi dùng các món ăn thượng vị nơi nhà của thí chủ, có thể chưa tiêu hóa được, nay đang còn ngủ chạng? Tôi không rõ lắm, mà có thể vị ấy đang hoan hỷ với những việc như vậy!

Trong khi ấy, bậc trưởng lão A-la-hán biết giờ khát thực đã đến, không muốn làm phiền vị trụ trì nên đã dọn dẹp sàng tọa, cất đặt, quét tước đầu giường thơm tạt, sạch sẽ, rồi đắp y, quăng bát qua hư không đi đến một trú xứ khác.

Người chủ ruộng sau khi cúng dường cơm, canh, bánh, sữa, sanh tô, mật và đường đến vị trụ trì, lại gói sẵn thêm một phần nữa rồi thưa:

- Bạch tôn giả! Ngài trưởng lão khách tăng chắc đi đường xa còn mệt, vậy nhờ tôn giả hoan hỷ mang phần vật thực mà chúng con đã có nhả ý cúng dường cho vị ấy.

Chẳng thể từ chối, vị trụ trì đi về với tâm tư phiền muộn, tự nghĩ:

"- Nếu y được ăn cơm với sữa, mật và sanh tô này, ai nắm cổ đuôi đi, chắc y sẽ không đi. Vậy ta phải làm sao? Đem cho người khác, việc làm của ta sẽ bị bại lộ. Nếu đổ xuống nước, sanh tô sẽ nổi lên và sẽ bị thấy. Quảng trên đất thì lũ quạ sẽ tụ họp lại, kẻ qua đường sẽ biết, và rồi sẽ đến tai người chủ ruộng. Nay ta sẽ thủ tiêu phần vật thực này ở đâu?"

Đang phân vân như vậy, vị trụ trì chợt thấy một đám cây và một đám ruộng bị đốt, lửa nghi ngút bốc lên. Ý nghĩ đi liền theo, vị trụ trì khều một đồng than đỏ lên, bỏ vật thực xuống rồi phủ lên đó một lớp than nữa. Làm xong công việc ấy, vị trụ trì mỉm cười hài lòng:

"- Sẽ không còn vật thực thượng vị, rồi tứ đại sẽ hoàn cho tứ đại."

Về tịnh xá, thấy vắng vẻ, mở cửa nhìn chỗ sàng tọa của vị khách tăng, thấy đâu đó đã được dọn dẹp ngăn nắp sạch sẽ, vị trụ trì giật mình:

"- Vậy là y biết rõ tâm tư của ta, không muốn phiền nhiễu ta, quấy rầy ta nên đã lặng lẽ bỏ đi nơi khác. Đây đúng là hành động của một bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc rồi!"

Nghĩ vậy, một nỗi sợ hãi to lớn khởi lên thiêu đốt tâm can, vị tỷ kheo trụ trì khôn khổ than dài:

"- Ôi! Vì một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà ta đã thiêu rụi vô vàn công đức và phước báu tu tập được. Ta đã ngu si làm một tội lỗi tà trời!"

Từ đấy, vị tỷ kheo trụ trì bị dẫn vật, đau khổ, phiền muộn, ưu sầu. Ngày và đêm, vị ấy như ở trong một lò lửa lớn, đun bằng dầu sôi, đốt cháy ruột gan và óc não. Trạng thái này kéo dài cho đến khi chấm dứt thọ mạng, vị tỷ kheo trụ trì rơi xuống địa ngục, bị đốt, bị nấu nhiều trăm nghìn năm.

Do sức mạnh của ác nghiệp, từ địa ngục, vị ấy bị sanh năm trăm kiếp liên tục làm Dạ Xoa đói, không được ăn đầy bụng dầu chỉ một ngày. Chỉ có một bữa vị ấy được no bụng bởi ăn đồ ứ nhiễm của thai bào.

Hết năm trăm kiếp Dạ Xoa, năm trăm đời vị ấy sanh làm chó đói. Liên tiếp năm trăm đời, không một ngày no bụng, chỉ được một bữa đầy do ăn vật thực ói mửa của người khác.

Khi kiếp chó mạng chung, vị ấy sinh ở nước Kàsì, tại một làng nghèo đói, trong một ngôi nhà nghèo đói nhất. Từ khi vị ấy sinh ra, gia đình trở nên nghèo đói cùng cực. Nơi cái bụng ọc ạch của vị ấy, chưa bao giờ chứa được một nửa bát nước cháo chua! Cha mẹ vị ấy không thể chịu nổi cái đói, đánh đuổi vị ấy đi với lời nguyện của con số đen bất hạnh! Không nơi nương tựa, vị ấy lang thang đến Ba-la-nại.

Thuở ấy, tiền thân Phật Thích Ca là một vị giáo sư có tiếng khắp các phương. Dân Ba-la-nại trả tiền công cho ngài để ngài dạy tri thức và nghề nghiệp cho năm trăm thanh niên con em của họ. Tình cờ, Bồ Tát gặp "con số đen bất hạnh". Thấy đói khổ, tội nghiệp, ngài mang về cho cơm ăn áo mặc rồi dạy cho học. Nhưng vị ấy cứng đầu, ngang ngạnh, hay đánh bậy, không chịu nghe lời khuyên bảo. Từ khi có nó, tiền dạy của Bồ Tát bỗng dưng giảm sút, không rõ người ta cố ý không trả tiền công hay người ta quên! Tuy nhiên, mặc dù biết rõ do nghiệp của nó, Bồ Tát vẫn nhẫn nại, khoan dung, cố dạy dỗ cho nó nên người.

Cũng do nghiệp xui nên, vị ấy không thể ở yên trong hoàn cảnh tốt. Nó gây lộn, ẩu đả với nhiều thanh niên rồi trốn đi, lang thang đến một làng biên địa làm thuê sinh sống.

Tại đây, nó chung sống với một người đàn bà nghèo khổ và sinh được hai con. Từ khi có nó ở đây, ngôi làng biên địa này bị vua xử phạt bảy lần vì săn thú trái phép, nhà cửa bị cháy bảy lần và hạn hán cũng xảy ra bảy lần. Đời sống của dân chúng vốn đã chẳng no đủ gì, lại trở nên khó khăn, nghèo đói, cơ cực không thể tưởng. Họ nghĩ: "Có lẽ tại con số đen bất hạnh kia chăng? Trước đây, chúng ta đâu có khổ cùng khổ cực đến vậy?"

Dân làng họp nhau lại rồi tản xuất nó đi. Với vợ và con, nó lang thang lếch thếch đến một khu rừng. Một bữa đi kiếm trái cây trở về, vợ và hai con nó chỉ còn là một đồng xương và máu bầy nhầy. Một phi nhân đã ăn thịt những kẻ thân yêu của nó! Sợ hãi, đau đớn, đói khát, nó ra khỏi rừng, vất vưởng từ núi này sang núi nọ, làng này sang làng khác. Đến một vùng biển, gặp lúc một chiếc tàu vừa nhỏ neo, nó xin được một chân làm thuê. Tàu đi được bảy ngày thì đột nhiên đứng yên như bị mắc cạn. Chúng rút thăm xem ai là "con số đen bất hạnh". Cả bảy lần, thăm con số đen đều rơi vào tay nó. Thế là người ta hè nhau, quăng nó xuống trên một chiếc bè. Không có nó, tàu bình yên vô sự ra đi!

Do quả giữ giới, sống đời phạm hạnh một thời gian thuở Phật Ca Diếp, bè tre của nó trôi đến một hòn đảo xinh đẹp. Tại đây, nó sống hưởng lạc bảy ngày trong tòa lâu đài pha lê với bốn tiên nữ (Dạ Xoa thiên). Hết bảy ngày, nó lại lên bè tre trôi đến một hòn đảo khác, gặp tám tiên nữ và sống hưởng lạc thú với họ trong một tòa lâu đài bằng ngọc. Phước báu này đầy nó đi rồi gặp mười sáu tiên nữ, ba mươi hai tiên nữ. Hết phước, nó lạc đến một hòn đảo hoang vu. Có một con quỷ Dạ Xoa trong hình dáng một con dê đang ăn cỏ ở đấy. Vì đói, nó nhảy đến định bắt dê để ăn thịt. Với thần lực của loài quỷ, Dạ Xoa nhắc bổng nó và quăng qua hư không. Nó băng băng bay qua biển, không biết với thời gian bao lâu, nó rơi xuống trên đầu một bụi gai, lăn tròn qua một cái hào khô nước rồi đứng dậy.

Lúc bấy giờ, tại cái hào ấy, ăn trộm thường đến bắt dê của vua, và những người rình bắt trộm đang núp sẵn ở đấy. "Con số đen bất hạnh" thấy dê nhiều quá, ngu si tự nghĩ: "Khi ta chụp bắt dê ngoài hoang đảo, nó quăng ta qua biển rồi rơi xuống đây. Bây giờ, ta lại chụp bắt một con dê, như thế, nó lại quăng ta qua biển, rơi xuống nơi hòn đảo có các vì tiên nữ!"

Với tác ý bất chánh như vậy, nó nhảy tới chụp chân dê, dê kêu lên, thê là người ta đổ ra bắt nó: "Đây đúng là đứa ăn trộm dê của vua từ trước tới nay!" Người ta đánh nó, trói lại rồi dẫn về cho Đức Vua trị tội.

Hôm ấy, ở Ba-la-nại, Bồ Tát đang dẫn năm trăm người học trò của mình xuống sông tắm thì gặp nó đang bị lính trói dẫn đi. Hỏi tự sự đầu đuôi câu chuyện, Bồ Tát biết nó không phải là đứa ăn trộm dê, chỉ do một sự trùng hợp ngẫu nhiên nào đó thôi. Nó cũng tình thật kể lại tác ý của nó khi được hưởng lạc thú ở đảo với những tiên nữ. Bồ Tát chỉ trả một ít tiền thù lao công khó đêm hôm rình trộm rồi xin người ta ân xá cho sự ngu si của nó. Nể tình Bồ Tát, nó được tha mạng. Bồ Tát lại mang nó về nhà nuôi dưỡng rồi tiếp tục khuyên lơn, dạy bảo. Chấm dứt thọ mạng, Bồ Tát và "con số đen bất hạnh", mỗi người đi theo nghiệp của mình.

Cái quả báo khùng khiếp của vị tỷ kheo trụ trì thuở xưa, vì nguyên nhân một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà đốt cháy vật thực, không phải ngang đây là chấm dứt. Cái kiếp ngu si, bần cùng, khốn khổ bất hạnh tương tự như trên còn kéo dài đến năm trăm đời sau nữa.

Kiếp cuối cùng, nó sanh thú tại Kosala, trong một làng đánh cá, tại một gia đình nghèo khổ. Từ khi nó tượng hình trong thai bào người vợ thì cả ngôi làng, gồm một ngàn gia đình rơi vào thảm họa, tổn hại. Cá trong biển dường như trốn đi đâu mất hết, dân làng thường phải trở về tay không mỗi ngày, mỗi tuần. Họ phải đi xa hơn, ngoài ranh giới của mình, thế là bị Đức Vua xử phạt bảy lần! Rồi tiếp theo là ngôi làng bị cháy bảy lần! Thế rồi, cả làng chỉ còn tay trắng, nghèo đói cùng cực.

Họ bàn với nhau:

"- Trước kia, chúng ta không có như vậy. Làng của chúng ta chắc chắn phải có một "con số đen" nào đấy, phải tìm cho ra!"

Rồi họ phân thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình. Chuyện lạ xảy ra. Nhóm nào có cha mẹ nó thì vẫn đen đui, xui xẻo. Nhóm kia dần dần được tăng thịnh, hết đói nghèo.

Người ta lại chia hai cái nhóm năm trăm gia đình "con số đen", mỗi bên hai trăm rưởi gia đình. Nhóm có cha mẹ nó vẫn như cũ còn nhóm kia bắt đầu có may mắn. Tuần tự chia đôi mãi như vậy, người ta tìm ra được gia đình có nó đầu thai, rồi tản xuất cả gia đình nó ra khỏi làng.

Người chồng biết cái "quái thai" kia nằm trong bụng vợ nên cũng sợ hãi, trốn vợ bỏ đi luôn. Thật khốn khổ cho người đàn bà bụng mang dạ chửa, lê lét tám thân gầy đi xin ăn qua bữa. Cuối cùng, đứa bé cũng được sinh ra.

Vì là đời sống cuối cùng nên dầu có bị khốn khổ, đói rét, đứa bé vẫn không thể chết. Như ngọn đèn nằm trong chiếc ghè, điều kiện để thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Khi đã biết đi, biết chạy, người mẹ giao cho đứa bé một cái bát và bảo nó đi ăn xin, rồi bỏ trốn. Bà nghĩ rằng, cuu mang nó cho đến bây giờ quả là tận tình, tận nghĩa đối với nó rồi.

Từ đó, nó sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, chỗ kia, không một mảnh vải che thân, nằm ngủ đầu đình, xó chợ. Nó tìm sống một cách cực khổ như một con quỉ ăn bùn, bới trong những đồng rác, lượm những hạt cơm đổ tại các cửa nhà, moi móc những đồ ăn thừa người ta rửa, thải từ các mương cống...

--*--

Hôm nọ, bậc tướng quân Chánh Pháp đang đi khất thực ở Xá Vệ, thấy đứa bé, động tâm suy nghĩ: "Chẳng biết nó là con của ai, ở đâu mà sống một đời đáng thương hại như vậy?" Rồi khởi lòng bi mẫn, ngài gọi:

- Này con, hãy đến đây!

Đứa bé đến, thấy dung nghi của trưởng lão, một niềm kính trọng sâu xa khởi lên, nó liền chấp tay đánh lễ rồi đứng khép nép ở một bên.

- Con ở làng nào? Cha mẹ con ở đâu?

- Thừa tôn giả, con không có nơi nương tựa. Cha mẹ con, vì con mà đời sống quá khốn khổ, quá mệt mỏi nên họ đã bỏ rơi con và trốn đi.

Ngài Xá Lợi Phất ân cần:

- Này con, con có muốn sống đời xuất gia như ta không?

- Con muốn lắm. Đứa bé nói - Nhưng ai sẽ cho kẻ khốn nạn như con xuất gia?

- Ta, ta sẽ cho con xuất gia.

Tôn giả Xá Lợi Phất sau khi cho đứa bé ăn các món ăn loại cứng và mềm, dắt về tịnh xá Kỳ Viên, tự tay tắm rửa cho y, rồi cho đứa bé xuất gia làm sa di đuổi quạ. Đến tuổi trưởng thành, trao cho đại giới, từ đây được gọi là tỳ kheo Losaka.

Losaka do nghiệp quá khứ còn dư sót nên ít được phước báu, ít nhận được các món ăn cúng dường. Dầu cho có được bố thí lớn cách mấy, không gì sánh nổi, bụng của vị tỳ kheo này cũng không được no, chỉ vừa đủ để duy trì mạng sống cầm chừng mà thôi! Một muống cháo là hình như đã tràn đầy

bình bát của vị ấy. Người ta luôn luôn cảm thấy bát của vị tỷ kheo này đã đầy - dầu bên trong không có gì - nên họ lại đem dâng cúng cho vị đi sau.

Tỷ kheo Losaka, tuy vậy, tu hành rất tinh tấn, thiên quán tăng trưởng, sau một thời gian, chúng quả A-la-hán. Tuy vậy, ngài cũng chỉ được món ăn cúng dường ít ỏi. Vì thiếu thốn vật thực nên thọ hành giảm thiểu và ngày Niết bàn Vô dư đã đến.

Bậc tướng quân Chánh Pháp, hôm ấy hướng tâm đến, biết được thọ hành của người đệ tử, bèn nghĩ rằng: "Losaka hôm nay sẽ nhập Niết bàn không có dư y. Ta làm thế nào cho vị ấy được một bữa ăn no bụng lần cuối cùng?"

Thế rồi, tôn giả dẫn ngài Losaka vào Xá Vệ để khát thực. Dầu cả thành phố ai cũng biết tôn giả, nhưng hôm ấy, không hiểu tại sao, cả hai, không nhận được một lời chào hỏi, huống nữa là cúng dường! Tôn giả Xá Lợi Phất bảo ngài Losaka về tịnh xá, ngồi tại giảng đường rồi tôn giả sẽ gửi vật thực về cho.

Khi không có tỷ kheo Losaka đi bên cạnh, tôn giả liền đầy một bát, đầy hai bát. Tôn giả cẩn thận soát ra nhiều phần, gắp vị tỷ kheo nào, tôn giả cũng nhờ mang về cho tỷ kheo Losaka đang đợi ở giảng đường. Rồi tôn giả lại đi bát tiếp cho mình.

Kính kể rằng, vì nghiệp ác xui khiến nên tất cả những người tôn giả Xá Lợi Phất nhờ mang về, đều quên, không đem vật thực cho tỷ kheo Losaka, họ ăn hết, hoặc họ soát cho vị khác.

Đến trưa, khi về tịnh xá, ngài Losaka tìm đến đánh lễ, tướng quân Chánh Pháp ân cần hỏi:

- Nay hiền giả! Hiền giả có nhận được chút ít vật thực nào chăng?

Vì là bậc thánh, ngài Losaka trả lời nhũn nhặn:

- Thưa tôn giả! Rồi con sẽ nhận được.

"Rồi con sẽ nhận được"! Nghĩa là hiện giờ thì chưa nhận được! Tôn giả Xá Lợi Phất ngẩng đầu nhìn trời. Đã quá ngộ!

- Hãy ngồi xuống đây, hiền giả! Tôn giả Xá Lợi Phất nói nhanh - Hãy ngồi xuống đây và chỉ đợi ta trong giây lát thôi.

Xong, như cánh chim ưng vàng, tôn giả quăng bát qua hư không, vận thần thông lực, bay đến trú xứ của Vua Kosala. Ở đây, sau khi nhận đầy bát bốn loại bánh ngọt và những thức ăn phi thời, tôn giả mau chóng trở về, đứng, cầm bình bát và nói:

- Nay hiền giả Losaka, hãy ăn đi. Đây là những thức ăn phi thời được phép dùng. Ta cho phép hiền giả cứ lấy ăn.

Nhưng ngài Losaka vì lòng kính trọng thầy, không thể để thầy đứng cầm bát cho mình ăn, nên còn ngần ngại.

Tôn giả lại nói:

- Này hiền giả! Đáng quý thay là đức hạnh cung kính, nhưng đây là do ta cho phép chứ không phải tự ý của hiền giả. Ta cầm bát và đứng, còn hiền giả cứ lấy bánh mà ăn. Vì sao vậy? Vì ta biết rõ rằng, khi tay ta vừa rời khỏi bình bát thì sẽ không còn một vật thực nào ở đấy nữa!

Do thần thông lực của bậc tối thượng thủ duy trì nên bánh đã không biến mất do nghiệp còn dư sót của tỳ kheo Losaka, nên hôm ấy ngài được ăn một bữa ăn no bụng trong suốt một kiếp làm người!

Sau đó, tỳ kheo Losaka nhập Niết bàn. Đức Chánh Đẳng Chánh Giác đứng một bên chứng kiến thi hài được hỏa táng. Các Xá Lợi được thu nhận và điện tháp được xây dựng để tôn trí lên trên.

---o0o---

HẾT